Luận Đại Trí Độ

Tập III

Cuốn 41 - 45

(Mahàprajnàparamitàsatra)

Tác giả: **Nàgàrjuna (Long Thọ)**
Dịch Phạn ra Hán: **Cưu Ma La Thập**
Việt Dịch HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
Ấn hành 1997

---o0o---

Nguồn

http://www.quangduc.com

Luận Đại Trí Độ

Tập III

Cuốn 41 - 45

(Mahàprajnàparamitàsatra)

Tác giả: **Nàgàrjuna (Long Thọ)**
Dịch Phạn ra Hán: **Cưu Ma La Thập**
Việt Dịch HT.Thiện Siêu

Cuốn 41 3
GIẢI THÍCH: PHẨM BA GIẢ THỨ 7 3
GIẢI THÍCH PHẨM KHUYẾN HỌC THỨ 8 18
GIẢI THÍCH: PHẨM TẬP TÁN THỨ 9 28
Cuốn 42 49
Cuốn 43 55
GIẢI THÍCH: PHẨM HÀNH TƯỚNG THỨ 10 55
Cuốn 44 69
GIẢI THÍCH: PHẨM HUYỄN HỌC THỨ 11 69
GIẢI THÍCH: PHẨM CÚ NGHĨA THỨ 12 81
Cuốn 45 93
GIẢI THÍCH: PHẨM MA HA TÁT THỨ 13 93
GIẢI THÍCH: PHẨM ĐOẠN KIẾN THỨ 14 100
GIẢI THÍCH: PHẨM PHÚ LÂU NA THỨ 15 105

Cuốn 41

GIẢI THÍCH: PHẨM BA GIẢ THỨ 7

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thiện Hiện thứ 6)

Kinh: Bấy giờ Phật bảo Tuệ mạng Tu bồ đề: Ông hãy dạy Bát nhã ba la mật cho các Bồ tát ma ha tát, như các Bồ tát ma ha tát đáng được thành tựu Bát nhã ba la mật đa.

Liền khi ấy, các Bồ tát ma ha tát và đại đệ tử Thanh văn, chư thiên v.v… khởi niệm rằng: Tuệ mạng Tu bồ đề dùng sức trí tuệ của mình sẽ nói Bát nhã ba la mật cho các Bồ tát ma ha tát ư? Hay là nhờ sức Phật?

Tuệ mạng Tu bồ đề biết tâm các Bồ tát ma ha tát, các đệ tử, chư thiên, liền nói với Tuệ mạng Xá lợi phất rằng: Đệ tử Phật dám có thuyết pháp, có giáo thọ, đều nhờ Phật lực. Phật thuyết pháp không trái với pháp tướng. Các thiện nam tử học pháp ấy, được chứng pháp ấy. Phật thuyết pháp như đèn truyền chiếu. Xá lợi phất! Hết thảy Thanh văn, Bích chi Phật, thật không có năng lực thuyết Bát nhã ba la mật cho các Bồ tát ma ha tát.

Bấy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Thế Tôn nói Bồ tát,danh tự Bồ tát. Pháp gì gọi là Bồ tát? Bạch Thế Tôn! Chúng con không thấy pháp gọi là Bồ tát, làm sao dạy cho Bồ tát Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bát nhã ba la mật cũng chỉ có danh tự gọi là Bát nhã ba la mật. Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng chỉ là danh tự. Danh tự ấy không ở trong, không ở ngoài. Không ở chặng giữa.

Tu bồ đề! Ví như nói tên ngã do hòa hợp mà có. Tên ngã ấy không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, như các danh tự chúng sinh, thọ mạng, sinh giả, dưỡng dục, chúng số, người, kẻ làm, kẻ khiến làm, kẻ khởi dạy, kẻ khiến khởi dạy, kẻ thọ, kẻ khiến thọ, kẻ biết, kẻ thấy v.v… là pháp do hòa hợp nên có. Các danh tự ấy không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Bát nhã ba la mật đa, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu bồ đề! Ví như thân do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu bồ đề! Ví như sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng do hòa hợp nên có, là cũng không sanh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu bồ đề! Ví như mắt, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Mắt ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói; sắc cho đến pháp cũng như vậy. Nhãn giới do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, cho đến ý thức giới cũng như vậy. Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là cũng không sinh diệt, chỉ dùng danh tự để nói. Danh tự ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu bồ đề! Ví như nội thân, gọi là đầu, chỉ có danh tự; gọi là cổ, vai, tay lưng, gân, bắp vế, xương đùi, cẳng chân, là do hòa hợp nên có. Pháp ấy và danh tự không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói; danh tự ấy cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy cũng không sinh không diệt, không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu bồ đề! Ví như ngoại vật cỏ, cây, cành, lá, cọng, mắc, tất cả vật ấy chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy và danh tự, cũng không sinh không diệt, chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa. Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có; pháp ấy và danh tự, cũng không sinh không diệt, chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa.

Tu bồ đề! Ví như quá khứ chư Phật, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy cũng chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải ở giữa. Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy.

Tu bồ đề! Ví như mộng, tiếng vang, bóng, huyễn, sóng nắng, việc biến hóa của Phật, đều là hòa hợp nên có, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy và

danh tự, không sinh không diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa. Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, giả đặt ra danh, giả đặt ra thọ, giả đặt ra pháp, như vậy nên học.

Luận. Hỏi: Phật đã nói các Bồ tát ma ha tát có phước đức, trí tuệ, lợi căn hơn các Thanh văn, cớ sao lại sai Tu bồ đề thuyết?

Đáp: Trong chương Tướng lưỡi ở trước đã nói, do có hai nhân duyên nên Phật sai khiến Tu bồ đề thuyết.

Lại nữa, Phật có oai đức tôn trọng, vì tâm kính sợ không dám hỏi Phật, sợ không tự mình hỏi hết.

Lại nữa, Phật biết tâm chúng có nghi, vì chúng sinh kính sợ Phật, không dám phát ra lời hỏi, vì sao? Vì chúng sinh thấy thân Phật như núi Tu di, lưỡi trùm ba ngàn đại thiên thế giới, thân xuất ra vô lượng các thứ ánh sáng, khi ấy chúng hội, tâm đều kinh sợ, không dám phát ra lời hỏi, mỗi mỗi tự nghĩ: Ta sẽ làm sao theo Phật nghe pháp? Vì vậy, Phật sai Tu bồ đề thuyết pháp cho chúng và nói: Ông thuyết pháp đều là do Phật lực, như trong Kinh nói.

Lại nữa, Bát nhã ba la mật có hai thứ: Một là thuyết chung cho cả Thanh văn, Bồ tát, hai là chỉ thuyết cho pháp thân Bồ tát. Vì tạp thuyết nên sai Tu bồ đề trước hết, rồI đến Di lặc, Xá lợi phất, Thích đề hoàn nhơn.

Khi ấy, chúng hội nghe Phật sai Tu bồ đề thuyết, tâm đều kinh nghi. Tu bồ đề biết tâm mọi người, nên nói với Xá lợi phất v.v…hết thảy Thanh văn thuyết được, biết được, đều nhờ Phật lực. Chúng ta sẽ thừa oai lực Phật thuyết pháp; ví như người truyền ngữ, vì cớ sao? Vì Phật thuyết pháp không trái với pháp tướng. Các đệ tử học pháp ấy được chứng ngộ, dám có nói gì đều nhờ Phật lực. Điều chúng ta nói, tức là Phật nói, vì cớ sao? Vì hiện tại ở trước Phật mà thuyết, chứ chúng ta tuy có mắt trí tuệ, nếu không gặp Phật pháp, thời không thấy gì; ví như đêm đi đường hiểm, không có người cầm đèn, thời không qua được. Phật cũng như vậy, nếu không lấy đèn trí tuệ chiếu soi chúng ta,thời chúng ta không thấy gì.

Lại nói với Xá lợi phất: Hết thảy Thanh văn, Bích chi Phật còn không có sức có thể nói Bát nhã ba la mật cho các Bồ tát, huống tôi, một người, vì cớ sao? Vì trí tuệ Bồ tát rất sâu, hỏi đáp sâu xa; các pháp thiển cận khác,

đối trước Bồ tát nói ra còn khó, huống gì pháp sâu xa; như người có thể ăn một hộc cơm mà đi theo xin người chỉ có một đấu cơm để trừ đói, thời không thể trừ được. Vì vậy nên nói Thanh văn, Bích chi Phật không có sức có thể nói Bát nhã cho các Bồ tát. Tu bồ đề nói rõ Bồ tát tôn quí, Phật cũng nhận như vậy. Nay Tu bồ đề muốn thuyết pháp thật tướng nên nói: Trong hết thẩy pháp tìm Bồ tát không thể có được, vì Bồ tát không thể có được nên danh tự Bồ tát cũng không thể có được. Vì Bồ tát, danh tự Bồ tát không thể có được nên Bát nhã ba la mật cũng không thể có được. Ba việc ấy không thể có được, ta làm sao dạy Bát nhã ba la mật cho Bồ tát?

Hỏi: Phật sai Tu bồ đề thuyết Bát nhã cho các Bồ tát, mà Tu bồ đề nói không có Bồ tát, là trái với Phật, sao Phật tán đồng?

Đáp: Có hai cách: Một là tâm chấp trước mà nói, hai là tâm không chấp trước mà nói. Nay Tu bồ đề dùng tâm không chấp trước mà nói Không, Phật không quở trách.

Lại nữa, Tu bồ đề thường thực hành Không Tam muội, biết các pháp là không, nên Phật bảo Tu bồ đề thuyết Bát nhã ba la mật cho các Bồ tát, mà Bồ tát lại rốt ráo không; thế nên Tu bồ đề kinh ngạc nói: Làm sao có Bồ tát? Phật liền thuật thành: Bồ tát như vậy từ khi phát tâm lại đây cho đến khi thành Phật đạo, đều rốt ráo không, nên không thể có được. Nếu dạy như vậy, tức là dạy Bát nhã ba la mật cho Bồ tát.

Lại nữa, phàm có hai pháp: 1. Danh tự, 2. Nghĩa của danh tự. Như lửa có thể chiếu sáng, có thể đốt là nghĩa của nó. Chiếu sáng là tạo sắc, đốt lửa là hỏa đại (đất, nước, gió, lửa là bốn đại năng tạo; sắc, hương, vị, xúc là bốn đại sở tạo – ND). Hai pháp ấy hợp lại gọi là lửa. Nếu lìa hai pháp ấy có lửa , lại phải nên có công dụng thứ ba. Song trừ đốt trừ chiếu sáng lại không có công dụng thứ ba, nên biết hai pháp hòa hợp giả gọi là lửa; tên lửa ấy không ở trong hai pháp, vì sao? Vì pháp có hai, mà lửa là một, một không làm hai, hai không làm một. Nghĩa là hai danh pháp không hợp nhau, vì cớ sao? Vì nếu hai pháp hợp làm một, thời khi nói lửa lẽ phải bị cháy miệng; nếu hai pháp lìa nhau, thời khi tìm lửa lẽ đáng được nước. Có các nhân duyên như vậy, biết lửa không ở trong hai pháp. Nhưng nếu lửa lìa ngoài hai pháp thời khi nghe tên lửa, không nên ở nơi hai pháp sinh tưởng lửa. Nhưng nếu lửa ở chặng giữa hai pháp, thời không có chỗ nương tựa. Hết thảy pháp hữu vi, đều không có chỗ nương tựa, nếu ở trung gian thời không thể biết! Vì vậy, lửa không ở ba chỗ, chỉ có tên giả.

Bồ tát cũng như vậy, do hai pháp là danh, và pháp hòa hợp nên gọi là Bồ tát. Việc sắc khác, việc danh khác, nếu quyết định có Bồ tát thời nên lại có việc thứ ba, nhưng không có việc ấy, nên biết giả gọi là Bồ tát. Danh tự Bồ tát cũng như vậy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Trong đây Phật nói thí dụ, như năm uẩn hòa hợp gọi là ngã, mà thật ngã không thể có được. Chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy đều là pháp giả danh do năm uẩn nhân duyên hòa hợp sinh. Các pháp ấy thật không danh không diệt, thế gian chỉ dùng danh tự để nói. Bồ tát, danh tự Bồ tát, Bát nhã ba la mật cũng như vậy, đều là pháp giả danh do nhân duyên hòa hợp. Trong đây Phật lại nói thí dụ.

Có người nói, do năm uẩn hòa hợp có chúng sinh, nên chúng sinh không, nhưng có pháp năm uẩn, Phật nói chúng sinh không, năm uẩn cũng do hòa hợp nên giả gọi là có. Mười hai xứ, mười tám xứ cũng như vậy.

Lại nữa, Bồ tát có hai hạng: 1. Tọa thiền, 2. Tụng kinh. Hạng tọa thiền thường quán thân do các phần xương v.v… hòa hợp giả gọi là thân, tức lấy cảnh sở quán ấy làm thí dụ, mà biết rằng phần xương đầu hòa hợp nên gọi là đầu, phần xương chân hòa hợp nên gọi kà chân; xương đẩu xương chân v.v… hòa hợp nên gọi là thân, mỗi mỗi truy tìm, đều không có căn bản, vì cớ sao? Vì đây là điều thường tập, thường quán nên lấy đó làm thí dụ.

Hạng không tọa thiền thì lấy cây,cỏ, cành, lá, hoa, trái làm thí dụ. Như chư Phật quá khứ, cũng chỉ có danh tự, dùng danh tự ấy có thể thuyết giảng. Mười thí dụ cũng chỉ có danh tự. Nghĩa Bồ tát cũng như vậy. Nghĩa mười thí dụ như trước đã nói.

Bồ tát nên học ba thứ Ba la nhiếp đề như vầy: 1. Pháp năm uẩn v.v… ấy là pháp Ba la nhiếp đề. 2. Năm uẩn nhân duyên hòa hợp nên gọi là chúng sinh; các xương hòa hợp nên gọi là xương đầu; như gốc, cành, nhánh, lá hòa hợp nên gọi là cây; ấy là thọ Ba la nhiếp đề. 3. Dùng danh tự ấy, chấp thủ tướng hai pháp, nói là hai thứ; ấy là danh tự Ba la nhiếp đề.

Lại nữa, các vi trần hòa hợp nên có pháp thô sinh ra, như vi trần hòa hợp nên có sắc thô, ấy là pháp Ba la nhiếp đề, vì từ pháp có pháp. Pháp thô ấy hòa hợp mà có tên gọi, như do vì hay đốt hay chiếu sáng nên có tên gọi là lửa; do danh và sắc nên có người, danh và sắc là pháp, người là tên giả, ấy là thọ Ba la nhiếp đề. Vì chấp thủ sắc, chấp thủ danh nên gọi là thọ.

Bên cạnh nhiều danh tự lại có nhiều danh tự; như bên cạnh danh tự cột, kèo, ngói v.v… lại có danh tự nhà; như bên cạnh danh tự cành, lá có danh tự cây; ấy là danh tự Ba la nhiếp đề.

Hành giả trước hết phá danh tự Ba la nhiếp đề, đến phá thọ Ba la nhiếp đề, sau phá thọ Ba la nhiếp đề đến phá pháp Ba la nhiếp đề. Phá pháp Ba la nhiếp đề là đến trong thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp chính là các pháp và danh tự Không Bát nhã ba la mật.

Kinh: Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật không thấy sắc danh tự là thường, không thấy thọ, tưởng, hành, thức danh tự là thường; không thấy sắc danh tự vô thường, không thấy thọ tưởng hành thức danh tự vô thường; không thấy sắc danh tự vui; không thấy sắc danh tự khổ, không thấy sắc danh tự ngã, không thấy sắc danh tự vô ngã; không thấy sắc danh tự không, không thấy sắc danh tự vô tướng, không thấy sắc danh tự vô tác, không tháy sắc danh tự tịch diệt; không thấy sắc danh tự nhơ, không thấy sắc danh tự sạch; không thấy sắc danh tự sinh, không thấy sắc danh tự diệt; không thấy sắc danh tự trong, không thấy sắc danh tự ngoài, không thấy sắc danh tự ở chặng giữa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nhãn và sắc, nhãn thức, nhãn xúc, nhân duyên nhãn và xúc sinh ra các thọ, cho đến ý và pháp, ý thức, ý xúc, nhân duyên ý và xúc sinh ra các thọ cũng như vậy, vì cớ sao? Vì Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, danh tự Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát, nơi tánh hữu vi cũng không thấy, nơi tánh vô vi cũng không thấy. Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, đều không khởi phân biệt pháp ấy. Bồ tát ấy thực hành Bát nhã ba la mật, trú trong pháp bất hoại, khi tu bốn niệm xứ, không thấy bát nhã ba la mật, không thầy danh tự Bát nhã ba la mật, không thấy Bồ tát, không thấy danh tự Bồ tát. Cho đến khi tu mười tám pháp không chung, không thấy Bát nhã ba la mật, không thấy danh tự Bát nhã ba la mật; cũng không thấy Bồ tát, không thấy danh tự Bồ tát. Như vậy, Bồ tát ma ha tát khi thực hành Bát nhã ba la mật, chỉ biết thật tướng các pháp, thật tướng các pháp là không nhơ không sạch.

Như vậy, Tu bồ đề ! Bồ tát ma ha tát khi thực hành Bát nhã ba la mật, nên biết ấy là danh tự giả đặt ra; biết danh tự giả rồi, không chấp trước sắc, không chấp trước thọ,tưởng, hành, thức; không chấp trước mắt cho đến ý; không chấp trước sắc cho đến pháp; không chấp trước nhãn thức cho đến không chấp trước ý thức; không chấp trước nhãn xúc cho đến không chấp trước ý xúc; không chấp trước nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ hoặc

khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, cho đến không chấp trước ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui; không chấp trước tánh hữu vi, không chấp trước tánh vô vi; không chấp trước Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật; không chấp trước ba mươi hai tướng, không chấp trước thân Bồ tát, không chấp trước nhục nhãn Bồ tát, không chấp trước Phật nhãn; không chấp trước Trí ba la mật, không chấp trước Thần thông ba la mật, không chấp trước nội không cho đến không chấp trước vô pháp hữu pháp không, không chấp trước thành tựu chúng sinh, không chấp trước nghiêm tịnh Phật độ, không chấp trước pháp phương tiện, vì cớ sao? Vì các pháp ấy, không có người chấp trước, không có pháp chấp trước, không có chỗ chấp trước, vì đều không có.

Như vậy,Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi thực hành Bát nhã ba la mật,không chấp trước hết thảy pháp, bèn tăng ích Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, vào Bồ tát vị, được địa vị bất thối, đầy đủ Bồ tát thần thông, dạo qua một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sinh, cung kính tôn trọng, tán thán chư Phật, vì nghiêm tịnh Phật độ, vì thấy chư Phật để cúng dường, đồ cúng dường thành tựu thiện căn, đều được tùy ý. Cũng nghe chư Phật thuyết pháp, nghe rồi cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không quên mất, được các môn Đà la ni, các môn Tam muội.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi thực hành Bát nhã ba la mật, nên biết các pháp là tên giả đặt ra.

- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc là Bồ tát chăng; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Mắt,tai, mũi, lưỡi, thân, ý là Bồ tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Sắc, tiếng, mùi, vị, pháp là Bồ tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Nhãn thức cho đến ý thức là Bồ tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Địa chủng là Bồ tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Nước, lửa, gió, không, thức chủng là Bồ tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Vô minh là Bồ tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Cho đến già chết là bồ tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Lìa sắc là Bồ tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao Tưởng sắc như là Bồ tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Cho đến tướng lão tử như là Bồ tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Lìa tướng sắc như cho đến lìa tướng lão tử như là Bồ tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !

Phật bảo Tu bồ đề: Ông quán xét nghĩa thế nào mà nói sắc chẳng phải Bồ tát, cho đến lão tử chẳng phải Bồ tát? Lìa sắc chẳng phải Bồ tát, cho đến lìa lão tử chẳng phải Bồ tát? Tướng sắc như chẳng phải Bồ tát, cho đến tướng lão tử như chẳng phải Bồ tát? Lìa tướng sắc như chẳng phải Bồ tát cho đến lìa tướng lão tử như chẳng phải Bồ tát?

Tu bồ đề thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng sinh rốt ráo không thể có được, huống gì sẽ là Bồ tát! Sắc không thể có được, huống gì là sắc, lìa sắc, sắc như, lìa sắc như là Bồ tát! Cho đến lão tử không thể có được, huống gì là lão tử, lìa lão tử, lão tử như, lìa lão tử như là Bồn tát!

Phật bảo Tu bồ đề: Lành thay, lành thay! Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nên học như vậy, vì chúng sinh không thể có được nên Bát nhã ba la mật cũng không thể có được.

- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc thường là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức thường là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô thường là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức vô thường là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc lạc là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ,tưởng, hành, thức vui là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc khổ là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức khổ là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc ngã là Bồ tát nghĩa chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức ngã là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc phi ngã là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức phi ngã là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc không là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức không là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc phi không là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức phi không là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc tướng là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức tướng là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô tướng là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế tôn!
- Thọ, tưởng, hành, thức vô tướng là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế tôn!

- Sắc tác là Bồ tát nghĩa chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Thọ, tưởng, hành, thức tác là Bồ tát nghĩa chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Sắc vô tác là Bồ tát nghĩa chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Thọ, tưởng, hành, thức vô tác là Bồ tát nghĩa chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Cho đến lão tử cũng như vậy.

Phật bảo Tu bồ đề: Ông quán xét nghĩa thế nào mà nói sắc chẳng phải Bồ tát nghĩa; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải Bồ tát nghĩa; cho đến sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô tác chẳng phải Bồ tát nghĩa, cho đến lão tử cũng như vậy?

Tu bồ đề thưa: Bạch Thế Tôn! Sắc rốt ráo không thể có được, huống gì vô sắc là Bồ tát nghĩa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc thường rốt ráo không thể có được, huống gì sắc vô thường là Bồ tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc lạc rốt ráo không thể có được, huống gì sắc khổ là Bồ tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc ngã rốt ráo không thể có được, huống gì sắc phi ngã là Bồ tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc có rốt ráo không thể có được, huống gì sắc Không là Bồ tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc tướng rốt ráo không thể có được, huống gì sắc vô tướng là Bồ tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc tác là rốt ráo không thể có được, huống gì sắc vô tác là Bồ tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy

Phật bảo Tu bồ đề: Lành thay, lành thay! Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, sắc nghĩa không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức nghĩa cho đến vô tác nghĩa không thể có được, nên học Bát nhã ba la mật như vậy.

Tu bồ đề! Ông nói con không thấy pháp gọi là Bồ tát. Tu bồ đề! Các pháp không thấy các pháp, các pháp không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy các pháp; pháp tánh không thấy địa chủng, địa chủng không thấy các tánh, cho đến thức chủng không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy thức chủng, pháp tánh không thấy tánh mắt, sắc, nhãn thức; tánh mắt, sắc, nhãn thức không thấy pháp tánh, cho đến pháp tánh không thấy tánh ý, pháp, ý thức; tánh ý, pháp, ý thức không thấy pháp tánh.

Tu bồ đề! Tánh hữu vi không thấy tánh vô vi, tánh vô vi không thấy tánh hữu vi, vì cớ sao? Vì lìa hữu vi không thể nói vô vi, lìa vô vi không thể nói hữu vi.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật , đối với các pháp không thấy gì, khi ấy không kinh, không sợ, không hãi, tâm cũng không chìm đắm, không hối hận, vì cớ sao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy không thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không thấy mắt cho đến ý, không thấy sắc cho đến pháp, không thấy dâm, nộ, si; không thấy vô minh cho đến lão tử, không thấy ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy; không thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không thấy tâm Thanh văn, tâm Bích chi Phật; không thấy Bồ tát, không thấy pháp Bồ tát; không thấy Phật đạo. Bồ tát ấy vì không thấy tất cả pháp, nên không kinh, không sợ, không hãi, không chìm đắm, không hối hận.

Tu bồ đề thưa Phật rằng; Bạch Thế Tôn! Nhân duyên gì tâm Bồ tát không chìm đắm, không hối hận?

Phật bảo Tu bồ đề: Hết thảy tâm tâm số pháp của Bồ tát ma ha tát là không thể có được, không thể thấy, nên tâm Bồ tát ma ha tát không chìm đắm, không hối hận.

Bạch Thế Tôn! Làm sao tâm Bồ tát không kinh, không sợ, không hãi?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát ấy, ý và ý giới không thể có được, không thể thấy, vì vậy nên không kinh, không sợ, không hãi. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ

tát ma ha tát đối với hết thảy pháp, không thể có được nên hành Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trong tất cả hành xứ không thủ đắc Bát nhã ba la mật, không thủ đắc danh tự Bồ tát, cũng không thủ đắc tâm Bồ tát, tức là dạy Bồ tát ma ha tát.

LUẬN: Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, quán sắc pháp danh tự chẳng phải thường chẳng phải vô thường, cho đến nơi tánh hữu vi vô vi không thấy có Bồ tát, danh tự Bồ tát. Như trước nói, đối với hết thảy pháp không khởi ức tưởng phân biệt. Bồ tát trụ trong pháp bất hoại, thực hành sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, dùng trí tuệ biết thật tướng các pháp, tìm trong các pháp không thấy pháp nhất định gọi là Bát nhã ba la mật, cũng không thấy danh tự Bát nhã ba la mật, lại không thấy Bồ tát và danh tự Bồ tát. Dùng trí tuệ ấy phá các phiền não vô minh v. v... dùng trí tuệ không thấy cũng không thấy ấy phá tâm chấp trước Bát nhã ba la mật, danh tự Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát, thông đạt vô ngại thật tướng thanh tịnh của các pháp. Bồ tát được trí tuệ như vậy, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghĩ đều như huyễn hóa; hoặc nghe, thấy, nghĩ, đều là hư dối, vì vậy nên không chấp trước sắc v. v... Trú trong trí tuệ vô ngại ấy, tăng ích sáu Ba la mật, vào Bồ tát vị, được các lợi ích như vậy.

Một chương này, Phật tự dạy Bồ tát quán sát như vậy.

Tiếp chương sau, có người cho rằng Phật phần nhiều nói pháp Không nên trở lại hỏi Tu bồ đề: Nếu các pháp chẳng không, thời có thể có một pháp nhất định là Bồ tát chăng, nghĩa là sắc là Bồ tát chăng cho đến như như là Bồ tát chăng?

Tu bồ đề nghĩ rằng: Các pháp hòa hợp nên có Bồ tát, ta làm sao nói có một pháp nhất định là Bồ tát? Vì vậy nên nói: Thưa không, bạch Thế Tôn.

Vì Tu bồ đề khéo chứng đắc chúng sinh không, nên Phật dạy: Lành thay, lành thay! Bồ tát biết chúng sinh không, không thể có được, cần nên thực hành Bát nhã ba la mật. Sắc là Bồ tát nghĩa, cho đến vô tác rốt ráo không cũng như vậy.

Tu bồ đề vào trong các pháp Không sâu xa, không nghi hoặc nên có thể lợi ích cho các Bồ tát. Cho nên Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Phép

của Bồ tát là phải học Bát nhã ba la mật, hết thảy pháp Không, không thể có được.

Như Tu Bồ đề nói: Con không thấy pháp ấy và danh tự là Bồ tát.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ riêng Bồ tát không thể thấy mà hoàn toàn không có pháp thấy pháp; pháp tánh vô lượng không thể thấy, thế nên các pháp không thấy pháp tánh. Các pháp do nhân duyên hòa hợp sinh, không có tự tánh, rốt ráo không, nên pháp tánh không thấy các pháp, sắc tánh không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy sắc tánh, cho nên thức tánh cũng như vậy. Năm uẩn tánh cùng pháp tánh đồng danh nên gọi là tánh. Mười hai xứ, mười tám giới, pháp hữu vi, pháp vô vi cũng như vậy. Lược nói nhân duyên: Lìa tánh hữu vi không nói được tánh vô vi, lìa tánh vô vi không nói được tánh hữu vi, vì trong hai pháp ấy bao gồm hết thảy pháp.

Bồ tát ấy tuy không thấy hết thảy pháp, cũng không sợ hãi, vì cớ sao? Ví có chỗ thấy, có chỗ không thấy thời có sợ hãi, nếu hoàn toàn không thấy gì thời không sợ hãi. Đó là năm uẩn cho đến mười tám pháp không chung.

Hỏi: Nếu Phật đã nói nhân duyên không sợ hãi, sao Tu bồ đề còn hỏi lại?

Đáp: Tu bồ đề nếu bảo các pháp hoàn toàn không, không có gì thời sợ đọa vào tà kiến, vì cớ sao? Vì đệ tử Phật do được chánh kiến nên gọi là người hành đạo, làm sao nói hoàn toàn không thấy gì? Phật biết tâm Tu bồ đề cho nên nói hết thảy tâm tâm số pháp không thể có được, không thể thấy, nên không sợ. Người phàm phu muốn vào trong Không, thấy tâm tâm số pháp có thể có được, còn ngoại pháp không thể có được, nên sợ hãi. Còn Bồ tát cho tâm tâm số pháp là hư dối không thật, quả báo điên đảo, không thể chỉ cho người thật sự, nên không sợ hãi. Do nghĩa ấy khác nhau cho nên còn hỏi lại.

Hỏi: Nếu như vậy, cớ sao còn có câu hỏi thứ ba?

Đáp: Tâm tâm số pháp có thể thấy được ở trong ý thức; ý và ý thức là cội gốc của tâm tâm số pháp, vì cớ sao? Vì trong ý thức phân biệt nhiều, nên sinh sợ hãi, còn năm thức thời khắc quá ngắn không phân biệt được gì. Muốn phá cội gốc sợ hãi cho nên còn hỏi lại, không lỗi. Nếu Bồ tát hành Bát nhã ba la mật được như vậy, thời tuy không thấy bốn việc là: Bồ tát, danh tự Bồ tát, Bát nhã ba la mật, danh tự Bát nhã ba la mật, mà có thể do ba nhân duyên, nên không sợ, tức là dạy cho Bồ tát Bát nhã ba la mật,

hoặc chỉ liễu giải tướng Bát nhã ba la mật ấy là hành Bát nhã ba la mật. Không từ mười phương cầu, cũng không ai cho, cũng chẳng phải như vàng bạc, vật báu, ra sức cầu mới được.

---o0o---

GIẢI THÍCH PHẨM KHUYẾN HỌC THỨ 8

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phẩm Nhập Ly Sinh thứ 7)

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn đầy đủ Thí ba la mật, hãy học Bát nhã ba la mật; muốn đầy đủ Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, hãy học Bát nhã ba la mật.

Bồ tát ma ha tát muốn biết sắc, hãy học Bát nhã ba la mật; cho đến muốn biết thức, hãy học Bát nhã ba la mật; muốn biết nhãn cho đến ý, muốn biết sắc cho đến pháp, muốn biết nhãn thức cho đến ý thức, muốn biết nhãn xúc cho đến ý xúc, muốn biết nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ, hãy học Bát nhã ba la mật; muốn đoạn dâm, nộ, si, hãy học Bát nhã ba la mật.

Bồ tát ma ha tát muốn đoạn thân kiến, giới, thủ, nghi, dâm dục, sân nhuế, sắc ái, vô sắc ái, trạo, mạn, vô minh v.v... tất cả kiết sử và triền, hãy học Bát nhã ba la mật. Muốn đoạn bốn phược, bốn kiết, bốn điên đảo, hãy học Bát nhã ba la mật. Muốn biết mười thiện đạo, muốn biết bốn thiền, muốn biết bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, hãy học Bát nhã ba la mật.

Bồ tát ma ha tát muốn vào giác ý Tam muội, hãy học Bát nhã ba la mật. Muốn vào sáu thần thông, định chín thứ lớp, siêu việt Tam muội, hãy học Bát nhã ba la mật. Muốn được Tam muội Sư tử du hý, hãy học Bát nhã ba la mật. Muốn được Sư Tử phấn tấn, muốn được hết thảy môn Đà la ni hãy học Bát nhã ba la mật.

Bồ tát ma ha tát muốn được Tam muội Thủ Lăng Nghiêm, Tam muội Bảo ấn, Tam muội Diệu nguyệt, Tam muội Nguyệt tràng tướng, Tam muội Hết thảy Pháp ấn, Tam muội Quán ần, Tam muội Tất pháp tánh, Tam muội Tất trụ tướng, Tam muội Như Kim cang, Tam muội Vào hết thảy pháp môn, Tam muội Vương Tam muội, Tam muội Vương ấn, Tam muội Tịnh lực, Tam muội Cao xuất, Tam muội Rốt ráo vào hết thảy biện tài, Tam muội Vào hết thảy tên pháp, Tam muội Quán mười phương, Tam muội Ấn các môn Đà la ni, Tam muội Hết thảy pháp không quên, Tam muội Ấn nhiếp hết thảy pháp tụ, Tam muội Hư không trụ, Tam muội Ba phần thanh tịnh, Tam muội Không thối thần thông, Tam muội Xuất bát, Tam muội Tướng

các tam muội tràng... Muốn được các môn Tam muội như vậy, hãy học Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn làm mãn nguyện hết thảy chúng sinh, hãy học Bát nhã ba la mật.

LUẬN. Hỏi: Trong phẩm đầu đã nói muốn được có các thứ, hãy học Bát nhã ba la mật, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trước chỉ tán thán muốn được các công đức ấy, hãy học Bát nhã ba la mật, mà chưa nói Bát nhã ba la mật. Nay đã nghe ý vị Bát nhã ba la mật, nhân đó muốn được các công đức khác, là sáu Ba la mật v.v... hãy học Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, trên dùng các nhân duyên nói các pháp không. Có người cho rằng, Phật pháp dạy đoạn diệt, không còn làm gì. Vì dứt mối nghi của người ấy, nên nói muốn được các công đức bố thí v.v... hãy thực hành Bát nhã ba la mật. Nếu Bát nhã ba la mật thật không, không có gì, đoạn diệt, thì không nên nói nên thực hành các công đức bố thí v.v... Bậc có trí nói,cớ gì trước sau trái nhau?

Lại nữa, trước nói rộng đây nói lược. Kia là Phật nói, đây là Tu bồ đề nói.

Lại nữa, Bát nhã ba la mật thâm diệu,cho nên nói lại.Ví như tán thán công đức tốt nên nói: Lành thay, lành thay! Nghĩa của sáu Ba la mật như trước đã nói.

Biết năm uẩn là thấy nó vô thường, khổ, không, tưởng chung, tướng riêng v.v..., sáu căn, sáu trần, sáu thức, sáu xúc, sáu thọ cũng như vậy. Hết thảy sự trói buộc ở thế gian, chính thọ là chủ, do thọ nên sinh các kiết sử, thọ vui sinh tham dục, thọ khổ sinh tham nhuế, thọ không khổ không vui sinh ngu si. Ba độc là nhân duyên khởi lên các phiền não và nghiệp, vì vậy nên chỉ nói thọ. Các tâm sổ pháp khác không nói đến là tưởng, thức, niệm v.v...; ba độc, mười kiết, các sử, các triền cho đến mười tám pháp không chung, như trước đã nói.

Tam muội Giác ý, Tam muội Siêu việt, Tam muội Sư tử du hý ... các Tam muội ấy của Bồ tát, sau sẽ nói. Muốn làm cho hết thảy chúng sinh mãn nguyện, trước đã nói.

Kinh: Muốn được đầy đủ thiện căn như vậy, thường không đọa ác thú, muốn được không sinh nhà bần tiện, muốn được không trú ở trong địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, muồn được không đọa Bồ tát đảnh (Kinh Đại Bát nhã ghi: Đối với Bồ tát đảnh, trọn không thối đọa – ND) hãy học Bát nhã ba la mật.

Bấy giờ, Tuệ mạng Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Thế nào gọi là Bồ tát ma ha tát đọa đảnh?

Tu bồ đề nói: Xá lợi phất! Nếu Bồ tát ma ha tát không dùng phương tiện thiện xảo thực hành sáu Ba la mật, vào không, vô tướng, vô tác Tam muội, cũng không đọa địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, cũng không vào Bồ tát vị, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát pháp ái sinh, nên đọa đảnh.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Thế nào gọi là Bồ tát sinh?

Tu bồ đề đáp Xá lợi phất rằng: Sinh gọi là pháp ái.

Xá lợi phất nói: Thế nàogọi là pháp ái?

Tu bồ đề nói: Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, sắc là không mà lãnh thọ ức niệm ái trước; thọ, tưởng, hành, thức là không mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Xá lợi phất! Ấy gọi là thuận đạo pháp sinh ái trước.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát, sắc là vô tướng mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; thọ, tưởng, hành, thức là vô tướng, mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Sắc là vô tác mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; thọ, tưởng, hành, thức là vô tác mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Sắc là tịch diệt mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; thọ,tưởng, hành, thức là tịch diệt mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Sắc là vô thường cho đến thức, sắc là khổ cho đến thức; sắc là vô ngã cho đến thức mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; ấy là Bồ tát thuận đạo pháp sinh ái trước.

Ấy là khổ nên biết, tập nên dứt, diệt nên chứng, đạo nên tu; ấy là pháp nhơ, ấy pháp sạch, ấy nên gần, ấy không nên gần, ấy Bồ tát nên làm, ấy chẳng phải Bồ tát nên làm; ấy Bồ tát đạo, ấy Bồ tát học, ấy chẳng phải Bồ tát đạo, ấy chẳng phải Bồ tát học, ấy Bồ tát Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật; ấy Bồ tát phương tiện, ấy chẳng phải Bồ tát phương tiện; ấy Bồ tát thành thục; ấy chẳng phải Bồ tát thành thục.

Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, lãnh thọ, ức niệm, ái trước các pháp ấy; ấy là Bồ tát ma ha tát thuận đạo pháp sinh ái trước.

LUẬN. Hỏi: Do thiện căn gì mà không đọa ác đạo, nghèo hèn và Thanh văn, Bích chi Phật, cũng không đọa đảnh?

Đáp: Có người nói, thực hành thiện căn không tham nên các kiết sử ái v.v... suy mỏng, vào sâu thiền định; thực hành thiện căn không giận, nên các kiết sử giận v.v... suy mỏng, vào sâu tâm từ bi; thực hành thiện căn không ngu si, nên các kiết sử vô minh v.v... suy mỏng, vào sâu Bát nhã ba la mật. Do lực thiền định, từ bi, Bát nhã ba la mật như vậy, nên không việc gì mà không thành được, huống gì bốn việc (không đọa ác đạo, nhà bần tiện, Thanh văn và Bích chi Phật, không đọa đảnh).

Hỏi: Có gì trong bốn việc chỉ hỏi việc đọa đảnh?

Đáp: Ba việc ở trước đã nói, việc đọa đảnh chưa nói cho nên hỏi.

Hỏi: Đảnh là pháp vị, nghĩa ấy trước đã nói, sao nay còn nói lại?

Đáp: Tuy đã nói nghĩa, mà tên gọi khác nhau. Không có phương tiện, vào ba giải thoát môn và có phương tiện, thì trước đã nói.

Pháp ái, đối với vô sinh pháp nhẫn, không có lợi ích nên gọi là sinh; ví như ăn nhiều không tiêu, nếu không trị liệu là tai hoạn cho thân. Bồ tát cũng như vậy, khi mới phát tâm, tham ái món ăn chánh pháp, đó là không phương tiện thiện xảo thực hành các thiện pháp, thâm tâm buộc đắm nơi vô sinh pháp nhẫn, ấy là sinh, là bệnh. Vì đắm trước pháp ái nên đối với pháp không sinh không diệt cũng ái; ví như người chắc chắn chết, tuy uống thêm thuốc, thuốc trở lại thành bệnh. Bồ tát đối với pháp rốt ráo không, không sinh không diệt pháp nhẫn mà sinh ái trước, cũng trở lại bị tai hoạn. Pháp ái đốivới người, trời là thủ diệu, mà đối với vô sinh pháp nhẫn là hệ lụy.

Đối với hết thảy pháp, ức tưởng phân biệt quán thị quán phi, theo pháp mà ái, ấy gọi là sinh; không thể dựng nước thật tướng các pháp, trái với sinh (sống) gọi là Bồ tát thục (chín).

Hỏi: Một việc ấy cớ sao gọi là đảnh, gọi là vị, gọi là không sinh?

Đáp: Pháp ở giữa nhu thuận nhẫn và vô sinh nhẫn, gọi là đảnh. Trú ở đảnh ấy, trên thẳng đến Phật đạo, không còn sợ đọa; ví như trong pháp Thanh văn, ở giữa noãn pháp và nhẫn pháp gọi là đảnh pháp.

Hỏi: Nếu được đảnh không sợ đọa, sao nay nói đảnh đọa?

Đáp: Sắp gần được mà mất gọi là đọa. Được đảnh rồi trí tuệ an ổn, thời không sợ đọa; ví như lên núi, đã được đến đỉnh, thời không sợ rớt; giữa lúc chưa đến, khoảng khắc cheo leo sợ rớt. Đảnh cứ tăng trưởng kiên cố, gọi là Bồ tát vị. Vào vị ấy, hết thảy kiết sử, hết thảy ma dân không làm lay động được, cũng gọi là vô sinh pháp nhẫn, vì cớ sao? Vì khác với sinh. Các kiết sử ái v.v... và các thiện pháp hỗn tạp, gọi là sinh.

Lại nữa, không có lửa trí tuệ biết về thật tướng các pháp, nên gọi là sinh (sống), có lửa trí tuệ biết thật tướng các pháp nên gọi là thục (chín). Người ấy tín thọ được trí tuệ biết thật tướng các pháp, nên gọi là thục. Ví như bình nung chín có thể đựng nước, nung sống thời bị hư rã.

Lại nữa, nương dựa trí tuệ sinh diệt nên được xa lìa điên đảo, xa lìa trí tuệ sinh diệt nên không sinh không diệt, ấy gọi là vô sinh pháp. Hay tin, hay thọ, hay trì gọi là nhẫn.

Lại nữa, vị là nhổ hết thảy pháp quán về vô thường v.v... gọi là vị; nếu không như vậy, ấy là thuận đạo pháp sinh ái trước.

Kinh: Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Thế nào gọi là Bồ tát ma ha tát vô sinh?

Tu bồ đề nói: Bồ tát ma ha tát khi thực hành Bát nhã ba la mật, trong nội không, không thấy ngoại không, trong ngoại không, không thấy nội không; trong ngoại không, không thấy nội ngoại không; trong nội ngoại không, không thấy ngoại không; trong nội ngoại không, không thấy không không, trong không không, không thấy nội ngoại không; trong không không, không thấy đại không, trong đại không, không thấy không không; trong đại không, không thấy đệ nhất nghĩa không, trong đệ nhất nghĩa không, không thấy đại không; trong đệ nhất nghĩa không, không thấy hữu vi không, trong hữu vi không, không thấy đệ nhất nghĩa không; trong hữu vi không, không thấy vô vi không; trong vô vi không, không thấy hữu vi không; trong vô vi không, không thấy tất cảnh không, trong tất cảnh không, không thấy vô vi không; trong tất cảnh không, không thấy vô thỉ không; trong vô thỉ không, không thấy tất cảnh không; trong vô thỉ không, không thấy tán không, trong tán

không, không thấy vô thỉ không; trong tán không, không thấy tánh không, trong tánh không, không thấy tán không; trong tánh không, không thấy các pháp không, trong các pháp không, không thấy tánh không; trong các pháp không, không thấy tự tướng không, trong tự tướng không, không thấy các pháp không; trong tự tướng không, không thấy bất khả đắc không; trong bất khả đắc không, không thấy tự tướng không; trong bất khả đắc không, không thấy vô pháp không, trong vô pháp không, không thấy bất khả đắc không; trong vô pháp không, không thấy hữu pháp không, trong hữu pháp không, không thấy vô pháp không; trong hữu pháp không, không thấy vô pháp hữu pháp không, trong vô pháp hữu pháp không, không thấy hữu pháp không.

Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát thực hành bát nhã ba la mật, được vào Bồ tát vị.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát muốn học Bát nhã ba la mật, hãy học như vầy: Không niệm sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không niệm mắt cho đến ý; không niệm sắc cho đến pháp; không niệm Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung.

Như vậy, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật, tâm Bồ đề không nên niệm, không nên cao: tâm vô đẳng đẳng không nên niệm, không nên cao; tâm rộng lớn không nên niệm, không nên cao, vì cớ sao? Vì tâm ấy chẳng phải tâm, tâm tướng thường tịnh vậy.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Thế nào gọi là tâm tướng thường tịnh?

Tu bồ đề nói: Nếu Bồ tát biết tâm tướng ấy cùng với dâm, nộ, si, không hợp không lìa, cùng các kiết sử triền, lưu, phược... tất cả phiền não, không hợp không lìa; cùng tâm Thanh văn, Bích chi Phật không hợp không lìa.

Xá lợi phất! Ấy gọi là Bồ tát tâm tướng thường tịnh.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Có cái tâm không tâm tướng ấy chăng?

Tu bồ đề đáp Xá lợi phất rằng: Trong không tâm tướng có thể có tâm tướng không tâm tướng được chăng?

Xá lợi phất nói: Không thể được.

Tu bồ đề nói: Nếu không thể được, thì không nên hỏi có tâm chẳng phải có tâm.

Xá lợi phát lại hỏi: Thế nào là không tâm tướng?

Tu bồ đề nói: Các pháp không hoại, không phân biệt, ấy gọi là không tâm tướng.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Chỉ có tâm không phá hoại không phân biệt, sắc cũng không hoại không phân biệt, cho đến Phật đạo cũng không hoại không phân biệt ư?

Tu bồ đề nói: Nếu biết được tâm tướng không hoại không phân biệt, Bồ tát ấy cũng biết được sắc cho đến Phật đạo không hoại không phân biệt.

Bấy giờ Tuệ mạng Xá lợi phất tán thán Tu bồ đề: Lành thay, lành thay! Ông thật là con Phật, từ miệng Phật sinh, từ thấy pháp sinh, từ pháp hóa sinh, thủ phần pháp không thủ phần tài. Đối với pháp tự tin thân đắc chứng, như Phật đã nói trong hạng người được vô tránh, Ông là đệ nhất, thật như Phật đã cử ra.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nên học Bát nhã ba la mật như vậy, trong ấy cũng nên phân biệt biết, Bồ tát thực hành như lời ông nói, thời không lìa Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn học Thanh văn địa cũng phải nên nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, tụng, đọc, chánh ức niệm, hành đúng như nói. Muốn học Bích chi Phật địa cũng phải nên nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, tụng, đọc, chánh ức niệm, hành đúng như nói. Muốn học Bồ tát địa cũng phải nên nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, tụng đọc, chánh ức niệm, hành đúng như nói, vì cớ sao? Vì trong Bát nhã ba la mật ấy nói rộng ba thừa, trong đó Bồ tát ma ha tát, Thanh văn, Bích chi Phật nên học.

LUẬN: Trong nội không, không thấy ngoại không, trong ngoại không, không thấy nội không.

Có người nói: Các thứ ăn uống tứ đại bên ngoài đưa vào trong thân nên gọi là nội; nếu thân chết trở lại làm ngoài; vì hết thảy pháp không có tướng đến đi. Ngoại không chẳng ở trong nội không. Mười bảy không kia cũng như vậy, không sinh không diệt, không tướng khác, vì không đến đi nên trong mỗi mỗi không trú.

Lại nữa, tướng của Bồ tát vị là không niệm hết thảy sắc là có, cho đến mười tám pháp không chung cũng không niệm là có.Nghĩa không niệm có như trước đã nói.

Hỏi: Tâm Bồ đề, tâm vô đẳng đẳng, đại tâm có gì sai khác?

Đáp: Bồ tát khi mới phát tâm duyên đạo vô thượng, ta sẽ làm Phật, ấy là tâm Bồ đề. Vô đẳng đẳng là Phật, vì cớ sao Vì hết thảy chúng sinh, hết thảy pháp không sánh bằng được. Tâm Bồ đề ấy cùng Phật tương tợ, vì cớ sao Vì nhân tợ quả vậy, ấy gọi là tâm vô đẳng đẳng. Tâm ấy không việc gì không làm, không cầu ân huệ, sâu bền quyết chắc.

Lại nữa, thí, Giới ba la mật gọi là Bồ đề tâm, vì cớ sao

Vì do Thí ba la mật nên được giàu lớn, không thiếu gì; do Giới ba la mật nên ra khỏi ba đường ác, được tôn quý trong hàng trời người, trụ vào hai Ba la mật quả báo nên được an lập, thành tựu việc lớn, ấy gọi là tâm Bồ đề.

Tướng của Nhẫn, Tấn ba la mật, hiện việc kỳ lạ đối với chúng sinh, đó là có người đến cắt thịt moi tủy, xem như chặt cây, mà thương nghĩ đến oan gia, huyết hóa thành sữa. Tâm ấy tợ như tâm Phật, đối với hết thảy chúng sinh trong mười phương sáu đường, mỗi mỗi đều đem thâm tâm tế độ. Lại biết các pháp là rốt ráo không, mà đem tâm đại bi hành các hạnh, ấy là kỳ lạ; ví như người muốn trồng cây giữa không, ấy là hy hữu.

Oai lực của Tinh tấn ba la mật như vậy, cùng với vô đẳng (Phật) tương tợ, ấy gọi là vô đẳng đẳng.

Vào thiền định, thực hành bốn tâm vô lượng, cùng khắp mười phương, hợp với đại bi và phương tiện, cứu vớt hết thảy chúng sinh ra khỏi khổ. Lại thật tướng các pháp, diệt hết thảy quán niệm, ngôn ngữ dứt mà không đọa vào đoạn diệt, ấy gọi là đại tâm.

Lại nữa, mới phát tâm gọi là tâm Bồ đề; thực hành sáu Ba la mật, gọi là tâm vô đẳng đẳng, vào tâm phương tiện gọi là đại tâm, có các sai biệt như vậy.

Lại nữa, Bồ tát được đại trí như vậy, tâm cũng không cao vì tâm tướng thường thanh tịnh, như tướng hư không thường thanh tịnh; khói mây, bụi mù tạm đến che lấp làm cho bất tịnh. Tâm cũng như vậy, thường tự thanh

tịnh, bị các khách phiền não vô minh đến che lấp, nên cho là bất tịnh, trừ bỏ phiền não, trở lại thanh tịnh như xưa. Kẻ tu hành công phu nhỏ mỏng, sự thanh tịnh ấy chẳng phải ngươi làm được, không nên tự cao, không nên ức niệm, vì sao? Vì rốt ráo không?

Hỏi: Xá lợi phất đã biết tâm tướng thường tịnh, cớ sao còn hỏi?

Đáp: Bồ tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào sâu dính sâu. Tuy nghe nói tâm rốt ráo không, thường thanh tịnh, vẫn còn ức tưởng phân biệt, chấp thủ tướng vô tâm ấy. Vì thế nên hỏi: Tâm không có tâm tướng ấy là có hay là không? Nếu có, cớ sao nói không có tâm tướng? Nếu không, cớ sao tán thán tâm vô đẳng đẳng ấy sẽ thành Phật đạo?

Tu bồ đề đáp rằng: Trong không tâm tướng rốt ráo thanh tịnh, có và không đều không thể có được nên không nên nạn hỏi.

Xá lợi phất lại hỏi: Thế nào là không có tâm tướng?

Tu bồ đề đáp: Rốt ráo không, không phân biệt hết thảy các pháp, ấy gọi là không có tâm tướng.

Xá lợi phất hỏi: Chỉ có tâm tướng là không hoại không phân biệt, hay các pháp khác cũng như vậy?

Tu bồ đề đáp: Các pháp cũng như vậy. Nếu như vậy, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như hư không, không hoại không phân biệt.

Các Bồ tát đắm sâu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên nghĩ rằng: Các pháp phàm phu có thể nói là hư dối, vì không chân thật, vì Bồ tát chưa hết lậu hoặc, cũng có thể nói là không thanh tịnh, chứ sao Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng lại hư dối? Khi ấy tâm lo sợ không vui.

Tu bồ đề biết tâm kia rồi, suy nghĩ trù lượng: Ta nay nên nói pháp thật tướng cho họ chăng? Suy nghĩ xong, tự nghĩ, nay ở trước Phật, nên đem thật tướng mà đáp, nếu ta có lỗi, Phật sẽ tự nói. Mãi suy nghĩ xong, thế nên nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tuy là đệ nhất, cũng từ nơi pháp hư dối sinh ra, cho nên cũng là không, không hoại, không phân biệt. Vì vậy, hành giả nên theo tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thực hành, không nên chấp thủ tướng để tự cao.

Bấy giờ, Xá lợi phất tán thán Tu bồ đề: Lành thay, lành thay! Còn Phật im lặng nghe Tu bồ đề đáp, cũng ấn khả lời tán thán của Xá lợi phất.

Từ miệng Phật sinh là, có người nói: Bà la môn từ nơi miệng vua Phạm thiên sinh, đệ nhất trong bốn đẳng cấp chúng sinh. Vì vậy, Xá lợi phất tán thán rằng: Ông thật từ miệng Phật sinh, vì sao? Vì ông thấy pháp, biết pháp vậy!

Người chưa đắc đạo, nương Phật theo học sự cúng dường, ấy gọi là thủ phần tài. Lại như đứa con tệ ác, không theo lời cha, chỉ lấy phần tài. Lấy phần pháp là lấy các thiền định, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám thánh đạo phần, các thiện pháp, gọi là lấy phần pháp.

Được bốn điều tin chắc gọi là tự tín đối với pháp, được các thần thông, diệt tận định v.v... bám vào thân, ấy gọi là thân đắc chứng. Như Xá lợi phất trí tuệ đệ nhất, Mục kiền liên thần thông đệ nhất, Ma ha ca diếp đầu đà đệ nhất, Tu bồ đề được Vô tránh Tam muội đệ nhất.Vị A la hán được định Vô tránh thường quán xét tâm người, không khiến người khỏi tranh cãi. Tam muội này nhiếp vào trong bốn thiền căn bản, cũng dùng ở trong cõi Dục.

Hỏi: Bát nhã ba la mật là việc của Bồ tát, cớ gì nói người muốn được ba thừa đều nên học tập?

Đáp: Trong Bát nhã ba la mật, nói thật tướng các pháp tức là Vô dư Niết bàn. Người ba thừa đều cầu Vô dư Niết bàn nên phải tinh tấn tập hành Bát nhã.

Lại nữa, các nhân duyên trong Bát nhã, có nói về nghĩa không giải thoát môn. Như trong Kinh nói: Nếu lìa không giải thoát môn, thời không có đạo không có Niết bàn. Vì vậy người ba thừa đều nên học Bát nhã.

Lại nữa, Xá lợi phất tự nói nhân duyên: Trong Bát nhã ba la mật, rộng nói tướng ba thừa trong đó. Người ba thừa nên học để thành tựu.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM TẬP TÁN THỨ 9

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phẩm Thắng Quân thứ 8)

Kinh: Bấy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Con biết không nắm được Bồ tát ấy tu hàng Bát nhã ba la mật, thời sẽ vì ai nói Bát nhã ba la mật?

Bạch Đức Thế Tôn! Con không biết không nắm được hết thảy pháp hoặc tập hoặc tán, nếu con vì Bồ tát lập danh tự nói là Bồ tát, thới hoặc con sẽ có hối hận.

Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy chẳng trụ, cũng phải trụ, vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì, thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ (Kinh Đại Bát nhã ghi: Bạch Đức Thế Tôn! Con đối với Bồ tát ma ha tát và đối với Bát nhã ba la mật đều không biết không nắm được, làm sao khiến con đem pháp Bát nhã ba la mật tương ưng giáo giới giáo thọ cho các Bồ tát ma ha tát? Bạch Thế Tôn! Con đối với các pháp hoặc tăng hoặc giảm còn không biết không nắm được, nếu con đem các pháp giáo giới giáo thọ cho các Bồ tát ma ha tát, thời con sẽ có hối hận v.v... ND)

Bạch Thế Tôn! Con chẳng nắm được sắc hoặc tập hoặc tán, cho đến thức hoặc tập hoặc tán; nếu không thể nắm được, làm sao sẽ lập danh tự?

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên đó, danh tự ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được mắt hoặc tập hoặc tán, cho đến ý hoặc tập hoặc tán; nếu không thể nắm được, làm sao sẽ lập danh tự gọi là Bồ tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự mắt cho đến danh tự ý, chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ, vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ, chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được sắc hoặc tập hoặc tán, cho đến pháp hoặc tập hoặc tán, làm sao sẽ lập danh tự gọi là Bồ tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự sắc cho đến danh tự pháp ấy, chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ, vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ. Nhãn thức cho đến ý thức; nhãn xúc cho đến ý xúc; nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được vô minh hoặc tập hoặc tán, cho đến không nắm được già chết hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con không nắm được vô minh tận hoặc tập hoặc tán, cho đến không nắm được già chết tận hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được dâm, nộ, si hoặc tập hoặc tán; các tà kiến hoặc tập hoặc tán, đều cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được sáu Ba la mật hoặc tập hoặc tán; bốn niệm xứ hoặc tập hoặc tán; cho đến tám Thánh đạo phần hoặc tập hoặc tán; không, vô tướng, vô tác hoặc tập hoặc tán; bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc hoặc tập hoặc tán; niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Bố thí, niệm Trời, niệm lành, niệm hơi thở ra vào, niệm Thân, niệm Chết hoặc tập hoặc tán. Con cũng không nắm được mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con nếu không nắm được sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung hoặc tập hoặc tán, thời làm sao để lập danh tự gọi là Bồ tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ, vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được năm uẩn như mộng hoặc tập hoặc tán; con không nắm được năm uẩn như tiếng vang, như bóng, như ráng nắng, như huyễn hóa hoặc tập hoặc tán, cũng nói như trên.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được xa lìa hoặc tập hoặc tán; con không nắm được tịch diệt, bất sinh bất diệt, không hiển thị, không nhơ không sạch hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con không nắm được như như, pháp tánh, thật tế, pháp tướng, pháp vị hoặc tập hoặc tán, cũng nói như trên.

Con không nắm được pháp lành, pháp chẳng lành, hoặc tập hoặc tán; con không nắm được pháp hữu vi vô vi, pháp hữu lậu vô lậu hoặc tập hoặc tán; pháp quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc tập hoặc tán; pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại hoặc tập hoặc tán. Những gì là pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại? Đó là pháp vô vi.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được pháp vô vi hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được Phật hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được thế giới chư Phật như hằng hà sa ở mười phương và Bồ tát,Thanh văn Tăng hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Nếu con không nắm được chư Phật hoặc tập hoặc tán, thời làm sao dạy Bát nhã ba la mật cho Bồ tát ma ha tát?

Bạch Thế Tôn! Danh tự Bồ tát ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì cớ sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được thật tướng các pháp hoặc tập hoặc tán, thời làm sao lập danh tự Bồ tát để gọi đó là Bồ tát!

Bạch Thế Tôn! Danh tự các pháp thật tướng ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì cớ sao? Vì danh tự ấy kông có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Luận. Hỏi: Trong phẩm trước đã nói không thấy Bồ tát, Bát nhã ba la mật, hết thảy các pháp không trong không ngoài, không ở giữa v. v... sao nay còn nói lại?

Đáp: Có bốn thứ ái là dục ái, hữu ái, phi hữu ái, pháp ái. Dục ái dễ thấy, lỗi nó là bất tịnh v. v... ; hữu ái, không bất tịnh v. v... tế tiểu khó khiển trừ. Phi hữu ái, phá hữu, vì phá hữu nên in tuồng trí tuệ, khó khiển trừ. Pháp ái, ái trước các đạo thiện pháp lợi ích. Trong pháp ái, tội lỗi khó thấy, nên nói lại; ví như cây cỏ nhỏ, gia công ít dễ trừ, còn cây lớn, gia công nặng khó trừ.

Lại nữa, pháp trên và pháp đây có đồng có khác, trên kia nói không thấy danh tự Bồ tát, ở đây nói không biết không nắm được danh tự Bồ tát. Vì không biết không nắm được nên không thấy, chẳng phải vì lực trí tuệ ít nên không thấy.

Hỏi: Khi tập hành Bát nhã ba la mật là có Bồ tát chăng? Sao nay nói không thấy Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật?

Đáp: Từ vô thỉ lại, chúng sinh vốn không thể có được, chứ chẳng phải vì tập hành Bát nhã ba la mật nên không thể có được. Chỉ vì điên đảo hư dối, người phàm phu chạy theo giả danh cho là có. Nay tập hành Bát nhã

ba la mật diệt điên đảo hư dối, rõ nó là không, chẳng phải vốn có nay không; vốn có nay không thời rơi vào đoạn diệt.

Lại nữa, Tu bồ đề tâm hối hận, sợ phá giới vọng ngữ, vì cớ sao? Vì trong Phật pháp hết thảy pháp quyết định là vô ngã, mà ta nói có Bồ tát để nói Bát nhã ba la mật cho họ, thời bị đọa vào tội vọng ngữ, thế nên tâm hối hận.

Lại nữa, có nhân duyên làm cho tâm hối hận, hết thảy pháp vì là không, không thể có được nên đều không, vì cớ sao? Vì không tập không tán. Ví như mắt và sắc làm nhân duyên sinh nhãn thức, ba sự hòa hợp (Ba sự là mắt, sắc, nhãn, thức ND) nên sinh nhãn xúc, trong nhân duyên nhãn xúc liền sinh các tâm số pháp thọ, tưởng, tư v.v... Trong đây, vì tà kiến ức niệm nên sinh ra các phiền não tội nghiệp, vì chánh ức niệm nên sinh ra các thiện pháp. Do nghiệp thiện ác mà thọ quả báo trong sáu đường. Từ nơi thân này lại gây ra nghiệp thiện ác, như vậy triển chuyển vô cùng, ấy gọi là Tập. Các căn tai, mũi v.v... cũng như vậy.

Tán, là nhãn thức v.v... niệm niệm diệt, vì các nhân duyên ly tán. Các pháp nhãn thức v.v... khi sinh không từ đâu lại, chẳng phải như hạt lúa trên ruộng vận chuyển tụ tập; còn khi diệt không đi đâu, chẳng phải như phân tán lúa cho dân; ấy gọi là lược nói tướng tập tán của các pháp; khi sinh không từ đâu đến, khi diệt không đi về đâu, các pháp đều như huyễn hóa, chỉ đối hoặc con mắt.

Hỏi: Nếu như vậy, đã có tướng tập tán, cớ sao Tu bồ đề nói không biết không nắm được?

Đáp: Vì không từ đâu đến nên tướng tụ tập không thể có được; vì không đi về đâu nên tướng phân tán không thể có được.

Lại nữa, sinh không có, nên tướng tu tập không thể có được; diệt không có, nên tướng phân tán không thể có được; vì rốt ráo không, nên tướng tu tập không thể có được; vì nghiệp nhân duyên không mất nên tướng phân tán không thể có được.

Lại nữa, quán lý thế gian biến diệt nên tướng tụ tập không thể có được, quán lý thế gian tụ tập nên tướng phân tán không thể có được. Có các nghĩa như vậy, nên biết tướng tụ tập phân tán không thể có được, làm sao

lập danh tự là Bồ tát? Nếu gượng nói có danh ấy, thì danh ấy cũng không trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Hỏi: Danh tự ấy cớ sao không trụ?

Đáp: Danh tự trụ ở trong pháp, vì pháp không, nên danh tự không có chỗ trụ, như xe do bánh xe, vành xe, cái tay hoa xe, cái bầu xe, hòa hợp nên có tên xe; nếu sự hòa hợp ấy phân tán thời mất tên xe. Tên xe ấy chẳng phải ở trong bánh xe v.v... cũng chẳng phải ở trong chỗ lìa bánh xe v.v... Danh tự xe, tìm trong một, khác đều không thể có được, vì mất trong danh tự xe, danh tự không có chỗ trụ. Khi nhân duyên phân tán còn không có, huống gì khi nhân duyên diệt? Chúng sinh cũng như vậy, do năm uẩn sắc, thọ v.v... hòa hợp, nên có danh tự chúng sinh, nếu năm uẩn ly tán, thời danh tự không có chỗ trụ; khi năm uẩn ly tán còn không có, huống gì không có năm uẩn?

Hỏi: Nếu khi phân tán, danh tự không thể có được, còn khi đang hòa hợp chưa phân tán thời có danh tự, cớ sao nói không thể có được?

Đáp: Bồ tát ấy danh tự chỉ có một, mà năm uẩn thời có năm, một không làm thành năm, năm không làm thành một; nếu năm làm một, không thể được; như năm con vật không được dùng làm một con, hoặc một làm năm, không thể được, như một con vật không được dùng làm năm con. Vì vậy một danh tự Bồ tát không được trụ trong năm uẩn. Chẳng phải không trụ là nếu không có danh tự, theo nhân duyên hòa hợp, thời ngôn ngữ, sự việc thế tục đều tiêu mất. Thế để không có nên đệ nhất nghĩa để cũng không có; hai để không có nên các pháp rối loạn.

Lại nữa, nếu trong nhân duyên có danh tự thời như nói lửa ắt bị cháy miệng, nói có ắt bị lấp bít miệng. Nếu danh tự không ở trong pháp thời nói lửa không nên sinh ý tưởng về lửa, tìm lửa cũng có thể được nước. Từ xa xưa lại đây, chung nhau truyền danh tự nên danh tự mà biết đến việc. Do vậy nên nói nghĩa của danh tự chẳng phải trụ chẳng phải không trụ.

Lại nữa, trong đây Tu bồ đề tự nói nhân duyên: Vì không có gì nên danh tự chẳng phải trụ chẳng phải không trụ. Giống như danh tự Bồ tát, danh tự các pháp năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới cũng như vậy.

Hỏi: Như trước đã nói các pháp năm uẩn hoặc tập hoặc tán đều không có được, nay cớ sao còn nói năm uẩn?

Đáp: Ở trên nói ngay năm uẩn, nay muốn nói năm uẩn như mộng, như huyễn.

Lại nữa, có người nói năm uẩn của người phàm phu hư dối không thật, như mộng, còn năm uẩn của thánh nhân chẳng phải hư dối, vì vậy nên Tu bồ đề nói như mộng như huyễn, đều đồng chẳng trụ.

Hỏi: Trong mười thí dụ (xem chương Mười dụ thứ 11) cớ sao đây chỉ nói đến năm việc?

Đáp: Nếu nói mười việc thì không có trong hiện tại, chỉ theo tâm chúng sinh nói năm dụ đủ biện biệt năm việc, nên không nói hết. Hoặc vì năm uẩn nên nói năm dụ, các pháp khác cũng như vậy.

Lìa có hai: 1. Thân lìa. 2. Tâm lìa. Thân lìa là bỏ thế sự ân ái gia đình, ở chỗ nhàn tịnh; tâm lìa là xa lìa hết các kiết sử.

Lại Lìa có hai thứ: 1. Các pháp lìa danh tự. 2. Các pháp mỗi mỗi lìa tư tưởng. Trong đây cốt nói hai thứ lìa sau, vì cớ sao? Vì trong đây cốt phá danh tự, còn chỗ khác nói lìa tự tướng. Trong pháp Tiểu thừa phần nhiều nói hai thứ lìa trước (thân lìa, tâm lìa).

Tịch diệt cũng có hai: 1. Thuần tướng lành tịch diệt ác sự. 2. Như tướng Niết bàn tịch diệt. Quán các pháp thế gian cũng như vậy, trong đây chỉ nói thứ tịch diệt sau.

Bất sinh cũng có hai: 1. Pháp vị lai và vô vi. 2. Hết thảy pháp thật tướng vô sinh. Vì tướng sinh không thể có được nên trong đây chỉ nói thứ bất sinh sau.

Bất diệt có ba: 1. Trí duyên diệt (trạch diệt). 2. Phi trí duyên diệt (phi trạch diệt). 3. Vô thường diệt. Trong đây cốt nói vô thường diệt; vì trái với đây nên gọi là bất diệt.

Bất thị là hết thảy các quán diệt, đường ngôn ngữ dứt, không có pháp có thể chỉ bày, pháp ấy tưởng như vậy, hoặc có hoặc không, hoặc thường hoặc vô thường, chẳng nhơ chẳng sạch. Nghĩa là như như, pháp tánh, thật tế, pháp tướng, pháp vị, như trước đã nói.

Hỏi: Năm uẩn có tập có tán, trái với đây nên nói không tập không tán; còn như như, pháp tánh, thật tế v.v... không trái nhau, cớ sao không tập không tán?

Đáp: Hành giả được như như, pháp tánh v.v... nên gọi là tập, vì mất nên gọi là tán. Như như không tuy không tập không tán, khoét vách cửa gọi là tập, lấp bít lại gọi là tán. Các nghĩa thiện, bất thiện cho đến mười phương hằng hà sa chư Phật, như trước đã nói.

Các pháp ấy và danh tự Phật không chỗ nương dựa, cho nên đều không, chẳng trụ chẳng phải không trụ.

Kinh: Bạch Thế Tôn! Các pháp do nhân duyên hòa hợp, giả danh bày đặt gọi là Bồ tát. Danh tự ấy,không thể nói nó ở trong năm uẩn; không thể nói ở trong mười hai nhập, mười tám giới, cho đến mười tám pháp không chung, cũng không thể nói nó ở trong pháp hòa hợp. Bạch Thế Tôn! Ví như mộng, không thể nói nó ở trong các pháp; tiếng vang, bóng, ráng nắng, huyễn hóa, cũng không thể nói nó ở trong các pháp; ví như danh tự hư không, không thể nói nó ở trong pháp nào (Kinh Đại Bát nhã ghi: Vô xứ khả thuyết - không thể nói nó ở chỗ nào – ND) Bạch Thế Tôn! Như danh tự đất, nước, lửa, gió cũng không thể nói ở trong pháp nào; danh tự giới, Tam muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng không thể nói ở trong pháp nào; như danh tự Tu đà hoàn, cho đến danh tự A la hán, Bích chi Phật, cũng không thể nói ở trong pháp nào, như danh tự Phật, danh tự Pháp cũng không thể nói ở trong pháp nào; như danh tự hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc thường hoặc vô thường,

hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịch diệt hoặc lìa, hoặc có hoặc không, không thể nói ở trong pháp nào.

Bạch Thế Tôn! Con vì nghĩa ấy nên tâm hối hận (nếu con nói Bát nhã ba la mật đa cho các Bồ tát – ND).Hết thảy các pháp tướng tập, tướng tán không thể có được, làm sao vì Bồ tát lập danh tự gọi là Bồ tát?

Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy không trụ chẳng phải không trụ, vì cớ sao? Vì danh tự không có gì. Vì vậy danh tự ấy không trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát nghe nói Bát nhã ba la mật tướng như vậy, nghĩa như vậy mà tâm không chìm đắm, không hối, không kinh,

không hãi, không sợ, nên biết Bồ tát ấy chắc chắn trụ tánh bất thối chuyển, vì trụ không trụ pháp.

Luận: Môn không trụ cũng chẳng phải không trụ trước đây dùng để phá danh tự Bồ tát và các pháp, nay dùng môn khác để phá danh tự Bồ tát, không có pháp gì có thể gọi là Bồ tát, vì cớ sao? Vì Bồ tát chẳng phải là năm uẩn, năm uẩn chẳng phải là Bồ tát; trong năm uẩn không có Bồ tát, trong Bồ tát không có năm uẩn; năm uẩn không thuộc Bồ tát, Bồ tát không thuộc năm uẩn; lìa năm uẩn không có Bồ tát, lìa Bồ tát không có năm uẩn. Như vậy danh tự Bồ tát không thể có được, nên biết nó là không, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy; thí như việc trông thấy trong mộng, đều là hư dối không thể nói. Trong mộng ấy không có tướng pháp nhất định gọi là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, chỉ có tâm cuồng. Bóng, tiếng vang, ráng nắng, huyễn hóa cũng như vậy, chỉ dối gạt tai mắt; như hư không, không thể nói ở trong các pháp, vì vô tướng. Vì hư không trái với sắc, nên không được nói là sắc, chỗ sắc tiêu hết cũng chẳng phải hư không, vì không có pháp riêng biệt. Nếu bảo chỗ thân ra vào là tướng hư không, việc ấy không đúng. Đó là thân nghiệp chẳng phải tướng hư không, nếu không có tướng thời không có pháp. Vì vậy, hư không chỉ có danh tự. Danh tự Bồ tát cũng như vậy.

Hỏi: Như mộng, hư không v.v... có thể chỉ có danh tự; làm sao đất, nước, lửa, gió thật pháp mà cũng chỉ có danh tự?

Đáp: Người vô trí cho các vật đất v.v... là thật, thánh nhân bằng tuệ nhãn xem thấy toàn là hư dối. Thí như trẻ con thất tượng trong gương cho là thật, vui mừng muốn lấy, người lớn xem đó chỉ là dối hoặc mắt người. Những người phàm phu thấy vi trần hòa hợp thành đất, cho là đất thật, ai có mắt trời phân tán đất ấy,chỉ thấy vi trần, còn dùng tuệ nhãn phân biệt phá tan thì đất ấy hoàn toàn không thể có được.

Lại nữa, trong phẩm đầu của Luận,dùng các phá thân tướng, như thân phá, đất cũng phá.

Lại nữa, nếu đất là thật, tại sao khi quán hết thảy lửa thì đều là lửa? Hoặc cho thiền định quán là thật, còn Phật nói hết thảy pháp Không là hư vọng, nhưng việc ấy không đúng; nước, lửa, gió cũng như vậy. Như bổn đại hợp làm thân, vốn còn như vậy, huống gì các nghiệp do thân làm như giữ giới v.v... mà chẳng không? Như giữ giới là thô nghiệp còn không, huống gì

thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến v.v... mà chẳng không? Nếu năm pháp uẩn giới, định v.v... còn không, huống gì các Thánh đạo quả do giữ giới, thiền định v.v... làm nhân duyên để chứng đắc mà chẳng không? Nếu Thánh đạo quả còn không, huống gì người chứng Tu đà hoàn cho đến Phật mà chẳng không? Vì vậy, danh tự Bồ tát tuy là thiện pháp, cho đến xuất ra từ trong pháp có, không, không gọi là thiện, cho đến không gọi là có, không, vì tập và tán không thể có được.

Tu bồ đề đã biết tướng không như vậy, làm sao gọi là Bồ tát, để nói Bát nhã ba la mật cho Bồ tát? Nếu Bồ tát nghe như vậy, không sợ, không hãi, thời trụ trong tánh bất thối chuyển, vì như pháp bất trụ mà trụ vậy.

Tánh bất thối chuyển là Bồ tát ấy chưa được vô sinh pháp nhẫn, chưa được chư Phật thọ ký, chỉ nhờ sức phước đức trí tuệ, có thể tin vui các pháp rốt ráo không, ấy gọi là trụ trong tánh bất thối chuyển, vì được khi phần bất thối chuyển, như trẻ con sinh trong dòng họ quý, tuy chưa làm nên việc, mà do dòng họ quý làm quý.

Kinh: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi sắc, không nên trụ nơi thọ, tưởng, hành, thức. Không nên trụ nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không nên trụ nơi nhãn xúc cho đến không nên trụ nơi ý xúc; không nên trụ nơi thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, cho đến không nên trụ nơi thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh; không nên trụ nơi địa chủng, thủy, hỏa, phong, không, thức chủng; không nên trụ nơi vô sinh cho đến lão tử, vì cớ sao? Bạch Thế Tôn! Sắc, sắc tướng không, thọ, tưởng, hành, thức, thức tướng không. Bạch Thế Tôn! Sắc không, không gọi là sắc, lìa không cũng không gọi là sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức, thức không, không gọi là thức, lìa không cũng không gọi là thức; thức tức là không, không tức là thức, cho đến lão tử, lão tử tướng không. Bạch Thế Tôn! Lão tử không, không gọi là lão tử, lìa không cũng không có lão tử; lão tử tức là không, không tức là lão tử.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi sắc cho đến không nên trụ nơi lão tử.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi bốn niệm xứ, vì cớ sao? Vì bốn niệm xứ, bốn niệm xứ tướng không. Bạch Thế Tôn! Bốn niệm xứ không, không gọi là bốn niệm

xứ, lìa không cũng không có bốn niệm xứ, bốn niệm xứ tức là không, không tức là bốn niệm xứ; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ tát ma ha tát muốn tập hành Bát nhã ba la mật , không nên trụ nơi bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi Thí ba la mật, không nên trụ nơi Giới ba la mật, không nơi nên trụ nơi Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, vì cớ sao? Vì Thí ba la mật, Thí ba la mật tướng không, cho đến Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tướng không. Bạch Thế Tôn! Thí ba la mật không, không gọi là Thí ba la mật; lìa không cũng không có Thí ba la mật; Thí ba la mật tức là không, không tức là Thí ba la mật; cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi sáu Ba la mật.

Luận: Trên kia Tu bồ đề do " khiêm nhượng" mà nói Bát nhã, tuy nói không nói, song thật đã vì Bồ tát nói Bát nhã ba la mật. Nay Tu bồ đề do môn "không trụ", thẳng vì Bồ tát nói Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật có các danh tự; Quán, tu, tương ưng, hợp, nhập, tập, trụ v.v... ấy đều gọi là tu hành Bát nhã ba la mật, chỉ nói các danh tự, người nghe hoan hỷ.

Lại nữa, hơi có sai biệt về danh tự tu hành: Lắng nghe, đọc tụng, viết chép, chánh ức niệm, thuyết giảng, tư duy, trù lượng, phân biệt, tu tập cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chung lại gọi là tu hành. Vì từ tu hành mà phân biệt ra: Bắt đầu gọi là quán, như bắt đầu thấy vật; mỗi ngày học dần gọi là tập; có thể cùng Bát nhã tương ưng gọi là hiệp; tùy thuận Bát nhã ba la mật gọi là tương ưng; thấu suốt Bát nhã ba la mật gọi là nhập; phân biệt chấp thủ tướng có việc ấy gọi là niệm; thường tập hành không dứt làm cho tương tợ gọi là học; học song, phương tiện khéo léo quán sát biết phải, quấy, được, mất, gọi là tư duy; dùng tâm thiền định tu hành, chung gọi là tu; được đạo Bát nhã ba la mật ấy không mất, gọi là trụ; trái với trụ là chẳng trụ.

Hỏi: Trước nói các pháp không, tức là chẳng trụ, sao nay nói không nên trụ nơi hết thảy pháp?

Đáp: Trước tuy đã nói, song tâm đám trước pháp ái khó khiển trừ nên nay nói lại.

Lại nữa, có Vô tướng Tam muội; vào Tam muội ấy, không chấp thủ tướng các pháp nhưng không vào diệt định. Trí tuệ Bồ tát không thể nghĩ bàn, tuy không chấp thủ hết thảy pháp tướng, nhưng có thể hành đạo, như chim ở giữa hư không, tuy không chỗ nương tựa mà có thể bay cao. Bồ tát cũng như vậy, không trụ nơi các pháp mà có thể hành đạo Bồ tát.

Hỏi: Tâm người gặp duyên thì khởi, làm sao Bồ tát không trụ nơi hết thảy pháp mà không vào diệt định?

Đáp: Tu bồ đề tự nói: Sắc, sắc tướng tự không, sắc không là chẳng phải sắc, cũng chẳng lìa không có sắc; sắc tức là không, không tức là sắc. Nghĩa này ở trong phẩm thứ hai đã nói, cho đến không nên trụ nơi sáu Ba la mật cũng như vậy, vì không cho nên không chỗ trụ.

Kinh: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi văn tự, không nên trụ nơi môn một chữ, môn hai chữ, các môn chữ như vậy, vì cớ sao? Vì các chữ, các chữ tướng không, như trên đã nói.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi các thần thông, vì cớ sao? Vì các thần thông, các thần thông tướng không; thần thông không, không gọi là thần thông, lìa không cũng không có thần thông; thần thông tức là không, không tức là thần thông.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy, Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi các thần thông.

Luận: Có hai hạng Bồ tát: 1. Tập thiền định. 2. Học tụng. Ngồi thiền thì sinh thần thông, học tụng thời khởi tâm phân biệt văn tự.

Môn một chữ là một chữ một lời, như đất gọi là Phù.

Môn hai chữ là hai chữ một lời, như nước gọi là Xà lam.

Danh tự ba chữ như nước gọi là Ba ni lam. Như vậy các tự môn.

Lại nữa, Bồ tát nghe một chữ, tức vào trong thật tướng hết thảy pháp, như nghe chữ “A” tức biết các pháp từ xưa lại đây không sinh. Như vậy v.v... như nghe chữ “Đầu khư” biết hết thảy pháp sinh tướng khổ, tức thời sinh

tâm đại bi; như nghe chữ " A ni tra" biết hết thảy pháp tướng vô thường, tức thời vào đạo Thánh hạnh. Ngoài ra như trong văn tự Đà la ni nói rộng.

Nghĩa thần thông, trước đã nói. Hai việc ấy rốt ráo không, nên Bồ tát không trụ nơi đó.

Kinh: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, sắc là vô thường không nên trụ, thọ tưởng hành thức là vô thường không nên trụ, vì cớ sao? Vì vô thường, vô thường tướng không. Bạch Thế Tôn! Vô thường không, không gọi là vô thường, lìa không cũng không có vô thường; vô thường tức là không, không tức là vô thường.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy, Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, sắc là vô thường, không nên trụ, thọ tưởng hành thức là vô thường không nên trụ; sắc là khổ không nên trụ, thọ tưởng hành thức là khổ không nên trụ; sắc là vô ngã không nên trụ, thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã không nên trụ; sắc là không, không nên trụ, thọ, tưởng, hành, thức là không, không nên trụ; sắc là tịch diệt không nên trụ, thọ, tưởng, hành, thức là tịch diệt không nên trụ; sắc là lìa không nên trụ, thọ, tưởng, hành, thức là lìa không nên trụ; như trên nói.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật không nên trụ nơi như như, vì sao? Vì như như, tướng như như không. Bạch Thế Tôn! Tướng như như không, không gọi là như như, lìa không cũng không có như như; như như tức là không, không tức là như như.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế, vì sao? Vì thật tế, thật tế không. Bạch Thế Tôn! Thật tế không không gọi là thật tế, lìa không cũng không có thật tế; thật tế tức là không, không tức là thật tế.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi hết thảy môn Đà la ni, không nên trụ nơi hết thảy môn Tam muội, vì sao? Vì môn Đà la ni, môn Đà la ni tướng không; môn Tam muội, môn Tam muội tướng không. Bạch Thế Tôn! Môn Đà la ni, môn Tam muội không, không gọi là môn Đà la ni, môn Tam muội; lìa không cũng không có môn Đà la ni, môn Tam muội; môn Đà la ni, môn Tam muội tức là không, không tức là môn Đà la ni, môn Tam muội.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi Như như cho đến môn Đà la ni, môn Tam muội.

Bạch Thế Tôn! Như Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện, đem tâm tôi, ta, mà trụ nơi sắc, Bồ tát ấy gia hạnh đối với sắc, đem tâm tôi, ta mà trụ nơi thọ tưởng hành thức, Bồ tát ấy gia hạnh đối với thức. Nếu Bồ tát gia hạnh là không nhiếp thọ Bát nhã ba la mật, cũng không đầy đủ Bát nhã ba la mật, vì không đầy đủ Bát nhã ba la mật nên không thể thành tựu Tát bà nhã được

Bạch Thế Tôn! Như Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện, đem tâm tôi, ta trụ nơi mười hai nhập cho đến môn Đà la ni, Tam muội, Bồ tát ấy gia hạnh đối với mười hai nhập cho đến gia hạnh đối với môn Đà la ni, Tam muội. Nếu Bồ tát gia hạnh là không mhiếp thọ Bát nhã ba la mật, cũng không đầy đủ Bát nhã ba la mật. Vì không đầy đủ Bát nhã ba la mật nên không thể thành tựu Tát bà nhã được,vì sao? Vì sắc là không nhiếp thọ, thọ tưởng hành thức là không nhiếp thọ. Sắc không nhiếp thọ thời chẳng phải sắc, thọ tưởng hành thức không nhiếp thọ thời chẳng phải thức, vì tánh không vậy.

Mười hai nhập là không nhiếp thọ, cho đến môn Đà la ni, Tam muội là không nhiếp thọ, mười hai nhập không nhiếp thọ thời chẳng phải mười hai nhập; cho đến môn Đà la ni, Tam muội không nhiếp thọ, thời chẳng phải môn Đà la ni, Tam muội, vì tánh không vậy.

Bát nhã ba la mật, cũng không nhiếp thọ, Bát nhã ba la mật không nhiếp thọ thời chẳng phải Bát nhã ba la mật, vì tánh không vậy.

Như vậy, Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật nên quán các pháp tánh không. Khi quán như vậy tâm không chỗ duyên, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Tam muội không nhiếp thọ, vi diệu thù thắng, có tác dụng rộng lớn vô ngại, không chung với Thanh văn, Bích chi Phật. Tuệ Tát bà nhã (Nhất thiết trí trí) ấy cũng không nhiếp thọ; vì trong không ngoài không, trong ngoài không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không vậy, vì cớ sao? Vì Tát bà nhã ấy, không thể lấy tướng tu được, vì lấy tướng tu hành có cấu uế (phiền não).

Thế nào là tướng cấu uế? Tướng sắc cho đến tướng môn Đà la ni, môn Tam muội, ấy gọi là tướng cấu uế.

Luận: Các Thánh hạnh quán vô thường, như như, pháp tánh, thật tế, môn Đà la ni, Tam muội, như trước đã nói.

Hỏi: Trong pháp cấu uế không nên trụ, vì tội lỗi, còn trong pháp thiện, vô ký, cớ sao không nên trụ?

Đáp: Nó tuy chẳng phải tội, mà làm nhân duyên sinh tội, như Phật nói trong đây: Có Bồ tát đem tâm tôi, ta tu hành Bát nhã ba la mật, trụ trước nơi sắc, vì sinh sắc nên tạo tác các nghiệp; trụ trước nơi thọ, tưởng, hành, thức cùng như vậy. Vì sinh khởi năm uẩn nên tu hành, ấy là không nhiếp thủ Bát nhã ba la mật. Người ấy tuy nói ta tu hành Bát nhã ba la mật, ấy là cách tu hành thế gian, không đầy đủ Bát nhã ba la mật, không thể đạt đến Nhất thiết trí trí. Cho đến môn Đà la ni, Tam muội cũng như vậy.

Trong đây Tu bồ đề tự nói nhân duyên không trụ, đó là sắc không nhiếp thọ, nếu sắc không nhiếp thọ thời chẳng phải sắc, vì tánh thường không vậy.

Hỏi: Sắc ấy vì có tội lỗi vô thường, khổ, không, vô ngã nên không nhiếp thọ; thí như cục vàng cháy nóng, tuy vàng có thể tham, nhưng vì nóng không thể lấy, còn đây có lỗi gì, mà cưỡng phá năm uẩn?

Đáp: Có hai thứ đắm trước: 1. Dục trước. 2. Kiến trước. Có người quán vô thường, khổ, phá dục trước mà được giải thoát; hoặc có người tuy quán vô thường v.v... mà còn đắm trước pháp, sinh vọng kiến. Vì hạng người ấy phân biệt sắc tướng không, như vậy thời xa lìa kiến trước; cho đến môn Đà la ni, Tam muội cũng vậy.

Hỏi: Thanh văn, Bích chi Phật, không nhiếp thọ hết thảy pháp nên lậu hoặc dứt hết, cớ sao trong đây nói Tam muội không nhiếp thọ không chung với Nhị thừa?

Đáp: Nhị thừa tuy có Tam muội không nhiếp thọ, song không có tác dụng rộng lớn, lanh lợi, không sâu cũng không kiên cố.

Lại nữa, Thanh văn,Bích chi Phật khi lậu hoặc hết, mới được không nhiếp thọ các pháp, còn Bồ tát tu lâu xa đã biết các pháp không nhiếp thọ, tất cả

đều như Vô dư Niết bàn rốt ráo không, vì vậy nên nói không chung với nhị thừa.

Lại nữa, Nhị thừa còn có tạp khí, có ngại có chướng nên tuy có Tam muội không nhiếp thọ, nhưng không thanh tịnh, như Đại Ca diếp nghe Bồ ta đánh nhạc, không thể tự an trên chỗ ngồi. Các Bồ tát hỏi: Ngài có hạnh đầu đà đệ nhất, tại sao vẫn lay động như múa? Ca diếp đáp: Tôi đối với năm dục ở cõi trời cõi người lìa hẳn không lay động, còn đây là sức biến hóa do nghiệp phước đức của Bồ tát, tôi chưa thể nhẫn được. Như núi chúa Tu di, bốn phía gió nổi, đều kham chịu nổi, nếu gặp gió Tùy lam thổi đến thời không thể yên. Tạp khí của Thanh văn, Bích chi Phật, đối với Bồ tát thì đó là phiền não.

Lại nữa, Tam muội không nhiếp thọ ấy, chỉ có Phật biết khắp. Bồ tát vì cầu Phật đạo nên tuy không thể biết khắp mà vẫn hơn Nhhị thừa, vì vậy nên nói không chung với Nhị thừa. Vì người quý trọng Tam muội không nhiếp thọ ấy mà sinh tâm đắm trước, nên Tu bồ đề nói: Không chỉ Tam muội ấy không nhiếp thọ, mà sắc cho đến nhất thiết chủng trí đều không nhiếp thọ, mà sắc cho đến nhất thiết chủng trí đều không nhiếp thọ, vì cớ sao? Vì Tu bồ đề tự nói nhân duyên: Vì mười tám không nên không nhiếp thọ.

Hỏi: Cớ sao dùng mười tám không để quán các pháp đều không?

Đáp: Trong đấy, Tu bồ đề tự nói nhân duyên: Vì chấp thủ tướng đắm trước nên sinh các kiết sử. Tướng là các tướng sắc cho đến môn Đà la ni, các môn Tam muội, đều là cội gốc phiền não. Nếu trong Phật pháp, thì cho đến không có tướng vi tế pháp có thể chấp thủ.

Kinh: Nếu chấp thủ tướng ấy mà tu đạt được Tát bà nhã thì Tiên ni Phạm chí (Thắng quân Phạm chí) không bao giờ sinh lòng tin đối với Nhất thiết trí. Thế nào là tin? Tin Bát nhã ba la mật, phân biệt hiểu biết, so lường, suy nghĩ (Nhất thiết trí trí – ND) không bằng vào tướng, không bằng vào vô tướng. Như vậy Tiên ni Phạm chí không chấp thủ tướng, ở vào hạng tùy tín hành. Do trí tánh không, ngộ nhập thật tướng các pháp, không chấp thủ tướng sắc, không chấp thủ tướng thọ, tưởng, hành, thức, vì sao? Vì các pháp tự tướng không vậy, không thể thủ đắc.

Tiên ni Phạm chí ấy chẳng do nội quán được thấy trí tuệ ấy, chẳng phải do ngoại quán được thấy trí tuệ ấy, chẳng phải do nội quán ngoại quán được thấy trí tuệ ấy, cũng chẳng phải không có trí quán mà được thấy trí tuệ ấy,

vì sao? Vì Phạm chí ấy không thấy pháp, người biết, pháp biết, chỗ biết (*Vì Phạm chí không thấy trí Tát bà nhã bị quán, không thấy Bát nhã năng quán, không thấy người quán, không thấy chỗ quán nương dựa và lúc khởi quán – ND).* Phạm chí ấy chẳng phải nơi nội sắc thấy trí tuệ ấy, chẳng phải nơi nội thọ, tưởng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nơi ngoại sắc thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nơi ngoại thọ, tưởng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nơi nội ngoại sắc thấy trí tuệ ấy, chẳng phải nơi nội ngoại thọ, tưởng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; cũng chẳng lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức thấy trí tuệ ấy, vì nội ngoại đều không vậy.

Tiên ni Phạm chí tâm được tin hiểu Nhất thiết trí nơi trong đây. Vì vậy Phạm chí tin thật tướng các pháp, vì hết thảy pháp không thể có được. Tin hiểu như vậy, không có pháp có thể chấp thủ, vì các pháp vô tướng, không ước niệm vậy.

Phạm chí ấy đối với các pháp cũng không sở đắc, hoặc lấy hoặc bỏ, vì lấy bỏ không thể có được.

Phạm chí ấy cũng không ức niệm trí tuệ, vì các pháp tướng vô niệm vậy.

Bạch Thế Tôn! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật như vậy có thể từ bờ này đến bờ kia. Bồ tát ấy không chấp thủ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không chấp thủ hết thảy pháp, cho đến không chấp thủ các môn Đà la ni, Tam muội. Vì không chấp thủ hết thảy pháp nên Bồ tát ấy cũng không chấp thủ Niết bàn; mà vì bổn nguyện tu bốn niệm xứ, cho đến tám Thánh đạo phần chưa đầy đủ, và vì bổn nguyện chứng mười lực, mười tám pháp không chung của Phật chưa được thành tựu, vì cớ sao? Vì bốn niệm xứ ấy chẳng phải bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, chẳng phải mười tám pháp không chung, vì các pháp ấy là phi pháp, cũng chẳng phi pháp. Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật không chấp thủ tướng sắc cho đến tướng mười tám pháp không chung.

Luận. Hỏi: Trong đây vì nhân duyên gì mà nói đến Tiên ni Phạm chí?

Đáp: Kinh này dùng các nhân duyên nói về pháp không, cho đến không có một chút tướng có thể chấp thủ. Lòng người nghi ngờ lấy làm lạ không tin, lý ấy khó thấy, vì rốt ráo vô tướng, thế nên Tu bồ đề dẫn chứng trong Tiểu thừa còn có nói pháp không, huống gì người tu hành pháp Đại thừa mà không tin pháp không.

Lại nữa, như Bà la môn Sằng nhã, giỏi biết tướng người Nhất thiết trí , thấy Bồ tát ăn cháo sữa, mà biết Bồ tát sẽ thành Phật ngày hôm nay. Tiên ni là cậu của Bà la môn ấy, tuổi già, trí đức, có tiếng tăm lớn, xuất ra đọc rộng hết thảy kinh sách, tu tâm, ngồi thiền, học đạo. Bấy giờ muốn cầu trí tuệ nên đi đến nghị luận đường. Ở đây các Phạm chí nói: Sáu thầy ngoại đạo đều tự xưng Nhất thiết trí. Bất lan Ca diếp (Phú lan na Ca diếp: Ruruna Kasapa) có tiếng tăm lớn, là thầy của đại chúng, đệ tử ông ta chết, hoặc lớn hoặc nhỏ đều không nói nơi họ sinh đến, còn đệ tử của năm thầy đạo kia, chết hoặc nhỏ hoặc lớn, đều có nói nơi sinh đến của họ. Phật cũng là bậc Đại sư, có tiếng tăm lớn, đệ tử Ngài chết, nhỏ thì nói chỗ họ sinh đến, lớn thì không nói chỗ họ sinh đến. Tiên ni nghe vậy rồi, vào lúc khác đi đến chỗ Phật, hỏi han xong, ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Phật cho phép tôi thưa.

Phật bảo:

- Tùy ý ông hỏi.

Tiên ni nói:

- Trước đây có lần tôi đi đến luận nghị đường, cùng các người luận nghị, và đem điều xưa đã nghe thuật đủ lại với Phật, nói tiếp: Lúc ấy tôi suy nghĩ, pháp của Phật nói người đệ tử nhỏ chết rồi còn tái sinh, đệ tử lớn không tái sinh, lấy gì làm chắc?

Phật bảo Tiên ni:

- Pháp của Ta sâu xa, vi diệu, khó hiểu, các ông đêm dài đắm trước cái thấy khác, ham muốn khác, giáo pháp khác, đối với pháp của Ta, ông không thể chóng thấy được!

Tiên ni Phạm chí bạch Phật rằng:

- Tâm con kính Phật, nguyện xin thương xót nói Diệu pháp khiến cho con ngay tại chỗ ngồi được mắt sáng, không để đứng dậy suông.

Phật hỏi Phạm chí:

- Ý ông nghĩ sao? Ông thấy sắc ấy là Như khứ chăng? (Tathàgata Trung Hoa dịch là Như Lai hay Như khứ - ND).

- Thưa không.

- Thọ, tưởng, hành, thức là Như khứ (Như lai) chăng?

- Thưa không.

- Trong sắc là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Trong thọ, tưởng, hàng, thức là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Lìa ngoài sắc là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Lìa ngoài thọ, tưởng, hành, thức là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Ông lại thấy không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức là Như khứ chăng?

- Thưa không.

- Nếu ông theo các "phương tiện không" thấy Như khứ thì có nên sinh tâm nghi rằng Phật pháp lấy gì làm chắc không?

- Thưa không nên.

Phật bảo Tiên ni:

- Nếu đệ tử Ta không hiểu rõ pháp ấy thời Ta nói họ còn tái sinh đời sau, vì ngã mạn xưa nay còn dư tàn. Nếu đệ tử Ta hiểu rõ nghĩa ấy, thì Ta không nói chỗ họ tái sinh, vì ngã mạn xưa nay không còn dư tàn.

Tiên ni nghe nói như vậy liền đắc đạo. Đắc đạo rồi đứng dậy khỏi chỗ ngồi bạch Phật rằng: Con xin được xuất gia hành đạo. Tức thời râu tóc tự rụng bèn thành Sa môn, không bao lâu chứng được A la hán, vì từ nơi Phật được mắt sáng không hư dối vậy.

Kinh này luận nghị, Tiên ni tin tưởng, là tin Phật có thể làm cho ông đắc đạo, ấy gọi là bắt đầu tin. Vậy sau nghe Phật phá tâm chấp ta, tôi, từ xưa lại đây, thường tự vô ngã, vô ngã nên các pháp không thuộc về đâu, như huyễn như mộng, hư cuồng không thật, không thể thủ lấy được. Được tín lực ấy rồi, vào thật tướng các pháp, không chấp thủ sắc là Như khứ, cho đến thức là Như khứ.

Hỏi: Cớ sao Phạm chí đều đáp không với Phật?

Đáp: Phạm chí vốn lấy tướng chung làm ngã, nay Phật mỗi mỗi hỏi riêng, vì vậy nên đều đáp với Phật là không.

Lại nữa, Phạm chí nghe người ta hai lối nói ngã: Hoặc có người nói năm uẩn tức là ngã, hoặc có người nói lìa ngoài năm uẩn riêng có ngã. Nếu năm uẩn tức là ngã, thời không có ngã riêng, vì sao? Vì ngã là một, uẩn là năm, một không làm năm, năm không làm một.

Lại nữa, năm uẩn tướng vô thường sinh diệt, nếu năm uẩn là ngã, ngã lý đáng cũng sinh diệt; nếu ngã sinh diệt thời mất tội phước. Năm uẩn ấy từ nhân duyên hòa hợp sinh, không tự tại; ngã nếu như vậy, thời dùng ngã làm gì, vì nó không tự tại vậy.

Có các sai lầm như thế nên không được nói sắc Như khừ, thọ tưởng hành thức Như khứ.

Lìa ngoài năm uẩn, cũng không nên có ngã, vì vô tướng. Hoặc biết, thấy, lãnh thọ v.v... thời đó đều là tướng năm uẩn, chẳng phải tướng ngã; người trí làm sao nói lìa ngoài năm uẩn mà có ngã? Vì vậy nên đáp không.

Nếu có người nói còn có ngã riêng, không có năm uẩn, việc ấy không đúng, đều là điên đảo phân biệt thấy lầm.

Có các nhân duyên như vậy nên biết là vô ngã, ngã tức là Như khứ (Như Lai). Các pháp cũng như vậy, đều đồng Như khứ, vì vô chủ nên pháp cũng không thuộc về đâu.

Lại nữa, Phạm chí suy cầu trí tuệ đắc đạo, theo nơi bốn niệm xứ cầu, đều không có định tướng, nghĩa là quán năm uẩn nơi tự thân là nội, quán năm uẩn nơi thân người là ngoại, kia đây gọi là trong ngoài. Ba thứ trí tuệ ấy không đắc đạo, không trí tuệ cũng không đắc đạo.

Lại nữa, nội là sáu nhập bên trong, ngoại là sáu nhập bên ngoài.

Lại nữa, nội là trí tuệ năng quán, ngoại gọi là chỗ sở quán. Tiên ni biết các quán đều có tội lỗi, vì sao? Vì do sức trí tuệ bên trong nên cho các pháp bên ngoài là thường, vô thường, có, không v.v... chứ chẳng phải pháp ngoài có định tướng. Nếu có định tướng thời không trí dụng. Lại trí tuệ ấy từ ngoại pháp làm nhân duyên phát sinh; tướng ngoại pháp không nhất định, nên trí tuệ cũng không nhất định. Như cái cân vì vật, vật vì cái cân, hai sự tiếp đãi nhau, nếu lìa vật thì không có cân, lìa cân thì không có vật. Trí không lường kể gọi là đắc đạo, phương tiện đắc gọi là được Thánh đạo quả.

Lại nữa, lược nói nghĩa trí tuệ thật, đó là không thấy nó năm uẩn bên trong, không thấy nó nơi năm uẩn bên ngoài, cũng không thấy nó lìa năm uẩn, thấy trí tuệ ấy là thật.

Lấy trí tuệ vô thường quán năm uẩn vô thường, trí tuệ ấy do nhân duyên hòa hợp mà có nên không thật. Chấp trước quán là tà kiến, không chấp trước là đắc đạo, nếu tướng vô thường là thật, thì vì sao chấp trước vô thường lại không đắc đạo? Vì vậy, nên hết thảy trong ngoài không thấy trí tuệ nhất định. Nếu lìa vô thường quán là đắc đạo, thì hết thảy phàm phu cũng nên đắc đạo, vì vậy nên nói lìa trí tuệ, ấy cũng không được gì.

Bấy giờ, Phạm chí lấy trí tuệ đối với hết thảy pháp tâm được xa lìa, đối với trí tuệ cũng lại xa lìa. Hết thảy tà kiến chấp thủ tướng về ngã kiến v.v... đều dứt sạch, cũng chẳng từ vô trí đắc.

Bấy giờ, Phạm chí hoan hỷ, quán tánh tướng vô lượng pháp, Phật thật là Đại sư!

Không bỏ là vì các pháp đều có sức trợ đạo.

Không lấy là vì thật tướng các pháp rốt ráo không, không sở đắc.

Lại nữa, vì các phiền não kiết sử điên đảo hư dối nên không có gì bỏ, chỉ biết các pháp tướng như thật, không tướng không ức niệm; ấy gọi là Bồ tát ba la mật không lấy không bỏ, gọi là Bát nhã ba la mật, không qua bờ này bờ kia. Tướng thế gian tức là tướng Niết bàn, tướng Niết bàn tức là tướng thế gian, nhất tướng vô tướng. Nếu biết như vậy nên tịch diệt, vì chưa đầy đủ các công đức nên không diệt, vì lực bổn nguyện đại từ bi nên không diệt. Tuy cầu Phật đạo mà ở nơi pháp ấy cũng không có tướng tốt

xấu và tướng lấy bỏ. Vì vậy, phi pháp cũng phi phi pháp, ấy gọi là Bồ tát tu Bát nhã ba la mật, không chấp thủ hết thảy tướng.

(Hết cuốn 42 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 42

Kinh: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, nên suy nghĩ như vầy: Thế nào là Bát nhãn ba la mật? Vì sao gọi là Bát nhã ba la mật? Bát nhã ba la mật của ai? Nếu Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật suy niệm như vầy: Nếu pháp không có gì, không thể có được, ấy là Bát nhã ba la mật.

Bấy giờ, Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Những pháp gì không có gì, không thể có được?

Tu bồ đề nói: Bát nhã ba la mật là pháp không có gì, không thể có được; Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, pháp ấy không có gì, không thể có được, vì trong không, ngoài không, trong ngoài không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, rốt ráo không, vô thỉ không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không vậy.

Này Xá lợi phất! Sắc pháp không có gì, không thể có được; thọ tưởng hành thức pháp không có gì, không thể có được; pháp trong không, không có gì, không thể có được; cho đến pháp vô pháp hữu pháp không, không có gì, không thể có được.

Này Xá lợi phất! Pháp bốn niệm xứ không có gì, không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung không có gì, không thể có được.

Này Xá lợi phất! Các pháp thần thông không có gì, không thể có được. Pháp như như không có gì, không thể có được. Pháp tánh, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, pháp thật tế không có gì, không thể có được.

Này Xá lợi phất! Phật không có gì, không thể có được. Pháp Tát bà nhã không có gì, không thể có được. Trí nhất thiết chủng không có gì, không thể có được, vì trong không cho đến vô pháp hữu pháp không vậy.

Này Xá lợi phất! Nếu Bồ tát ma ha tát khi suy nghĩ như vậy, quán như vậy tâm không chìm đắm, không hối, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết Bồ tát ấy không lìa hạnh Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Do nhân duyên gì nên biết Bồ tát không lìa hạnh Bát nhã ba la mật?

Tu bồ đề nói: Sắc, lìa sắc tánh, thọ tưởng hành, thức lìa thức tánh, sáu Ba la mật lìa sáu Ba la mật lìa sáu Ba la mật tánh, cho đến thật tế lìa thật tế tánh.

Xá lợi phất lại hỏi Tu bồ đề: Thế nào là sắc tánh, thế nào là thọ tưởng hành thức tánh, cho đến thế nào là thật tế tánh?

Tu bồ đề nói: Không có gì là sắc tánh; không có gì là thọ tưởng hành thức tánh, cho đến không có gì là thật tế tánh. Này Xá lợi phất! Do nhân duyên ấy nên biết sắc lìa sắc tánh, thọ tưởng hành thức lìa thức tánh, cho đến thật tế lìa thật tế tánh.

Này Xá lợi phất! Sắc cũng lìa sắc tướng, thọ tưởng hành thức cũng lìa thức tướng, cho đến thật tế cũng lìa thật tế tướng. Tướng cũng lìa tướng, tánh cũng lìa tánh.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát nếu học như vậy, được thành tựu Tát bà nhã ư?

Tu bồ đề nói: Như vậy, như vậy! Xá lợi phất! Nếu Bồ tát ma ha tát học như vậy, được thành tựu Tát bà nhã, vì sao? Vì các pháp chẳng sinh, chẳng thành tựu vậy,

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Do nhân duyên gì các pháp chẳng sinh, chẳng thành tựu?

Tu bồ đề nói: Sắc, sắc không nên sắc ấy sinh, thành tựu không thể có được; thọ tưởng hành thức, thức không nên thức ấy sinh, thành tựu không thể có được; cho đến thật tế, thật tế không, nên thật tế ấy sinh, thành tựu không thể có được.

Này Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát học như vậy, dần dần gần Tát bà nhã; dần dần được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh, tướng thanh tịnh; dần dần được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh, tướng thanh tịnh, nên Bồ tát ấy không sinh tâm ô nhiễm, không sinh tâm giận, không sinh tâm si, không sinh tâm kiêu mạn, không sinh tâm xan tham, không sinh tâm tà kiến. Bồ tát ấy không sinh tâm ô nhiễm, cho đến không sinh tâm tà kiến, nên trọn không sinh trong bụng mẹ, thường được hóa sinh, từ một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, cho đến chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa chư Phật.

Này Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát nên tu hành Bát nhã ba la mật như vậy, hãy học Bát nhã ba la mật như vậy.

Luận. Hỏi: Từ trước đến nay đã nói rộng Bát nhã ba la mật, sao nay Tu bồ đề còn nói rằng, Bồ tát ma ha tát nên suy nghĩ như vậy: Thế nào là Bát nhã ba la mật?

Đáp: Tu bồ đề trước đây theo môn " khiêm nhượng" nói, còn nay theo môn "không trụ" nói. Nay nói rõ thể Bát nhã ba la mật.

Thế nào là Bát nhã ba la mật? Bát nhã ba la mật là thật tướng hết thảy pháp, không thể phá, không thể hoại, hoặc có Phật, hoặc không có Phật, thường trú các pháp tướng, pháp vị, chẳng phải Phật, chẳng phải Bích chi Phật, chẳng phải Bồ tát, chẳng phải Thanh văn, chẳng phải trời người làm được, huống gì các chúng sanh nhỏ khác.

Lại nữa, thường còn là một bên, đoạn diệt là một bên, lìa hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, thường, vô thường, khổ, vui, không, thật, ngã, vô ngã v.v... cũng như vậy. Sắc pháp là một bên, vô sắc pháp là một bên, pháp có thể thấy, pháp không thể thấy, có đối ngại, không đối ngại, hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu, thế gian, xuất thế gian v.v... hai pháp cũng như vậy.

Lại nữa, vô minh là một bên, vô minh hết là một bên, cho đến già chết là một bên, già chết hết là một bên, các pháp có là một bên, các pháp không có là một bên, lìa hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát nhãba la mật.

Lược nói: Sáu căn trong là một bên, sáu trần ngoài là một bên; lìa hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát nhã ba la mật.

Đây Bát nhã ba la mật là một bên, đây chẳng phải Bát nhã ba la mật là một bên, lìa hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát nhã ba la mật. Có hai môn như vậy nên nói rộng vô lượng tướng Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, lìa có, lìa không, lìa chẳng có chẳng không, không rơi vào ngu si mà có thể tu hành thiện đạo, ấy là tướng Bát nhã ba la mật. Có ba môn như vậy, là tướng Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, Tu bồ đề nói trong đây: Pháp ấy không có gì, không thể có được. Vì Bát nhã ba la mật ấy không nên không có gì; vì các lối quán thường, vô thường v.v... tìm cầu không có tướng nhất định nên không thể có được.

Lại nữa, không có gì trong đây Tu bồ đề tự nói: Bát nhã ba la mật cho đến năm Ba la mật kia không có gì, không thể thủ, không thể thọ, không thể đắm trước.

Lại nữa, vì mười tám không, nên sáu Ba la mật không có gì, không thể có được; thí như gió lớn phá tan đám mây, cũng như lửa lớn đốt cháy cỏ khô, cũng như Kim cang báu tồi phá núi lớn; các Không cũng như vậy, hay phá các pháp.

Sao gọi là Bát nhã ba la mật? Bát nhã, Trung Hoa dịch là trí tuệ. Đệ nhất trong hết thảy trí tuệ, không trên, không gì bằng, lại không gì hơn, cùng tận bờ mé như giữa hết thảy chúng sanh, Phật là đệ nhất; giữa hết thảy pháp Niết bàn là đệ nhất; giữa hết thảy chúng Tăng, Tỳ kheo Tăng là đệ nhất.

Hỏi: Trước ông nói thật tướng các pháp là Bát nhã ba la mật, đó là pháp vị, pháp trụ, dù có Phật không Phật, vẫn thường trú không khác, sao nay nói giữa các trí tuệ, Bát nhã ba la mật là đệ nhất; ví như giữa các pháp, Niết bàn là đệ nhất?

Đáp: Pháp thế gian, hoặc có khi trong nhân nói quả, có khi trong quả nói nhân, không lỗi. Như nói người ăn ngày hết vài xấp vải, vải không thể ăn, nhưng nhân vải mà được ăn ấy gọi là trong nhân nói quả. Và như thấy bức vẽ đẹp nói khéo tay, ấy gọi là trong quả nói nhân. Thật tướng các pháp sinh trí tuệ, ấy là trong quả nói nhân.

Lại nữa, Bồ tát ấy vào pháp môn bất nhị, khi ấy có thể tu hành đầy đủ Bát nhã ba la mật, không phân biệt là nhân là quả, là duyên là trí, là trong là ngoài, là đây là kia v.v... nghĩa là nhất tướng vô tướng. Vì vậy nên không nên vấn nạn.

Lại nữa, có ba thứ trí tuệ thế gian: 1. Sự xảo diệu thế tục, hiểu rộng văn nghệ, nhân, trí, lễ kính v.v... 2. Trí tuệ lìa dục sinh, nghĩa là lìa cõi Dục cho đến vô sở hữu xứ. 3. Trí tuệ xuất thế gian, đó là trí tuệ của hàng Thanh văn, Bích chi Phật, lìa ngã, ngã sở, các lậu hoặc sạch hết. Bát nhã ba la mật là tối thù thắng, rốt ráo thanh tịnh, vì không nhiễm trước, vì lợi ích hết thảy chúng sanh. Trí tuệ Thanh văn, Bích chi Phật tuy sạch hết lậu hoặc nên được thanh tịnh, nhưng không có tâm đại từ bi, không thể lợi ích hết thảy chúng sanh, nên không bằng, huống gì trí tuệ thế tục cấu, bất tịnh, giả dối? Ba thứ trí tuệ trên không bằng trí tuệ này, gọi là Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, trí tuệ này vì độ chúng sanh, vì cầu Phật đạo; thọ, tưởng, hành, thức tương ưng với trí tuệ này, và thân nghiệp khẩu nghiệp từ trí tuệ khởi lên, và các tâm bất tương ưng hành như sinh, trụ v.v... các pháp ấy hòa hợp, gọi là Ba la mật. Trong các Ba la mật ấy, phần trí tuệ nhiều nên gọi là Bát nhã ba la mật, phần niệm định nhiều nên gọi là Thiền ba la mật, nghĩa các Ba la mật khác cũng như vậy.

Có vô lượng nhân duyên như vậy nên gọi là Bát nhã ba la mật.

Bát nhã ba la mật ấy là của ai? Trong đệ nhất nghĩa (nghĩa tuyệt đối) không có kẻ biết, kẻ thấy, kẻ được; hết thảy pháp không ta, không của ta, các pháp chỉ là không, do nhân duyên hòa hợp tương tục phát sinh, nếu như vậy thời Bát nhã thuộc về ai?

Phật pháp có hai thứ: 1. Thế đế. 2. Đệ nhất nghĩa đế. Theo thế đế thì Bát nhã ba la mật thuộc Bồ tát, người phàm phu có nhiều tội lỗi, không thanh tịnh nên Bát nhã không thuộc phàm phu. Bát nhã ba la mật rốt ráo thanh tịnh, phàm phu không ưa, như ruồi ưa ở chỗ nhơ nhớp, không ưa hoa sen. Người phàm phu tuy có lìa dục, song vì tâm chấp tôi, ta, đắm theo pháp lìa dục nên không ưa Bát nhã ba la mật. Thanh văn, Bích chi Phật tuy ưa thích Bát nhã ba la mật song không có tâm từ bi sâu xa, rất chán thế gian, một lòng hướng thẳng Niết bàn, cho nên không thể đầy đủ được Bát nhã ba la mật .

Bát nhã ba la mật này, khi Bồ tát thành Phật, đổi gọi là Trí nhất thiết chủng (hoặc Nhất thiết trí trí – ND). Vì vậy nên Bát nhã không thuộc Phật, không thuộc Thanh văn, Bích chi Phật, không thuộc phàm phu, chỉ thuộc Bồ tát.

Hỏi: Trong kinh này thường nói năm uẩn trước, nói Trí nhất thiết chủng sau, sao nay trước nói đến sáu Ba la mật?

Đáp: Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề nghĩa không có gì. Năm uẩn dùng các nhân duyên quán, cưỡng làm cho nó không có gì, khó hiểu; Bát nhã ba la mật tức là không có gì, dễ hiểu. Thí như mặt trăng trong nước dễ rõ nó là không, còn mặt trăng trên trời khó làm cho nó không có gì. Năm Ba la mật cùng Bát nhã ba la mật đồng tên đồng sự, cho nên tiếp tục nói năm Ba la mật, vậy sau tiếp tục nói năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng không có gì, không thể có được. Bồ tát vào môn này, quán thật tướng các pháp mà không hãi không sợ, nên biết Bồ tát không lìa Bát nhã ba la mật.

Không lìa là thường tập hành Bát nhã ba la mật không hư luống, chắc chắn có quả báo. Trong đây Tu bồ đề tự nói nhân duyên không lìa, đó là sắc lìa tánh sắc, trong sắc không có tướng sắc, hư dối, không có gì. Bồ tát biết được như vậy, không lìa trí tuệ thật, cho đến Thật tế cũng như vậy. Bồ tát hành được đạo không chướng ngại ấy, được đến Trí nhất thiết chủng, vì hết thảy pháp không sinh không xuất vậy.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Thế nào là hết thảy pháp không sinh?

Tu bồ đề đáp: Sắc, tướng sắc không, cho nên sắc không sinh không thành tựu, cho đến Thật tế cũng như vậy. Nếu Bồ tát hành được như vậy là thanh tịnh đệ nhất, không trên, không gì so sánh, tạm gần Trí nhất thiết chủng. Tạm gần Trí nhất thiết chủng nên tâm không sinh ta kiến phiền não hý luận, liền được tâm thanh tịnh. Quả báo tâm thanh tịnh nên được thân thanh tịnh, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, trang nghiêm thân. Được ba thứ thanh tịnh nên phá các pháp chấp thủ tướng hư dối, thọ pháp tánh sanh thân, tức là thường được hóa sinh, không ở bào thai.

Hỏi: Nếu có sức như thế, thì cần gì hóa sinh, tham trước thân mà không thủ chứng Niết bàn?

Đáp: Có hai nhân duyên nên chư Phật là báu ở giữa chúng sanh, vì chúng sanh muốn cúng dường không chán; vì bản nguyện độ sinh, tịnh Phật độ chưa tròn.

Bồ tát ấy do lực phương tiện, phước đức nên thường không xa lìa chư Phật.

--o0o --

Cuốn 43

GIẢI THÍCH: PHẨM HÀNH TƯỚNG THỨ 10

Kinh: Bấy giờ, Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát không có phương tiện thiện xảo mà muốn tu hành Bát nhã ba la mật, nếu tu hành sắc là tu theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc thường, là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức thường, là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc vô thường là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức vô thường là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc vui là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức vui là hành tu theo tướng nó; nếu tu hành sắc khổ là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức khổ là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc có là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức có là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc không, là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức không, là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc ngã là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức ngã là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc vô ngã là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức vô ngã là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc xa lìa là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức xa lìa là tu theo tướng nó; nếu tu hành sắc tịch diệt là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức tịch diệt là tu hành theo tướng nó.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát không có phương tiện thiện xảo mà tu hành bốn niệm xứ là tu hành theo tướng nó; cho đến tu hành mười tám pháp không chung là tu hành theo tướng nó.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát lúctu hành Bát nhã ba la mật mà khởi niệm rằng: Ta tu hành Bát nhã ba la mật, vì có sở đắc nên cũng là tu hành theo tướng nó.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát khởi niệm rằng: Ta tu hành như vậy là tu hành Bát nhã ba la mật, cũng là tu hành theo tướng nó.

Nên biết đó là Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, không có phương tiện thiện xảo (nên chẳng phải là tu hành Bát nhã ba la mật – ND).

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Nếu Bồ tát ma ha tát khi đang tu hành Bát nhã ba la mật, đối với sắc trú niệm tưởng vọng giải (phân biệt - Đại Bát nhã ghi: thắng giải – ND) thời đối với sắc gia công tu hành; do gia công tu hành nên không giải thoát được sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não và khổ báo đời sau. Nếu Bồ tát ma ha tát lúc tu hành Bát nhã ba la mật, mà không có phương tiện thiện xảo đối với mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ, cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, nếu trú niệm vọng giải, thời đối với mười tám pháp không chung gia công tu hành, mà gia công tu hành thì Bồ tát ấy không giải thoát được sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, và khổ báo đời sau. Bồ tát như vậy còn không chứng được địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, huống gì chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có lẽ ấy.

Xá lợi phất! Nên biết Bồ tát ma ha tát ấy, tu hành Bát nhã ba la mật không có phương tiện thiện xảo.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Làm sao biết Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mậtcó phương tiện thiện xảo?

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Nếu Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật không hành theo sắc, không hành theo thọ, tưởng, hành, thức; không hành theo sắc tướng, không hành theo thọ, tưởng, hành, thức tướng; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức thường; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô thường; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vui, không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức khổ; không hành theo sắc,thọ, tưởng, hành, thức ngã, không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô ngã; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức không, không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô tướng; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô tác. Không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức xa lìa; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức tịch diệt, vì cớ sao? Xá lợi phất! Sắc ấy không là chẳng phải sắc; lìa không không có sắc, lìa sắc không có không, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức không là chẳng phải thức; lìa không không có thức, lìa thức không có không; không tức là thức, thức tức là không; cho đến mười tám pháp không chung không, là chẳng phải mười tám pháp không chung; lìa không không có mười tám pháp không chung, lìa mười tám

pháp không chung không có không; không tức là mười tám pháp không chung, mười tám pháp không chung tức là không.

Như vậy, Xá lợi phất! Nên biết ấy là Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật có phương tiện thiện xảo. Bồ tát ấy tu hành Bát nhã ba la mật như vậy, có thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát ấy khi tu hành Bát nhã ba la mật, hành cũng không chấp thọ, không hành cũng không chấp thọ, hành không hành cũng không chấp thọ, chẳng phải hành chẳng phải không hành cũng không chấp thọ, không chấp thọ cũng không chấp thọ.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, vì nhân duyên gì nên không chấp thọ?

Tu bồ đề nói: Bát nhã ba la mật ấy tự tánh không thể có được, nên không chấp thọ, vì cớ sao? Vì không có tánh gì, ấy là Bát nhã ba la mật. Xá lợi phất! Vì lẽ ấy, nên Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, hành không chấp thọ, không hành cũng không chấp thọ, hành không hành cũng không chấp thọ, chẳng phải hành chẳng phải không hành cũng không chấp thọ, không chấp thọ cũng không chấp thọ, vì cớ sao? Vì hết thảy pháp tánh không có gì, không theo các pháp hành, không chấp thọ các pháp tướng, ấy gọi là công dụng rộng lớn của Tam muội, không chấp thọ các pháp của Bồ tát ma ha tát, không chung với Thanh văn, Bích chi Phật.

Bồ tát ma ha tát ấy tu hành Tam muội ấy không rời, mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Luận: Phẩm trước dùng không môn phá các pháp, phẩm này muốn dùng môn vô tướng phá các pháp. Nếu Bồ tát không có phương tiện quán sắc, thời đọa trong tướng. Vì đọa trong tướng nên mất Bát nhã ba la mật hạnh,vì cớ sao? Vì hết thảy pháp không, nên không có tướng có thể chấp thủ.

Hỏi: Người biết quả báo thiện ác, chấp thủ tướng quả báo rồi phân biệt thiện ác, thiện thì lấy, ác thì bỏ; thế nên mới hành đạo, cớ sao nói tướng các pháp là vô thường?

Đáp: Chấp thủ tướng là vì hàng sơ học mà nói, còn vô tướng là vì hạng hành đạo, trú môn giải thoát mà nói, không nên đem việc thô thiển vấn nạn. Nay hành giả chấp thủ tướng lành phá tướng chẳng lành, nghĩa là

chấp thủ tướng trai gái v.v... là nhân duyên sinh các phiền não, nên sau lấy tướng vô tướng phá tướng pháp lành; nếu phá tướng chẳng lành mà không phá tướng lành thì lành trở thành tai họa, vì sinh chấp trước. Lấy tướng vô tướng mà phá pháp lành, vô tướng cũng tự phá, vì cớ sao? Vì vô tướng nhiếp vào trong pháp lành, ví như mưa đá hại lúa, rồi mưa đá cũng tự tiêu tan.

Lại nữa, hết thảy pháp tướng vô tướng là thật, ví như thân thể, đầy dẫy bất tịnh, chín lỗ thường chẩy nhơ, không có tướng sạch, mà người ta vì vô minh cưỡng cho là sạch, sinh phiền não, tạo các tội, như trẻ con nơi vật bất tịnh chấp thủ tướng sạch cho là vui, người lớn xem thấy liền cười, vì biết là hư dối.

Các lỗi chấp thủ tướng như vậy, đều là hư vọng, như ngọc pha lê, tùy theo sắc đối đãi mà đổi mầu, tự nó không có mầu nhất định. Các pháp cũng như vậy, không có tướng nhất định, tùy theo tâm mà đối ra tướng khác hoặc thường hoặc vô thường v.v...; như vì tâm giận mà thấy người này là xấu, khi tâm giận hết, tâm dâm dục sinh ra lại thấy người này là đẹp; nếu sinh tâm kiêu mạn thì thấy người này là ty tiện, nghe nói người này có đức lại sinh tâm cung kính. Ghét thương có lý, ghét thương vô lý cũng như vậy đều là ức tưởng hư vọng; nếu trừ tướng hư vọng cũng không có tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, vì không có gì để phá.

Sắc ấy do nhân duyên hòa hợp mà có, ví như bọt nước, như huyễn, như mộng, nếu Bồ tát đối với sắc chấp thủ tướng một, khác, liền mất Bát nhã ba la mật, vì sắc tánh là tướng vô tướng; chấp thọ sắc tướng ấy rồi, thấy sắc tán hoại ma diệt cho là vô thường nếu thấy nó hòa hợp tồn tại tạm thời thì cho là thường.

Thường có hai: 1. Hoặc tồn tại trăm năm, ngàn vạn ức năm, hoặc một kiếp, hoặc tám vạn kiếp, vậy sau tiêu diệt. 2. Thường trú không hoại. Bồ tát nếu dứt biên kiến tà kiến, thì cũng không còn thấy chân thật thường; nếu thấy thường là thấy nó trụ lâu nên thường, chứ chẳng phải chân thật. Nếu không dứt biên kiến tà kiến thấy sắc là chân thật thường, nghĩ rằng cây cỏ, rụng xuống thành đất, đó chỉ là lúc nó ly tán sự hòa hợp mà thôi; thế nên nói Bồ tát ấy tu Bát nhã không có phương tiện thiện xảo.

Bồ tát hoặc quán sắc vô thường. Vô thường cũng có hai: 1. Niệm niệm diệt, hết thảy pháp hữu vi trụ không quá một niệm. 2. Pháp tương tục hư

hoại gọi là vô thường. Như người mạng chết, như lửa cháy cây cỏ, như nước nấu khô. Nếu Bồ tát mới phát tâm tiếp tục tu như vậy, thì tâm nhàm chán, dứt được vô thường thô thiển, còn nếu Bồ tát tu lâu thì có thể thấy các pháp niệm niệm vô thường. Cả hai Bồ tát này đều đọa vào trong sự chấp thủ tướng, vì cớ sao? Vì sắc tướng thường hay vô thường đều không thể có được, như trước nói thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Khổ, lạc, ngã, phi ngã cũng vậy.

Hỏi: Năm uẩn ấy có thể quán nó thường, vô thường v.v... cớ sao nói năm uẩn là tướng tịch diệt xa lìa?

Đáp: Hành giả không thấy tướng năm uẩn thường, vô thường, nên biết năm uẩn lìa tự tướng; nếu biết năm uẩn lìa tự tướng tức là năm uẩn tịch diệt như Niết bàn.

Hỏi: Nếu như vậy ban đầu tự không có tướng, tại sao nói vì không phương tiện nên đọa trong chấp tướng?

Đáp: Bồ tát ấy căn độn không có tâm tự giác, lìa sự chấp trước năm uẩn trở lại chấp trước viễn ly tịch tịnh, ở nơi vô tướng sinh chấp trước. Ba mươi bảy đạo phẩm cho đến mười tám pháp không chung cũng nên theo nghĩa phân biệt như vậy. Nếu Bồ tát quán ngoại pháp đều vô tướng nói rằng: Ta có thể quán như vậy, vì có tâm chấp ngã dư tàn nên cũng đọa trong tướng. Nếu Bồ tátcó thể xa lìa tâm trước tướng phi đạo ấy mà thực hành trí tuệ chân tịnh vô tướng, nghĩ rằng ta có thể tu hành trong ngoài thanh tịnh như vậy, ấy là tu hành Bát nhã ba la mật, thì người ấy cũng đọa trong tướng, vì cớ sao? Vì không có thể trước mà chấp trước, không có thể thủ mà chấp thủ. Thế nên Bồ tát ấy gọi là tu không có phương tiện thiện xảo, vì nương nơi ái và kiến mà chấp trước pháp lành. Bồ tát ấy tuy có phước đức cũng không lìa được già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Hỗn tạp hành đạo, còn không chứng được Tiểu thừa huống Đại thừa. Trái với trên đây, gọi là tu có phương tiện thiện xảo. Đối với hết thảy pháp không thọ không trước, vì các pháp hòa hợp nhân duyên sinh không có tự tánh vậy.

Hỏi: Trước nói Tam muội không thọ, ở đây nói Tam muội chẳng thọ, có gì sai khác?

Đáp: Trước là không, đây là vô tướng.

Chẳng xa lìa là thường hành không ngừng nghỉ, vì có tâm đại từ bi.

Mau được thành Phật đạo là vào Tam muội ấy không chướng ngại trí tuệ cùng với Phật tương tợ. Nếu phải trải qua A tăng kỳ kiếp mới được, thì hoặc có khi vượt qua một A tăng kỳ kiếp, trăm kiếp, cho đến sáu mươi mốt kiếp, như Phật Phất sa nhờ tán thán Phật Thích ca Văn, mà vượt qua chín kiếp (Hai câu này văn nghĩa tra in tuồng trái ngược, nguyên là Phật Thích ca Văn nhờ tán thán Phật Phất sa mà vượt qua chín kiếp. Dưới đây trong văn kinh, Tu bồ đề nói 108 Tam muội cùng với phẩm Ma ha Diễn ở sau, Phật tự nói trong phẩm Tà Kiến cuốn 4 trang 8 nói 108 Tam muội thời đồng nhau, chỉ có hai câu ba chữ là hơi khác, nên đối chiếu nghiệm đọc).

Kinh: Xá lợi phất hỏi: Chỉ không lìa Tam muội ấy là khiến Bồ tát mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay còn có Tam muội khác?

Tu bồ đề đáp Xá lợi phất: Còn có các Tam muội khác, Bồ tát ma ha tát tu hành theo thì mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá lợi phất hỏi: Những Tam muội gì Bồ tátma ha tát tu hành theo mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu bồ đề đáp: Các Bồ tát ma ha tát có Tam muội gọi là Thủ Lăng nghiêm, tu hành Tam muội ấy, khiến Bồ tát ma ha tát mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có Tam muội Bảo ấn, Tam muội Sư tử giỡn chơi, Tam muội Diệu nguyệt, Tam muội Nguyệt tràng tướng, Tam muội Chư pháp ấn, Tam muội Quán đảnh, Tam muội Tất pháp tánh, Tam muội Tất tràng tướng, Tam muội Kim cang, Tam muội Vào pháp ấn, Tam muội Vương an lập, Tam muội Phóng quang, Tam muội Lực tấn, Tam muội Xuất sinh, Tam muội Tất nhập biện tài, Tam muội Vào danh tự, Tam muội Xem phương, Tam muội Đà la ni ấn, Tam muội Không hư vọng, Tam muội Nhiếp các pháp hải ấn, Tam muội Trùm khắp hư không, Tam muội Vòng kim cang, Tam muội Bảo đoạn, Tam muội Chiếu không, Tam muội Chẳng cầu, Tam muội Không chỗ trú, Tam muội Vô tâm, Tam muội Tịnh đăng, Tam muội Sáng vô biên, Tam muội Năng tác mimh, Tam muội Sáng cùng khắp, Tam muội Kiên tịnh các Tam muội, Tam muội Vô cấu minh, Tam muội Tác nhạc, Tam muội Điển quang, Tam muội Vô tận, Tam muội Uy đức, Tam muội Lìa hết, Tam muội Bất động, Tam muội Trang nghiêm, Tam muội Nhật quang, Tam muội Nguyệt tịnh, Tam muội Tịnh minh, Tam

muội Năng tác minh, Tam muội Tác hành, Tam muội Biết tướng, Tam muội Như Kim cang, Tam muội Tâm trú, Tam muội Biến chiếu, Tam muội An lập, Tam muội Bảo đảnh, Tam muội Diệu pháp ấn, Tam muội Pháp đẳng, Tam muội Sinh hỷ, Tam muội Đáo pháp đảnh, Tam muội Năng tán, Tam muội hoại các pháp xứ, Tam muội Tự đẳng tướng, Tam muội Ly tự, Tam muội Đoạn duyên, Tam muội Bất hoại, Tam muội Vô chủng tướng, Tam muội Vô xứ hành, Tam muội Ly ám, Tam muội Vô khứ, Tam muội Bất biến, Tam muội Độ duyên, Tam muội Nhóm các công đức, Tam muội Trú vô tâm, Tam muội Diệutinh hoa, Tam muội Giác ý, Tam muội Vô lượng biên, Tam muội Vô đẳng đẳng, Tam muội Độ chư pháp, Tam muội Phân biệt chư pháp, Tam muội Tán nghi, Tam muội Vô trú xứ, Tam muội Nhất tướng, Tam muội Nhất tánh, Tam muội Sinh hành, Tam muội Nhất hành, Tam muội Bất nhất hành, Tam muội Diệu hành, Tam muội Đạt nhất thiết hữu để tán, Tam muội Nhập ngôn ngữ, Tam muội Ly âm thanh tự ngữ, Tam muội Nhiên đăng, Tam muội Tịnh tướng, Tam muội Phá tướng, Tam muội Nhất thiết chủng diệu túc, Tam muội Không ưa khổ lạc, Tam muội Bất tận hành, Tam muội Đà la ni, Tam muội Thủ các tướng tà chánh, Tam muội Dứt ghét thướng, Tam muội nghịch thuận, Tam muội Tịnh quang, Tam muội Kiên cố, Tam muội Mãn nguyệt tịnh quang, Tam muội Đại trang nghiêm, Tam muội Hay chiếu hết thảy đời Tam muội, Tam muội Vô tránh, Tam muội Vui không trú xứ, Tam muội Như trú định, Tam muội Hoại thân suy, Tam muội Hoại ngữ như hư không, Tam muội Ly trước hư không bất nhiễm.

Xá lợi phất! Ấy là Bồ tát ma ha tát tu hành các Tam muội ấy mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại có vô lượng vô số môn Tam muội, môn Đà la ni. Các Bồ tát ma ha tát học môn Tam muội, môn Đà la ni ấy, mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tuệ mạng Tu bồ đề theo tâm Phật mà nói: Nên biết Bồ tát ma ha tát tu hành Tam muội ấy, đã được Phật quá khứ thọ ký, mười phương chư Phật hiện tại cũng thọ ký Bồ tát ấy. Bồ tát ấy không thấy Tam muội ấy, cũng không niệm Tam muội ấy, cũng không nghĩ rằng: Ta sẽ vào Tam muội ấy, ta nay vào Tam muội ấy, ta đã vào Tam muội ấy. Bồ tát ma ha tát đều không có niệm phân biệt.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát trú các Tam muội ấy rồi mới theo chư Phật quá khứ được thọ ký ư?

Tu bồ đề đáp: Không phải xá lợi phất: Vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không khác các Tam muội, các Tam muội không khác Bát nhã ba la mật; Bồ tát không khác Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật không khác Bồ tát; Bát nhã ba la mật tức là Tam muội, Tam muội tức là Bát nhã ba la mật; Bồ tát tức là Bát nhã ba la mật và Tam muội, Bát nhã ba la mật và Tam muội tức là Bồ tát.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Nếu Tam muội không khác Bồ tát, Bồ tát không khác Tam muội, Tam muội tức là Bồ tát, Bồ tát tức là Tam muội, làm sao Bồ tát có Tam muội biết hết thảy pháp v.v... ?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát vào Tam muội ấy, lúc ấy không nghĩ rằng: Ta do pháp ấy vào Tam muội ấy. Vì nhân duyên ấy, Xá lợi phất! Bồ tát ấy đối với các Tam muội không biết không niệm.

Xá lợi phất hỏi: Vì cớ sao không biết không niệm?

Tu bồ đề đáp: Các Tam muội vì không có gì, nên Bồ tát ấy không biết không niệm.

Bấy giờ, Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Tu bồ đề, như Ta nói: Ông tu hành Vô tránh Tam muội bậc nhất, tương ưng với nghĩa này.

Bồ tát ma ha tát hãy học Bát nhã ba la mật như vầy: Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung cũng nên học như vậy.

Luận. Hỏi: Như Phật dạy một đường đến Niết bàn đó là không, vô tướng, vô tác, cớ sao Xá lợi phất lại hỏi còn có các Tam muội khác khiến Bồ tát mau thành Phật ư?

Đáp: Khi chưa gần Niết bàn thì có nhiều đường khác, khi gần Niết bàn thì chỉ có một đường là không, vô tướng, vô tác; các Tam muội khác đều nhiếp vào trong ba môn giải thoát ấy, ví như thành lớn có nhiều cửa, đều được vào thành; lại như ngàn sông muôn dòng đều chảy về biển.

Những gì là các Tam muội khác? Đó là các Tam muội Thủ Lăng nghiêm v.v... Trong phẩm Ma ha Diễn, Phật tự nói: Điều sâu xa khó hiểu, Phật sẽ dạy ở trong đây. Nếu Bồ tát thực hành được 108 Tam muội và các môn

Đà la ni, thời mười phương chư Phật đều thọ ký cho, vì cớ sao? Vì Bồ tát tuy được các Tam muội ấy, vì thật không có ngã tâm ức tưởng phân biệt nên cũng không khởi niệm rằng: Ta sẽ vào Tam muội ấy, nay vào, đã vào, ta sẽ trụ Tam muội ấy, là Tam muội của ta. Vì tâm ấy thanh tịnh không chấp trước pháp vi diệu, nên chư Phật thọ ký cho.

Bấy giờ Xá lợi phất trở lại lấy trí tuệ về không nạn hỏi Tu bồ đề rằng: Bồ tát trú Tam muội ấy, thủ lấy tướng Tam muội ấy, có được thọ ký không?

Tu bồ đề đáp: Không, vì cớ sao? Vì ba việc không khác nhau: Bát nhã không khác Tam muội, Tam muội không khác Bát nhã; Bát nhã không khác Bồ tát, Tam muội; Bồ tát, Tam muội không khác Bát nhã; Bát nhã, Tam muội tức là Bồ tát, Bồ tát tức là Bát nhã, Tam muội. Bát nhã, Tam muội và Bồ tát khác nhau thời chư Phật thọ ký cho, song vì không khác nên không thọ ký.

Xá lợi phất lại hỏi: Nếu như vậy, thời Tam muội và hết thảy pháp bình đẳng không khác ư?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát có Tam muội về các pháp v.v... vào trong Tam muội ấy, các pháp không khác.

Lại nữa, như trước nói đối với các Tam muội không khởi ức tưởng phân biệt, không hay không biết, vì tự tánh các Tam muội không có gì. Bồ tát không biết không niệm, Phật vì Tu bồ đề chưa tự được Tam muội ấy, mà khéo nói Tam muội, Đà la ni vi diệu của Bồ tát, đối với Bát nhã ba la mật không niệm không trước, thế nên Phật tán thán: Lành thay! Ta nói ông được vô tránh Tam muội đệ nhất đúng như lời ta tán thán không sai.

Kinh: Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát học như vậy là học Bát nhã ba la mật ư?

Phật bảo Xá lợi phất: Bồ tát ma ha tát học như vậy là học Bát nhã ba la mật, vì pháp ấy không thể có được; cho đến học Thí ba la mật, vì pháp ấy không thể có được, học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung vì pháp ấy không thể có được.

Xá lợi phất bạch rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như vậy, Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật, pháp ấy không thể có được ư?

Phật dạy: Đúng như vậy! Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật, pháp ấy không thể có được.

Xá lợi phất thưa: Bạch đức Thế Tôn! Những pháp gì không thể có được?

Phật dạy: Ngã không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Năm ấm không thể có được, mười hai nhập không thể có được, mười tám giới không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Vô minh không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh cho đến lão tử không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; Khổ đế không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; Tập, Diệt, Đạo đế không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Cõi Dục không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; cõi Sắc cõi Vô sắc không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; bốn niệm xứ không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; cho đến mười tám pháp không chung không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Sáu Ba la mật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh, Tu đà hoàn không không thể có được vì rốt ráo thanh tịnh; Tư đà hoàn, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Bồ tát không thể có được vì rốt ráo thanh tịnh. Phật không thể có được vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Chẳng xuất chẳng sinh, không được không làm, ấy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát học như vậy là học pháp gì?

Phật bảo Xá lợi phất: Bồ tát ma ha tát học như vậy đối với các pháp không học gì, vì sao? Này Xá lợi phất! Tướng các pháp không như tướng phàm phu chấp trước.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thật tướng các pháp có thế nào?

Phật dạy: Các pháp không có gì, có như vậy, không có gì như vậy, việc ấy không biết gọi là vô minh.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Không có những gì việc ấy không biết, gọi là vô minh?

Phật bảo Xá lợi phất: Sắc, thọ, tưởng, hành,thức không có gì, vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung không có gì, vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Trong đó phàm phu vì do vô minh khát ái nên vọng thấy phân biệt, gọi là vô minh. Kẻ phàm phu bị buộc vào hai bên, không biết không thấy các pháp không có gì, mà ức tưởng phân biệt đắm sắc, cho đến mười tám pháp không chung. Hạng người ấy vì đắm trước nên đối với pháp không có gì khởi lên thức, tri, kiến. Ấy là phàm phu không biết không thấy. Không biết không thấy gì? Không biết không thấy sắc cho đến mười tám pháp không chung cũng không biết không thấy. Vì vậy nên đọa vào trong số phàm phu, như trẻ con. Hạng người ấy không ra khỏi. Không ra khỏi gì? Không ra khỏi cõi Dục, không ra khỏi cõi Sắc, không ra khỏi cõi Vô sắc; không ra khỏi pháp Thanh văn, Bích chi Phật. Người ấy cũng không tín thọ. Không tín thọ gì? Không tin sắc không, cho đến không tin mười tám pháp không chung. Người ấy không trú. Không trú gì? Không trú Thí ba la mật cho đến không trú Bát nhã ba la mật, không trú địa vị bất thối chuyển cho đến không trú mười tám pháp không chung. Vì nhân duyên ấy, nên gọi là phàm phu, như trẻ nít. Cũng gọi là người chấp trước. Chấp trước gì? Chấp trước sắc cho đến thức, chấp trước nhãn nhập cho đến ý nhập, chấp trước nhãn giới cho đến ý thức giới; chấp trước dâm, nộ, si, chấp trước các tà kiến, chấp trước bốn niệm xứ cho đến chấp trước Phật đạo.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát học như vậy cũng chẳng phải học Bát nhã ba la mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng ư?

Phật bảo Xá lợi phất: Bồ tát ma ha tát học như vậy, cũng chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao Bồ tát cũng chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng?

Phật bảo Xá lợi phất: Bồ tát ma ha tát vì không có phương tiện thiện xảo, nên ức tưởng phân biệt, chấp trước Bát nhã ba la mật, chấp trước Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng, cứ ức tưởng

phân biệt chấp trước. Vì nhân duyên ấy, nên Bồ tát ma ha tát học như vậy, cũng chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hoặc có Bồ tát ma ha tát học như vậy, chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng ư?

Phật bảo Xá lợi phất: Bồ tát ma ha tát học như vậy, chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Nhất chủng trí.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát nay nên làm sao học Bát nhã ba la mật, được Trí nhất thiết chủng?

Phật bảo Xá lợi phất: Nếu Bồ tát ma ha tát, khi học Bát nhã ba la mật, không thấy Bát nhã ba la mật. Này Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật như vậy, được Trí nhất thiết chủng, vì không thể có được.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là bất khả đắc?

Phật dạy: Vì các pháp nội không cho đến vô pháp hữu pháp không.

Luận: Xá lợi phất ở trên hỏi chỉ có vô thọ Tam muội là mau được thành Phật hay còn có Tam muội khác? Tu bồ đề đáp: Còn có Tam muội khác mau được thành Phật. Bồ tát không niệm, không chấp trước Tam muội ấy nên được chư Phật quá khứ hiện tại, thọ ký. Phật tán thán: Lành thay! Bồ tát ma ha tát hãy học Bát nhã ba la mật như vậy, cho đến học hết thảy Phật pháp.

Khi ấy, Xá lợi phất nghĩ rằng: Bát nhã ba la mật là tướng không, còn các Tam muội là các tướng có phân biệt, làm sao học các Tam muội là học Bát nhã ba la mật, cho nên hỏi.

Phật đáp: Xá lợi phất: Học Bát nhã ba la mật như vậy đều vì bất khả đắc, vì tướng khí phần của Bát nhã bala mật đều ở trong các Tam muội, học được như vậy là học Bát nhã ba la mật, cho đến học mười tám pháp không chung. Phật liền ấn khả cho.

Xá lợi phất lại hỏi: Pháp gì là không thể có được?

Trong đây Phật tự nói: Vì chúng sanh không, vì rốt ráo thanh tịnh nên ngã không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy, Tu đà hoàn cho đến Phật

không thể có được; vì pháp không, vì rốt ráo thanh tịnh, nên năm uẩn không thể có được cho đến mười tám pháp không chung không thể có được.

Rốt ráo thanh tịnh là không xuất không sinh, không được không làm v.v... Ở bên nhân không sinh khởi gọi là không xuất, ở bên duyên không sinh khởi gọi là không sinh. Tướng sinh nhất định không thể có được, nên gọi là không xuất không sinh. Vì không xuất không sinh nên gọi là không thể có được. Vì không thể có được nên gọi là không làm không khởi. Pháp có khởi, làm đều là hư dối; lìa tướng như vậy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Xá lợi phất hỏi Phật: Bồ tát ma ha tát tu hành được đạo rốt ráo thanh tịnh như vậy vì học pháp gì, vì được pháp gì?

Phật đáp: Học được như vậy kà vì không học gì, không được gì.

Hỏi: Bồ tát dùng rốt ráo không ấy, học sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, cớ sao nói không có pháp gì có thể học?

Đáp: Trong đây Phật tự nói, các pháp không giống như chỗ chấp trước của phàm phu. Tâm phàm phu có vô minh, tà kiến kiết sử, những điều nghe, thấy, biết đều khác với pháp tướng; cho đến nghe Phật thuyết pháp, đối với Thánh đạo và quả báo đều chấp trước, làm ô nhiễm đạo.

Xá lợi phất bạch Phật rằng: Nếu chỗ thấy của người phàm phu đều chẳng thật, vậy nay các pháp ấy làm sao có?

Phật dạy: Các pháp chẳng có gì, người phàm phu nơi chỗ chẳng có gì cũng cho là có, vì cớ sao? Vì người phàm phu ấy lìa vô minh tà kiến thời không thể có chỗ xem thấy, vì thế nên nói chấp trước chỗ không có gì nên gọi là vô minh. Ví như nắm tay trống không để gạt con nít, con nít chấp trước nên cho là có.

Xá lợi phất hỏi Phật: Những pháp gì không có vì chấp trước nên gọi là vô minh?

Phật đáp: Sắc cho đến mười tám pháp không chung, trong đó vì vô minh tham ái nên ức tưởng phân biệt, thứ minh ấy là vô minh, rơi vào hữu biên vô biên, mất ánh sáng trí tuệ. Vì mất ánh sáng trí tuệ nên không thấy không biết sắc rốt ráo không, không có gì, mà tự sinh ức tưởng phân biệt rồi chấp trước; cho đến thức uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai

nhân duyên, hoặc nghe pháp lành như sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, cũng như pháp thế gian; ức tưởng phân biệt chấp trước thánh pháp cũng như vậy.Do vậy gọi là rơi vào số phàm phu, giống trẻ con, bị người khinh cười. Như người lấy ngón tay chỉ mặt trăng, người ngu chỉ thấy ngón tay không thấy mặt trăng; người trí khinh cười nói: Sao ông không hiểu được ý người chỉ, ngón tay là nhân duyên để biết mặt trăng, mà lại xem ngón tay không biết mặt trăng. Chư Phật hiển thánh nói pháp cho người phàm phu mà người phàm phu cứ chấp âm thanh ngữ ngôn, không nắm lấy ý thánh nhân, không được thật nghĩa. Vì không được thật nghĩa nên trở lại nơi thật nghĩa sinh chấp trước. Nay Phật chỉ lỗi của người phàm phu, nên nói không thể vượt qua ba cõi, cũng không thể lìa hai thừa. Vì không nắm được ý thánh nhân nên nghe nói các pháp không mà chẳng tin, vì không tin nên không thật hành, không an trú sáu Ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung. Vì mất các công đức như vậy nên gọi là phàm phu, con nít. Con nít chấp trước năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, ba độc, các phiền não cho đến mười tám pháp không chung; Vô thượng, Chánh đẳng, Chánh giác đều chấp trước, nên gọi là kẻ chấp trước.

Xá lợi phất hỏi: Nếu Bồ tát tu hành như vậy, gọi là không hành Bát nhã ba la mật, không hành Bát nhã ba la mật nên chẳng được Trí nhất thiết chủng ư?

Phật hứa khả Xá lợi phất rằng: Như vậy, như vậy! Liền vì nói nhân duyên cho là Bồ tát mới tu hành, không có sức phương tiện, nghe nói Bát nhã ba la mật ấy, ức tưởng phân biệt, tìm cầu muốn lấy, nghĩ rằng: Ta bỏ cái vui thế gian, lại không được Bát nhã ba la mật, ấy là mất cả hai, chuyên tìm cầu muốn được. Hoặc bảo nói không, là Bát nhã ba la mật; hoặc nói không cũng không, là Bát nhã ba la mật; hoặc nói các pháp như thật tướng là Bát nhã ba la mật. Như vậy dùng sáu mươi hai kiến, chín mươi tám tâm kiết sử phiền não, chấp trước cho là Bát nhã ba la mật, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng chấp như vậy. Lấy tâm chấp trước ấy mà học các pháp, không thể được Trí nhất thiết chủng. Cùng với đây trái nhau là có thể hành Bát nhã ba la mật, cũng có thể được Trí nhất thiết chủng; nghĩa là không thấy Bát nhã ba la mật, không thấy hành giả, không thấy duyên pháp, không thấy cũng không thấy.

Xá lợi phất lại hỏi nhân duyên không thấy, Phật đáp Bồ tát ấy vào mười tám Không, cho nên không thấy, chẳng phải vô trí nên không thấy.

(Hết cuốn 43 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 44

GIẢI THÍCH: PHẨM HUYỄN HỌC THỨ 11

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Huyễn Nhân)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Huyễn Dụ thứ 10)

Kinh: Lúc ấy Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu sẽ có người hỏi rằng: Người huyễn học Bát nhã ba la mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng? Người huyễn học Thiền ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung và Trí nhất thiết chủng, được Trí nhất thiết chủng chăng? Con sẽ đáp thế nào?

Phật bảo Tu bồ đề: Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp. Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc với huyễn có khác chăng? Thọ, tưởng, hành, thức với huyễn có khác chăng?

Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao? Mắt với huyễn có khác chăng, cho đến ý với huyễn có khác chăng? Sắc cho đến pháp với huyễn có khác chăng? Nhãn giới cho đến ý thức giới với huyễn có khác chăng? Nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ với huyễn có khác chăng?

Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Bốn niệm xứ với huyễn có khác chăng, cho đến tám Thánh đạo phần với huyễn có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu bồ đề! ý ông nghĩ sao? Thí ba la mật với huyễn có khác chăng, cho đến mười tám pháp không chung với huyễn có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với huyễn có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì cớ sao? Vì sắc không khác huyễn, huyễn không khác sắc, sắc tức là huyễn, huyễn tức là sắc.

Bạch Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức không khác huyễn, huyễn không khác thọ, tưởng, hành, thức; thức tức là huyễn, huyễn tức là thức.

Bạch Thế Tôn! Mắt không khác huyễn, huyễn không khác mắt, mắt tức là huyễn, huyễn tức là mắt; nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Bốn niệm xứ không khác huyễn, huyễn không khác bốn niệm xứ; bốn niệm xứ tức là huyễn, huyễn tức là bốn niệm xứ, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không khác huyễn, huyễn không khác Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là huyễn, huyễn tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu bồ đề: ý ông nghĩ sao? Huyễn có nhơ có sạch chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Huyễn có sinh có diệt chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Nếu pháp chẳng sinh chẳng diệt, pháp ấy có thể học Bát nhã ba la mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Năm thọ ấm giả danh là Bồ tát chăng?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Năm thọ ấm giả danh có sinh diệt nhơ sạch chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Nếu pháp chỉ có danh tự, chẳng phải thân, chẳng phải thân nghiệp, chẳng phải khẩu, chẳng phải khẩu nghiệp, chẳng phải ý,

chẳng phải ý nghiệp, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, pháp như vậy có thể học Bát nhã ba la mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Bồ tát ma ha tát nếu học được Bát nhã ba la mật như vậy, sẽ được Trí nhất thiết chủng, vì không có gì được.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát nên học Bát nhã ba la mật như vậy, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như người huyễn học, vì cớ sao? Bạch Thế Tôn! Nên biết năm ấm tức là người huyễn, người huyễn tức là năm ấm.

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Năm ấm ấy học Bát nhã ba la mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì cớ sao? Vì năm ấm ấy tánh không có gì, tánh không có gì cũng không thể có được.

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Năm ấm như mộng học Bát nhã ba la mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì cớ sao? Vì tánh mộng không có gì, tánh không có gì cũng không thể có được.

- Ý ông nghĩ sao? Năm ấm như tiếng vang, như bóng, như ráng nắng, như biến hóa học Bát nhã ba la mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! vì cớ sao? Vì tiếng vang, bóng, ráng nắng, biến hóa, tánh không có gì, tánh không có gì cũng không thể có được. Sáu căn cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Thức cũng là sáu căn, sáu căn tức là năm uẩn. Pháp ấy vì nội không nên không thể có được, cho đến vì vô pháp hữu pháp không nên không thể có được.

Luận. Hỏi: Vì sao Tu bồ đề đem việc ấy hỏi Phật? Nếu có người hỏi người huyễn học Bát nhã ba la mật được làm Phật chăng? Phải đáp rằng không được. Vì người huyễn hư dối, không có gốc, ngọn, việc ấy dễ đáp, sao lại đem hỏi Phật?

Đáp: Vì ở phẩm trên Phật nói nghĩa Không sâu xa cho Xá lợi phất, Tu bồ đề nghĩ rằng các pháp nhất tướng không có sai biệt, nếu như vậy người huyễn và Bồ tát thật khôngcó khác nhau, nhưng Bồ tát tu hành các công đức thì được làm Phật, còn người huyễn không thật, chỉ gạt mắt người, không thể làm Phật.

Hỏi: Người huyễn không thể tu hành công đức, vì không có tâm thức, làm sao nói tu hành?

Đáp: Tuy thật không tu hành, người thấy in tuồng như tu hành, nên gọi là tu hành. Như người huyễn dùng thức ăn uống, tài vật, bảy báu, bố thí, xuất gia, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tọa thiền, thuyết pháp v.v... người vô trí cho đó là tu hành, không biết là huyễn.

Tu bồ đề nghĩ rằng: Nếu như Phật nói các pháp nhất tướng, không có gì, chỉ là hư dối, người huyễn và Bồ tát thật cho đến Phật không có sai khác. Như người huyễn cũng huyễn làm Phật, hành sáu Ba la mật, hàng phục ma binh, ngồi đạo tràng, thành Phật đạo, phóng hào quang, thuyết pháp độ người, với Bồ tát thực hành thật đạo, được làm Phật, độ chúng sinh, có gì sai khác?

Phật dạy: Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp lời Ta.

Hỏi: Cớ sao Phật không đáp thẳng, mà lại hỏi Tu bồ đề khiến tùy ý đáp?

Đáp: Tu bồ đề dùng trí tuệ Không, quán ba cõi năm uẩn đều không, tâm sinh chán lìa, nhưng vì tập khí phiền não nên tuy biết được tổng tướng các Phật pháp đều không, song còn có chỗ yêu quí nên không quán xem được Phật pháp như huyễn không có gì. Vì vậy nên mới dẫn dụ nói: Như ông lấy năm uẩn Không làm chứng, các Phật pháp cũng vậy: ông quán năm uẩn thế gian là không. Ta quán Phật pháp cũng vậy. Thế nên hỏi Tu bồ đề rằng: Ý ông nghĩ sao? Sắc với huyễn khác nhau chăng? Huyễn với sắc khác nhau chăng? Cho đến tho, tưởng, hành, thức cũng như vậy, nếu khác thời ông nên hỏi, nếu không khác thời không nên hỏi như vậy.

Tu bồ đề thưa: Không khác.

Hỏi: Nếu sắc không khác huyễn, có thể được, vì người huyễn có sắc (còn thọ, tưởng, hành, thức không có sắc), cớ sao nói như huyễn không khác?

Đáp: Người huyễn có tướng mừng, vui, lo, khổ: người vô trí không thấy cho là có thọ, tưởng, hành, thức.

Lại nữa, Phật nói thí dụ để khiến người biết năm thọ uẩn hư dối như huyễn; năm thọ uẩn tuy không khác với huyễn, song Phật muốn khiến hiểu rõ nên nêu làm thí dụ. Chúng sinh cho huyễn là hư dối, còn năm thọ uẩn tuy có mà không khác huyễn nên Tu bồ đề một lòng trù lượng, biết năm uẩn cùng với huyễn không khác, vì cớ sao? Vì như sắc người huyễn dối gạt mắt thịt, có thể làm cho sinh ra lo, mừng, khổ, vui; năm thọ uẩn cũng có thể dối gạt mắt tuệ, làm cho sinh tham dục, sân não, các phiền não v.v... như trò huyễn, do một ít chú thuật, sự vật, ngôn ngữ làm gốc, có thể hiện ra các sự vật thành quách, nhà quán v.v... năm thọ uẩn cũng do một ít vô minh thuật đời trước mà có ra hành, thức, danh sắc các thứ. Do vậy, nên nói không khác, như người thấy việc huyễn sinh tâm chấp trước, bỏ phế sự việc nuôi sống, đến khi huyễn diệt liền sinh hối hận. Năm thọ uẩn cũng như vậy, do nghiệp đời trước huyễn sinh ra thân năm uẩn đời nay, hưởng thọ năm dục, sinh tham giận, đến khi vô thường bại hoại, tâm nói hối hận. Vì sao ta chấp trước năm uẩn huyễn ấy, để mất thật tướng các pháp? Phật mở cửa lạc thuyết cho Tu bồ đề nên đáp huyễn với sắc chẳng khác. Nếu không khác, pháp ấy tức là không, vào trong pháp chẳng sinh chẳng diệt. Nếu chẳng sinh chẳng diệt, làm sao tu hành Bát nhã ba la mật được làm Phật? Tu bồ đề nghĩ rằng: Nếu như vậy, Bồ tát vì cớ gì mỗi mỗi hành đạo, cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật biết ý của Tu bồ đề, nên liền đáp: Năm uẩn hư dối, chỉ do giả danh gọi là Bồ tát. Trong giả danh ấy không có nghiệp, không có nhân duyên nghiệp, không có tâm, không có tâm số pháp, không nhơ không sạch, vì rốt ráo không. Phật dạy Bồ tát nên như người huyễn tu hành Bát nhã ba la mật, thân năm uẩn tức là người huyễn, không khác. Từ nhân duyên của nghiệp huyễn đời trước, vì từ nghiệp huyễn xuất sinh, nên thân năm uẩn ấy cũng không thể thành tựu Phật được, vì sao? Vì bản tánh không có gì. Ngoài ra mộng, biến hóa, bóng, tiếng vang v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Cớ sao nói thức tức là sáu nhập? Sáu nhập tức là năm uẩn?

Đáp: Thức là chi thứ ba trong mười hai chi nhân duyên, trong ấy cũng có sắc, cũng có tâm số pháp, vì chưa thành thục nên gọi là thức. Từ thức sinh sáu nhập, hai thời ấy đều có năm uẩn. Sắc thành nên gọi là năm

nhập, danh thành nên gọi là ý nhập. Sáu nhập không lìa năm uẩn, vì vậy nói thức tức là sáu nhập.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong mười hai nhân duyên, mỗi mỗi đều có năm uẩn, cớ sao nay chỉ nói thức và sáu nhập có năm uẩn.

Đáp: Thức ấy là gốc của thân hiện nay. Chúng sinh phần nhiều lầm đối với pháp hiện tại. Danh và sắc chưa thành thục, chưa có công dụng nên không nói, còn sáu nhập thì thọ khổ vui, sinh ra tội phước nên nói, ngoài mười một nhân duyên ra, nên nói sáu nhập là năm uẩn.

Lại nữa, Phật biết sau 500 năm, người học phân biệt pháp tướng mỗi mỗi khác nhau: Lìa thức nói sắc, lìa sắc nói thức. Muốn phá các chấp kiến đó, để khiến họ nhập vào lý rốt ráo không, nên tuy trong thức không có năm nhập mà nói thức tức là sáu nhập, trong sáu nhập tuy không đủ năm uẩn mà nói sáu nhập tức là năm uẩn.

Lại nữa, đời trước chỉ có tâm trụ trong sáu nhập, khởi các thứ ức tưởng phân biệt nên sinh ra sáu nhập đời nay. Thân năm uẩn theo thân đời nay khởi ra các kiết sử tạo sáu nhập năm uẩn đời sau. Cứ triển chuyển như vậy, cho nên nói thức tức là sáu nhập, sáu nhập tức là năm uẩn. Pháp ấy trong nội không không thể có được, cho đến trong vô pháp hữu pháp không không thể có được.

Kinh: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát mới phát tâm Đại thừa, nghe nói Bát nhã ba la mật, sẽ không kinh, hãi, sợ ư?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát mới phát tâm Đại thừa mà đối với Bát nhã ba la mật không có phương tiện thiện xảo cũng không gặp thiện tri thức, thời Bồ tát ấy hoặc kinh, hoặc hãi, hoặc sợ.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là phương tiện thiện xảo, mà Bồ tát tập hành phương tiện ấy thì không kinh, không hãi, không sợ?

Phật bảo Tu bồ đề: Có Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng vô thường cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô thường cũng không thể có được. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật có phương tiện thiện xảo.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng khổ cũng không thể có được; quán thọ. tưởng, hành, thức tướng khổ cũng như vậy. Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng vô ngã cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô ngã cũng như vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng không cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng không cũng như vậy. Quán sắc tướng vô tướng cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô tướng cũng như vậy. Quán sắc tướng vô tác cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô tác cũng như vậy. Quán sắc tướng tịch diệt là không thể có được, cho đến quán thức tướng tịch diệt cũng như vậy. Quán sắc tướng lìa cũng không thể có được, cho đến quán thức tướng lìa cũng như vậy; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã Ba la mật có phương tiện thiện xảo.

Lại nữa,Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật quán sắc tướng vô thường cũng không thể có được; quán sắc tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng tịch diệt, tướng lìa cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Lúc ấy Bồ tát ma ha tát nghĩ rằng: Ta sẽ vì hết thảy chúng sinh mà nói pháp vô thường cũng không thể có được; sẽ vì hết thảy chúng sinh mà nói tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng tịch diệt, tướng lìa cũng không thể có được; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Bố thí ba la mật.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát không đem tâm Thanh văn, Bích chi Phật quán sắc vô thường cũng không thể có được; không đem tâm Thanh văn, Bích chi Phật quán thức vô thường cũng không thể có được; không đem tâm Thanh văn, Bích chi Phật quán sắc khổ, vô ngã, không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tịnh Giới ba la mật.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, nghe nói các pháp tướng vô thường cho đến tướng lìa mà tâm an nhẫn, muốn, vui; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Nhẫn nhục ba la mật.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng vô thường cũng không thể có được, cho đến tướng lìa cũng không thể có được. Quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng không bỏ không ngừng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Tinh tấn ba la mật.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, không khởi ý Thanh văn, Bích chi Phật và các tâm bất thiện; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Thiền ba la mật.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, tư duy như vầy: Không vì không sắc nên sắc không, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không vì không nhãn nên nhãn không, nhãn tức là không, không tức là nhãn, cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ, không vì không thọ nên thọ không, thọ tức là không, không tức là thọ. Không vì không bốn niệm xứ nên bốn niệm xứ không, bốn niệm xứ tức là không, không tức là bốn niệm xứ; cho đến không vì không mười tám pháp không chung nên mười tám pháp không chung không, mười tám pháp không chung tức là không, không tức là mười tám pháp không chung. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật không kinh, không hãi, không sợ.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát ma ha tát được thiện tri thức thủ hộ nên nghe nói Bát nhã ba la mật mà không kinh, không hãi, không sợ?

Phật bảo Tu bồ đề: Thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát là người nói sắc vô thường cũng không thể có được, nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát. Người nói thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng không thể có được; nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết tri; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát còn có thiện tri thức, nói sắc khổ cũng không thể có được; nói thọ, tưởng, hành, thức khổ cũng không thể có được; nói sắc vô ngã cũng không thể có được; nói thọ, tưởng, hành, thức vô ngã cũng không thể có được; nói sắc không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa cũng không thể có được; nói thọ, tưởng, hành, thức không, vô tướng, vô

tác, tịch diệt, lìa, cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí. Tu bồ đề! Ấy gọi là thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát còn có thiện tri thức nói mắt vô thường, cho đến mắt lìa cũng không thể có được; cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ, nói là vô thường cho đến lìa cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết tri; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát còn có thiện tri thức nói tu bốn niệm xứ cho đến tu bốn niệm xứ lìa, cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí. Tu bồđề! Ấy gọi là thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát, cho đến thiện tri thức nói tu mười tám pháp không chung, tu Nhất thiết trí cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh văn, Bích chi Phật chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Luận. Hỏi. Cớ sao Tu bồ đề sinh nghi hỏi Phật rằng: Bồ tát mới phát tâm nghe nói Bát nhã ba la mật, sẽ không kinh, hãi, sợ?

Đáp: Nghe nói không có Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật, nhưng thân năm uẩn không, cũng không thể tu hành Bát nhã ba la mật, nên sinh nghi: Ai sẽ tu hành Bát nhã? Thế nên hỏi Phật.

Phật dạy: Nếu Bồ tát không đầy đủ nhân duyên trong ngoài, sẽ có sợ hãi. Nhân duyên trong là không có chánh ức niệm, không có trí tuệ lanh lợi, đối với chúng sinh không có bi tâm sâu xa, bên trong không có phương tiện như vậy. Nhân duyên ngoài là không sinh ở trung tâm quốc độ, không được nghe Bát nhã ba la mật, không gặp thiện tri thức dứt nghi cho, không có nhân duyên ngoài như vậy. Nhân duyên trong ngoài không hòa hợp nên sinh kinh, hãi, sợ. Nay Tu bồ đề hỏi phương tiện ấy, Phật đáp: Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng quán các pháp cũng không thủ đắc các pháp.

Hỏi. Phương tiện có khi quán sắc có các tướng vô thường v.v... nên không sợ hãi, sao nay chỉ nói tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng quán các pháp nên không sợ hãi?

Đáp: Bồ tát từ trước lại đây chỉ quán các pháp không, tâm thô nên sinh đắm trước. Nay phân biệt quán, như ý Phật, đối với chúng sinh khỏi tâm đại bi, không đắm trước hết thảy pháp, đối với trí tuệ không có gì được, chỉ muốn độ chúng sinh, dùng vô thường, không, v.v... các thứ quán các pháp, cũng không thủ đắc pháp ấy. Quán các pháp như vậy rồi, suy nghĩ rằng: Ta dùng pháp ấy độ chúng sinh, khiến xa lìa điên đảo. Vì vậy nên tâm không đắm trước, không thấy có một pháp nhất định; ví như thầy thuốc hòa hợp các thứ thuốc, người mắc bệnh lạnh thì cho thuốc nóng, đối với bệnh nóng là chẳng phải thuốc; trong hai sự bố thí, pháp thí là lớn, ấy gọi là Thí ba la mật. Năm Ba la mật kia cũng như vậy, tùy theo nghĩa mà phân biệt.

Lại nữa, phương tiện của Bồ tát là: Chẳng phải vì mười tám không, nên khiến sắc không, vì cớ sao? Vì không lấy tướng không cưỡng ép làm cho không. Sắc tức là không, sắc ấy từ xưa đến nay thường tự không, vì sắc tướng không, nên không tức là sắc; cho đến các Phật pháp cũng như vậy.

Thiện tri thức là người dạy người khiến đem trí tuệ ấy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát trước đó biết các quán vô thường, không v.v... nay chỉ nói hồi hướng, là khác.

Kinh: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Cớ sao Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật không có phương tiện thiện xảo, theo ác tri thức nên nghe nói Bát nhã ba la mật thì kinh, hãi, sợ?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát lìa tâm Nhất thiết trí, tu Bát nhã ba la mật, được Bát nhã ba la mật ấy, nhớ nghĩ Bát nhã ba la mật ấy, đối với sự tu hành Thiền ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tịnh giới ba la mật, Bố thí ba la mật, đều nhớ nghĩ.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát vì lìa tâm Tát bà nhã, mà quán sắc nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không; quán thọ, tưởng, hành, thức nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; quán nhãn nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, cho đến quán ý xúc làm nhân duyên sinh thọ, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đối với các Không có chỗ nhớ, có chỗ được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, vì lìa tâm Tát bà nhã mà tu bốn niệm xứ, cũng nhớ, cũng được. Cho đến tu mười tám pháp không chung, cũng nhớ cũng được. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát

ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật vì không có phương tiện thiện xảo, nên nghe nói Bát nhã ba la mật ấy thì kinh, hãi, sợ.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Cớ sao Bố tát ma ha tát theo ác tri thức nghe nói Bát nhã ba la mật thì kinh, hãi, sợ?

Phật bảo Tu bồ đề! Ác tri thức của Bồ tát ma ha tát dạy xa lìa Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tịnh giới ba la mật, Bố thí ba la mật. Tu bồ đề! Ấy là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát còn có ác tri thức không nói việc ma, không nói tội của ma, không nói rằng ma hiện làm hình tượng Phật đi đến dạy Bồ tát xa lìa sáu Ba la mật, mà nói với Bồ tát rằng: Thiện nam tử tu Bát nhã ba la mật làm chi! Tu Thiền ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tịnh giới ba la mật, Bố thí ba la mật làm chi! Nên biết, đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma còn hiện làm hình tượng Phật đi đến chỗ Bồ tát nói kinh Thanh văn, hoặc Khế kinh (Sutrra – Tu đa la, Tu đố lộ) cho đến Luận nghị (Ưu ba đề xá). Dạy bảo phân biệt diễn nói Kinh như vậy, không nói việc ma, tội ma, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma hiện làm hình tượng Phật đi đến chỗ Bồ tát nói rằng: Thiện nam tử! Ông không có tâm Bồ tát chơn thật, cũng chẳng phải địa vị bất thối chuyển, ông cũng không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không nói cho biết việc ma, tội ma như vậy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma hiện làm hình tượng Phật đi đến chỗ Bồ tát, nói với Bồ tát rằng: Thiện nam tử! Sắc không, vô ngã, vô ngã sở; thọ, tưởng, hành, thức không, vô ngã, vô ngã sở, nhãn không, vô ngã, vô ngã sở; cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không, vô ngã, vô ngã sở, Bố thí ba la mật không, cho đến Bát nhã ba la mật không, bốn niệm xứ không, cho đến mười tám pháp không chung không, thì ông dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma hiện làm thân Bích chi Phật đi đến chỗ Bồ tát nói với Bồ tát rằng: Thiện nam tử! Mười phương đều không, trong đó không

có Phật, không có Bồ tát, không có Thanh văn. Việc ma, tội như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma hiện làm thân Hòa thượng, A xà lê, đi đến chỗ Bồ tát dạy xa lìa đạo Bồ tát, dạy xa lìa Trí nhất thiết chủng, xa lìa bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, dạy xa lìa Bố thí ba la mật cho đến dạy xa lìa mười tám pháp không chung, dạy tu vào không, vô tướng, vô tác, nói rằng: Thiện nam tử! Ông tu niệm các pháp ấy sẽ chứng được Thanh văn chứ dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma hiện làm hình tượng cha mẹ đi đến chỗ Bồ tát, nói với Bồ tát rằng: Này con, con nên vì chứng quả Tu đà hoàn mà siêng tinh tấn, cho đến nên vì chứng quả A la hán mà siêng tinh tấn, chứ dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, để phải chịu sống chết vô số kiếp, cắt tay cắt chân, chịu đủ các thống khổ! Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma hiện làm hình tượng Tỳ kheo đi đến chỗ Bồ tát, nói với Bồ tát rằng: Con mắt vô thường là pháp có thật, cho đến ý vô thường là pháp có thật; con mắt khổ, con mắt vô ngã, con mắt không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa là pháp có thể nói; cho đến ý cũng như vậy. Dùng pháp có sở đắc để nói bốn niệm xứ, cho đến dùng pháp có sở đắc để nói mười tám pháp không chung của Phật. Tu bồ đề! Việc ma, tội ma như vậy, lại không dạy không nói, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát, biết rồi nên xa lánh.

Luận. Trước lược nói không có phương tiện, nay nói rộng không có phương tiện. Nghĩa là lìa tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu hành Bát nhã, được định hướng Bát nhã ba la mật ấy, cho đến các Phật pháp cũng như vậy. Vì tự mình không có phương tiện lại được ác tri thức dạy vậy.

Lại nữa, ác tri thức làm mất lợi ích lớn, đủ thứ phá hoại người, là nhân duyên của đại ác. Phật còn dùng nhiều nhân duyên nói rõ tướng ác tri thức.

Ác tri thức là dạy người xa lìa sáu Ba la mật, hoặc dạy xa lìa, không tin quả báo tội phước; hoặc vì chấp trước Bát nhã ba la mật nói rằng các pháp rốt ráo không, người làm sao tu? Hoặc tán thán Tiểu thừa, nói rằng người chỉ tự do thoát khỏi khổ già bệnh chết, chứ chúng sinh can dự chi việc ngươi! Có các nhân duyên như vậy dạy người ta lìa; ấy gọi là ác tri thức.

Lại nữa, ác tri thức là không dạy cho đệ tử biết ma là giặc của Phật, ma là chủ cõi Dục, có thế lực lớn, thường ghét người hành đạo. Phật có oai lực lớn, nên ma không thể phá hoại, chỉ phá hoại được Bồ tát nhỏ, cho đến hiện làm hình tượng Phật đi đến phá hoại Bồ tát đang hành lục độ, Hoặc tán thán, khai mở, luận thuyết theo các kinh khác của Thanh văn cần phải học. Hoặc hiện làm thân Phật đến nói với Bồ tát rằng: Ông không thể làm Phật. Hoặc nói con mắt v.v... hết thảy các pháp không, dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Hoặc hiện làm thân Bích chi Phật, hoặc nói nhân không của ba thừa trong mười phương thế giới, người cầu Phật đạo, chỉ có tên suông, ông tại sao muốn làm Phật! Hoặc dạy khiến xa lìa ba mươi bảy phẩm đạo của Bồ tát, khiến vào trong ba môn giải thoát của Thanh văn, ông vào ba môn ấy thật tế chứng ngộ dứt hết các khổ, ông siêng tinh tấn để chứng được bốn quả, chứ dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Hoặc hiện làm Hòa thượng, A xà lê, cha mẹ đi đến dạy khiến xa lìa Phật đạo, phải luống chịu cắt tay, chân, tai, mũi đem cho mới cầu được, nếu không cho thời phá hỏng ý nguyện cầu Phật đạo, nếu cho thời chịu đau khổ. Hoặc có khi hiện A la hán, Tỳ kheo mặc áo rách đi đến nói con mắt là không, vô thường, khổ; không, vô thường, vô tác, tịch diệt, lìa cho đến các Phật pháp cũng như vậy. Chỉ nói theo lối có sở đắc thủ tướng, ức tưởng phân biệt. Vô lượng các việc ma như vậy, không dạy cho biết, ấy gọi là ác tri thức.

Xa lánh là vì ác tri thức không có lợi ích, như giặc nói lời dịu ngọt, đến thân cận mà hại người. Ác tri thức còn quá hơn thế, vì sao? Vì giặc chỉ hại thân trong một đời, còn ác tri thức thì đời đời hại người; giặc chỉ có thể hại mạng cướp của, còn ác tri thức thì hại tuệ mạng căn, cướp vô lượng báu Phật pháp, biết rồi, phải gấp rút cả thân tâm đều xa lánh.

GIẢI THÍCH: PHẨM CÚ NGHĨA THỨ 12

(Kinh Đại Bát Nhã ghi: Phẩm Thí Dụ)

Kinh: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là cú nghĩa Bồ tát?

Phật bảo Tu bồ đề: Không có cú nghĩa là cú nghĩa Bồ tát, vì sao? Vì trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có nghĩa xứ, cũng vô ngã, vì thế không có cú nghĩa là cú nghĩa Bồ tát. Tu bồ đề! Thí như chim bay giữa hư không không có dấu chân, cú nghĩa Bồ tát thật không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như việc thấy ở trong mộng không có nơi chốn, cú nghĩa Bồ tát thật không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như huyễn không có nghĩa thật, như sóng nắng, như tiếng vang, như bóng, như Phật biến hóa (kinh Đại Bát nhã ghi : Phật sắc, thọ, tưởng, hành, thức; Phật sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp v.v... ND), không có thật nghĩa, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế, không có thật nghĩa, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như sắc người huyễn không có thật nghĩa; thọ, tưởng, hành, thức người huyễn không có thật nghĩa. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát thật không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như con mắt người huyễn không có thật nghĩa, cho đến ý không có thật nghĩa.

Tu bồ đề! Như sắc người không có thật nghĩa cho đến pháp không có nghĩa; nhãn xúc cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không có thật nghĩa. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát thật không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như người huyễn khi tu hành nội không không có thật nghĩa, cho đến tu hành vô pháp hữu pháp không không có thật nghĩa. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như người huyễn tu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung không có thật nghĩa. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát thật không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như sắc của Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri không có thật nghĩa, vì sắc ấy không có. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như thọ, tưởng, hành, thức của Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri không có thật nghĩa, vì thức ấy không có. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như mắt Phật không có nơi chốn, cho đến ý không có nơi chốn; sắc cho đến pháp không có nơi chốn; nhãn xúc cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không có nơi chốn. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như Phật nội không không có nơi chốn, cho đến vô pháp hữu pháp không không có nơi chốn. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như bốn niệm xứ của Phật không có nơi chốn, cho đến mười tám pháp không chung không có nơi chốn. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như trong hữu vi tánh không có nghĩa vô vi tánh, trong vô vi tánh không có nghĩa hữu vi tánh. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu Bồ đề! Như nghĩa bất sinh bất diệt không có nơi chốn. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như chẳng làm, chẳng ra, chẳng được, chẳng nhơ, chẳng sạch nên không có nơi chốn. Cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Pháp gì chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn? Pháp gì chẳng làm, chẳng ra, chẳng được, chẳng nhơ, chẳng sạch nên không có nơi chốn?

Phật bảo Tu bồ đề: Sắc chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi có chốn; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn, cho đến chẳng nhơ, chẳng sạch cũng như vậy.

Mười hai nhập, mười tám giới chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi có chốn, cho đến chẳng nhơ, chẳng sạch cũng như vậy.

Bốn niệm xứ chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn, cho đến chẳng nhơ chẳng sạch cũng như vậy; mười tám pháp không chung chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi có chốn, cho đến chẳng nhơ chẳng sạch cũng như vậy. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như tịnh nghĩa bốn niệm xứ rốt ráo không thể có được. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như tịnh nghĩa bốn Chánh cần cho đến mười tám pháp không chung rốt ráo không thể có được. Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như trong tướng tịnh tướng ngã không thể có được, vì tướng ngã không có; cho đến trong tướng tịnh, tướng kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì tướng biết thấy không có. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như khi mặt trời xuất hiện, không có bóng tối; Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như lúc kiếp tận lửa đốt, không còn việc gì. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Trong tịnh giới uẩn của Phật không có phá giới. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tất không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như trong định uẩn của Phật không có tâm tán loạn, trong tuệ uẩn của Phật không có tâm ngu si, trong giải thoát uẩn của Phật không có không giải thoát, trong giải thoát tri kiến uẩn của Phật không có không giải thóat tri kiến. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như trong ánh sáng Phật, ánh sáng mặt trời mặt trăng không hiện, trong ánh sáng Phật ánh sáng của trời Tứ thiên vương, trời ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu xuất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng cho đến trời A ca nị tra không hiện. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy, vì cớ sao? Vì hết thảy pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ tát,

nghĩa Bồ tát, đều chẳng hợp, chẳng tán, không sắc không hình, không đối ngại, nghĩa là nhất tướng vô tướng.

Như vậy, Tu bồ đề! Bổ đề! Bồ tát ma ha tát đối với hết thảy pháp cần nên học, nên biết.

Luận. Hỏi. Từ trước lại đây Phật với Tu bồ đề, dùng đủ thứ nhân duyên phá danh tự Bồ tát, sao nay còn hỏi cú nghĩa Bồ tát?

Đáp: Tu bồ đề phá danh tự Bồ tát, Phật không phá; nói danh tự Bồ tát từ trước lại đây rốt ráo không, chỉ từ trong số năm uẩn giả danh là Bồ tát. Song chúng sinh cho giả danh là thật, nên Phật nói gỉa danh không thật, chỉ từ các pháp số hòa hợp làm tên gọi.

Lại nữa, Phật pháp vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn. Tu bồ đề nhân danh tự Bồ tát không mà nói tướng Bát nhã ba la mật, nay muốn nghe Phật giảng tự nghĩa Bồ tát, nhân đó mà nói Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, nhân duyên nên hỏi có vô lượng vô biên, nghĩa là âm thanh của Phật có sáu mươi thứ trang nghiêm, có thể khiến cho chư thiên chuyên nghe huống gì người. Chỉ có âm thanh đủ khiến người ưa nghe huống gì nói đến nghĩa lợi ích lớn!

Tu bồ đề theo Phật nghe việc ấy, đối với người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên khiến họ phát tâm; người đã phát tâm mà chưa thực hành sáu Ba la mật, thì khiến họ thực hành; người thực hành mà không thanh tịnh thì khiến họ thanh tịnh; người thực hành thanh tịnh thì khiến trú địa vị bất thối; thành tựu chúng sinh, đầy đủ Phật pháp, cho đến được một đời bổ xứ.

Do vô lượng nhân duyên lợi ích như vậy, nên Phật dùng Tu bồ đề làm vấn chủ, để nói với chúng sinh ở tại pháp hội trong mười phương thế giới. Phật bảo Tu bồ đề: Vô nghĩa là cú nghĩa Bồ tát, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nơi chốn, cũng không ngã không tên, ở trong đó không nơi nương tựa, tức là pháp không, không ngã danh, không người đắc đạo. Phật khai thị cho Tu bồ đề: Nếu ông biết không ta, không của ta, thì chứng A la hán. Bồ tát cũng như vậy, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không ta, không của ta, giống như chim bay giữa hư không, không có dấu chân. Bồ tát nghĩa cũng như vậy, đi giữa các pháp hư không, không nơi nương tựa trú trước, vì lẽ ấy, nói không có cú nghĩa Bồ tát.

Hỏi: Thế nào là Bồ tát cú? Theo ngữ pháp của Thiên Trúc (Ấn Độ), các chữ hợp lại thành lời, các lời hợp lại thành cú. Như "Bồ" là một chữ, "Đề" là một chữ, hai chữ ấy không hợp lại thời không có lời, nếu hợp lại gọi là "Bồ đề", Trung Hoa dịch là trí tuệ vô thượng. "Tát đỏa" hoặc gọi là chúng sinh, hoặc gọi là đại tâm; vì trí tuệ vô thượng mà phát đại tâm, gọi là Bồ đề Tát đỏa. Nguyện muốn làm cho chúng sinh thành đạo Vô thượng, ấy gọi là Bồ đề Tát đỏa.

Lại nữa, trong phẩm này Phật và đệ tử dùng các nhân duyên nói nghĩa Bồ tát ma ha tát. Bồ đề một lời, Tát đỏa một lời, hai lời hợp lại nên gọi là nghĩa. Nếu muốn danh tự, ngữ cú, thời đều đồng một việc, không nơi chốn. Nay Tu bồ đề hỏi do pháp có tướng nhất định gì gọi là cú nghĩa Bồ tát. Thiên Trúc nói " Ba đà", Trung Hoa dịch là "Cú". Cú ấy có các nghĩa, như trong thí dụ ở sau sẽ nói.

Hỏi: Chỉ cần lấy việc chim bay giữa hư không thì cũng đủ chỉ rõ cú nghĩa,cớ sao phải nói rộng nhiều thứ?

Đáp: Chúng sinh nghe lãnh thọ, có nhiều hạng không đồng, có người ưa nghĩa, có người ưa thí dụ. Thí dụ có thể làm cho hiểu nghĩa, nhân ví dụ mà sinh tâm ưa thích, như người sinh ra đoan chánh, lại thêm trang sức, càng làm cho rực sáng. Trong thí dụ này phần nhiều lấy nghĩa để ví dụ nghĩa, như sau đây nói: Như mộng, như bóng, như tiếng vang, như sóng nắng, như việc Phật hóa ra, các việc ấy hư dối, như trước nói. Bồ tát nghĩa cũng như vậy, chỉ có thể tai tiếng, hư dối không thật, vì thế, Bồ tát không nên tự cao. Các câu như như, pháp tánh, pháp tướng, thật tế v.v..., không có nghĩa nhất định, như người huyễn, không có năm uẩn cho đến các Phật pháp, như năm pháp uẩn của Phật (Phật do năm pháp uẩn là giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hợp thành – ND) cho đến hết thảy pháp; như trong pháp hữu vi không có pháp vô vi, như trong pháp vô vi không có pháp hữu vi. Pháp vô vi chẳng sinh chẳng diệt, còn trong các pháp, không có tướng chẳng sinh chẳng diệt, cũng không có dị tướng; như ba mươi bảy đạo phẩm không có tướng thanh tịnh, vì có người đắm ba mươi bảy phẩm pháp ấy, tức là kiết sử; như ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được tướng thanh tịnh.

Hỏi: Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy làm sao tịnh?

Đáp: Mỗi mỗi tìm kiếm tướng ngã không thể có được, ấy gọi là ngã tịnh. Còn trong đệ nhất nghĩa không tịnh, không bất tịnh, thí như rửa thây chó chết thối, cho đến da lông, máu thịt, xương tủy đều hết, lúc ấy chẳng phải chó, chẳng phải heo, không được nói nó tịnh, không được nói nó bất tịnh. Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy cũng như vậy. Lấy trí tuệ vô ngã, không, mà tìm kiếm tướng ngã không thể có được, lúc ấy chẳng phải hữu ngã, chẳng phải vô ngã. Như khi mặt trời xuất hiện không có bóng tối, lúc kiếp tận không có mọi vật; như giới uẩn trong năm pháp uẩn của Phật, việc phá giới không thể có được, như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ngọc thật chư thiên, quỉ thần, rồng chúa v.v... đối với ánh sáng của Phật thời không hiện được, vì ánh sáng của Phật từ lực đại phước đức thần thông phát sinh. Cú nghĩa Bồ tát cũng như vậy, vào trong ánh sáng trí tuệ Bát nhã ba la mật , thời không hiện.

Nhân các thí dụ ấy dạy các Bồ tát hãy siêng học hết thảy pháp, không thủ tướng, vì không sở đắc vậy.

Kinh: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, những gì là hết thảy pháp? Tại sao trong hết thảy pháp không có tướng ngăn ngại, nên học, nên biết?

Phật bảo Tu Bồ đề: Hết thảy pháp là pháp lành, pháp ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp chung, pháp chẳng chung. Tu bồ đề! Ấy gọi là thảy pháp. Bồ tát ma ha tát đối với hết thảy pháp không có tướng ngăn ngại ấy, nên học, nên biết.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! sao gọi là pháp lành thế gian?

Phật bảo Tu bồ đề: Pháp lành thế gian là hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa môn, Bà la môn, kính thờ tôn trưởng, bố thí chỗ có phước, phước nghiệp bố thí, phước nghiệp trì giới, phước nghiệp tu định, phước nghiệp khuyến đạo, phương tiện sinh phước đức, mười thiện nghiệp đạo thế gian, quán chín tướng là tướng phình trướng, tướng máu chảy, tướng hư hoại, tướng mục nát, tướng bầm xanh, tướng bị trùng ăn, tướng tan rã, tướng xương trắng, tướng đốt cháy;bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm xả, niệm thiên,

niệm điều lành; niệm hơi thở, niệm thân, niệm chết; đó gọi là pháp lành thế gian.

Những gì là pháp chẳng lành? Cướp mạng kẻ khác, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác, nói phi thời, tham dục, não hại, tà kiến, mười bất thiện đạo; ấy gọi là pháp chẳng lành.

Thế nào là pháp hữu ký? Hoặc pháp lành hoặc pháp chẳng lành; ấy là pháp hữu ký.

Những gì là pháp vô ký? Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp vô ký, bốn đại vô ký; năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới vô ký, quả báo vô ký; ấy gọi là phápvô ký.

Những gì là pháp thế gian? Pháp thế gian là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ấy gọi là pháp thế gian.

Những gì là pháp xuất thế gian? Bốn niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, cửa không giải thoát, cửa Vô tướng giải thoát, cửa Vô tác giải thoát, ba Căn vô lậu là căn chưa biết muốn biết, căn biết, căn đã biết; ba Tam muội là Tam muội có giác có quán, Tam muội không giác có quán, Tam muội không giác không quán, hoặc minh, giải thoát, niệm, tuệ, chánh ức, tám bội xả. Những gì là tám? Đó là trong có sắc tướng ngoài quán sắc, là bội xả đầu; trong không sắc tướng ngoài quán sắc, là bội xả hai; tịnh bội xả thân tác chứng, là bội xả ba; vượt qua hết thảy tướng sắc, diệt tướng hữu đối, không niệm hết thảy dị tướng, vào vô biên hư không xứ, là bội xả bốn; vượt qua hết thảy vô biên hư không xứ, vào nhất thiết vô biên thức xứ, là bội xả năm; vượt qua hết thảy vô biên thức xứ, vào vô sở hữu xứ, là bội xả sáu; vượt qua hết thảy vô sở hữu xứ, vào phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, là bội xả bảy; vượt qua hết thảy phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, vào diệt thọ tưởng định, là bội xả tám.

Định chín thứ lớp là lìa dục lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc, vào Sơ thiền; diệt các giác quán bên trong thanh tịnh nên nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, vào Nhị thiền; lìa hỷ nên hành xả, thọ thân vui, thánh nhân nói được xả được, niệm hành lạc, vào Tam thiền; dứt hỷ lạc, trước hết diệt ưu khổ, hành xả không khổ không vui, niệm thanh tịnh, vào Tứ thiền; vượt qua hết thảy tướng sắc, diệt tướng

hữu đối, không nghĩ đến hết thảy dị tướng, vào vô biên hư không xứ; vượt qua hết thảy vô biên hư không xứ, vào hết thảy vô biên thức xứ; vượt qua hết thảy vô biên thức xứ, vào vô sở hữu xứ; vượt qua hết thảy vô sở hữu xứ, vào phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; vượt qua hết thảy phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, vào diệt thọ tưởng định.

Lại có pháp xuất thế gian là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, mười lực, bốn không sợ, bốn vô ngại, mười tám pháp không chung, Nhất thiết trí của Phật, ấy gọi là pháp xuất thế gian.

Những gì là pháp hữu lậu? Đó là năm thọ uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, sáu chủng, sáu xúc, sáu thọ, bốn thiền cho đến bốn định vô sắc, ấy gọi là pháp hữu lậu.

Những gì là pháp vô lậu? Đó là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung và Nhất thiết trí, ấy gọi là pháp vô lậu.

Những gì là pháp hữu vi? Đó là hoặc pháp sinh, trụ, diệt, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, năm uẩn cho đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh ra, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, và Nhất thiết trí; ấy gọi là pháp hữu vi.

Những gì là pháp vô vi? Đó là pháp chẳng sinh, chẳng trú, chẳng diệt, hoặc nhiễm hết, sân hết, si hết, như như, bất dị, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v... ấy gọi là pháp vô vi.

Những gì là pháp chung? Đó là bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc; như vậy gọi là pháp chung.

Những gì gọi là pháp không chung? Đó là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; ấy là pháp không chung.

Bồ tát ma ha tát đối với pháp tự tướng không ấy, không nên chấp trước, không lay động; Bồ tát cũng nên biết hết thảy pháp không hai tướng, không lay động; ấy gọi là nghĩa Bồ tát.

Luận. Hỏi: Cớ sao Tu bồ đề trước hỏi pháp lành thế gian, sau hỏi pháp xuất thế gian?

Đáp: Trước hỏi thô, sau hỏi tế. Trước biết tướng thế gian, sau mới có thể biết tướng xuất thế gian.

Pháp lành thế gian là biết có quả báo tội phước, có đời nay đời sau, có thế gian, có Niết bàn. Có các thánh hiền, Phật v.v... đời nay đời sau, và chứng thật tướng các pháp; hiếu thuận cha mẹ cho đến mười niệm và đúng như pháp có được tài vật cúng dường cung cấp Sa môn, Bà la môn. Sa môn là người xuất gia cầu đạo. Bà la môn là người học vấn tại gia.

Hai hạng người này ở thế gian làm được việc khó làm, lợi ích chúng sinh, đáng nên cúng dường.

Tôn trưởng là đối với chú bác, chị, anh, cung kính cúng dường, đó là cách tu ở nhà. Bố thí, trì giới, tu định, khuyến đạo, như ở phẩm đầu đã nói.

Phương tiện sinh phúc đức như là sám hối, tùy hỷ, thỉnh Phật trụ lâu ở đời không Niết bàn, Chuyển pháp luân, như tuy tu hành Không, không chấp trước Không, trở lại tu hành các pháp lành. Do các phương tiện như vậy sinh các phước đức.

Mười thiện đạo cho đến bốn định vô sắc, như trước đã nói.

Trong mười niệm, tám việc như trướcđã nói.

Niệm điều lành là tư duy nhân duyên nghiệp lành, chế phục tâm mình. Lại nữa, Niết bàn là pháp chơn thiện, thường buộc tâm niệm tưởng Niết bàn, ấy là niệm thiện.

Thân niệm tức là thân niệm xứ. Trái với pháp lành gọi là pháp bất thiện.

Pháp vô ký là tâm oai nghi, tâm công xảo, tâm biến hóa và là khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp; trừ năm uẩn thiện và bất thiện, ngoài ra năm uẩn khác và hư không vô vi, phi trạch diệt vô vi v.v...

Pháp thế gian là năm uẩn hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký; mười hai nhập, tám vô ký có bốn mươi ba loại, mười tám giới, tám vô ký có mười ba loại. Mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ấy là pháp lành, người phàm phu có thể thành được.

Lại, tự không thể ra khỏi thế gian nên gọi là pháp thế gian.

Pháp xuất thế gian là ba mươi bảy đạo phẩm, ba môn giải thoát, ba căn vô lậu, ba Tam muội, như trước nói.

Minh là ba minh, giải thoát là hữu vi giải thoát, vô vi giải thoát.

Niệm là mười niệm.

Tuệ là mười trí tuệ.

Chánh ức là quán theo thật tướng các pháp, như quán theo thân pháp, gốc của hết thảy pháp lành.

Lại nữa, tám bội xả, chín định thứ lớp, mười tám không, mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp không chung, như đã nói rộng ở trước.

Bốn niệm xứ v.v... ấy, nhất tâm vì đạo vậy.

Lại, tám bội xả, chín định thứ lớp v.v... phàm phu không thể chứng được, nên gọi nó là pháp xuất thế gian.

Niệm, tuệ, chánh ức tuy có có hai thứ là thế gian và xuất thế gian, trong đây chỉ nói về xuất thế gian.

Pháp hữu lậu là năm uẩn, bốn thiền, bốn định vô sắc.

Pháp vô lậu là pháp chẳng phải thế gian, đó là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung.

Pháp hữu vi lược nói có ba tướng là sinh, trụ, diệt, ràng buộc ba cõi và bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Tuy là pháp vô vi, song vì pháp có tạo tác, ấy là pháp hữu vi. Trái với tướng hữu vi gọi là pháp vô vi.

Lại nữa, diệt các phiền não ba độc v.v... năm uẩn không còn thứ lớp nối nhau; như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v... ấy gọi là pháp vô vi.

Hỏi: Sắc như như, sắc không lìa như như, như như không lìa sắc, sắc là hữu vi, làm sao như như là vô vi được?

Đáp: Sắc có hai thứ: 1. Sắc do mắt thịt kẻ phàm phu ức tưởng phân biệt. 2. Sắc thật tướng do tâm thánh nhân biết được, như Niết bàn. Sắc của phàm phu biết gọi là sắc, sắc ấy vào trong như như lại chẳng sinh chẳng diệt. Như pháp hữu vi tuy là năm uẩn mà có các danh tự là mười hai nhập, mười tám giới, nhân duyên v.v... Pháp vô vi tuy có ba thứ cũng phân biệt nhiều danh tự là như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v...

Pháp chung là chỗ sinh, chỗ vào của phàm phu và thánh nhân, vì chung nên gọi là pháp chung.

Pháp chẳng chung là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Bồ tát phân biệt biết mỗi mỗi tướng của các pháp, pháp ấy theo nhân duyên hòa hợp sinh, nên không có tự tánh, vì không có tự tánh nên tánh không. Bồ tát trú trong pháp vô chướng ngại ấy không lay động, vì dùng pháp môn bất nhị nhập má vào hết thảy pháp không lay động vậy.

(Hết cuốn 44 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 45

GIẢI THÍCH: PHẨM MA HA TÁT THỨ 13

(Kinh Ma Ha Bát nhã ghi: Phẩm Kim Cang)

Kinh: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là Ma ha tát?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát đối với chúng tất định làm thượng thủ, nên gọi là Ma ha tát.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Những gì là chúng tất định mà Bồ tát làm thượng thủ?

Phật bảo Tu bồ đề: Chúng tất định là Tánh địa nhân, Bát nhân, Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát mới phát tâm, cho đến Bồ tát ở địa vị bất thối. Tu bồ đề! Ấy là chúng tất định mà Bồ tát làm thượng thủ. Bồ tát ma ha tát đối với chúng ấy sinh tâm lớn, không thể hoại như Kim cang sẽ làm thượng thủ cho chúng tất định.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Thế nào là Bồ tát ma ha tát sinh tâm lớn không thể hoại như Kim cang?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát nên sinh tâm như vầy: Ta sẽ trang nghiêm lớn ở trong vô lượng sinh tử; ta phải nên bỏ hết thảy sở hữu; ta phải nên giữ tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh; ta phải nên lấy ba thừa độ thoát hết thảy chúng sinh, khiến vào Vô dư Niết bàn; ta độ hết thảy chúng sinh rồi, mà không có cho đến chỉ một người vào Niết bàn; ta phải nên hiểu tướng chẳng sinh của hết thảy các pháp; ta phải nên lấy tâm thuần Tát bà nhã tu hành sáu Ba la mật; ta phải nên học trí tuệ, liễu đạt hết thảy pháp; ta phải nên liễu đạt môn nhất tướng trí của các pháp; ta phải nên liễu đạt cho đến môn vô lượng tướng trí. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát sinh tâm lớn, không thể phá hoại như Kim cang. Bồ tát ma ha tát ở tâm ấy mà làm thượng thủ đối với chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Tu bồ đế! Bồ tát ma ha tát, nên sinh tâm như vầy: Ta sẽ thay hết thảy chúng sinh mười phương, hoặc chúng sinh địa ngục, hoặc chúng sinh súc sinh, hoặc chúng sinh ngã quỷ mà chịu thống khổ; vì mỗi mỗi chúng sinh trải trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp thay thế chịu khổ địa ngục cho đến

khi chún sinh ấy vào Vô dư Niết bàn. Do pháp ấy, vì chúng sinh mà chịu mọi cần khổ. Chúng sinh ấy vào Vô dư Niết bàn rồi vậy sau tự trồng căn lành, trải qua vô lượng trăm ngàn ức vô số kiếp, sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đế! Ấy là Bồ tát ma ha tát tâm lớn không thể hoại như Kim cang, trú trong tâm ấy vì chúng tất định làm thượng thủ.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát sinh tâm khoái thích lớn, trú trong tâm khoái thích ấy mà vì chúng tất định làm thượng thủ.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn! Thế nào là tâm khoái thích lớn của Bồ tát ma ha tát?

Phật dạy: Bồ tát ma ha tát từ khi mới phát tâm, cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không sinh tâm ô nhiễm, tâm sân nhuế, tâm ngu si, tâm não hại, tâm Thanh văn, tâm Bích chi Phật, ấy gọi là tâm khoái thích lớn của Bồ tát ma ha tát; trú trong tâm ấy mà vì chúng tất định làm thượng thủ, cũng không nghĩ có tâm ấy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát sinh tâm bất động.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Sao gọi là tâm bấtđộng?

Phật dạy: Thường niệm tâm trí nhiết thiết chủng, cũng không nghĩ rằng có tâm ấy, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát bất động.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, đối với hết thảy chúng sinh, nên sinh tâm lợi ích an vui. Sao gọi là tâm lợi ích an vui? Là cứu vớt hết thảy chúng sinh, không bỏ hết thảy chúng sinh, làm việc ấy cũng không nghĩ có tâm ấy. Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát sinh tâm lợi ích an vui đối với hết thảy chúng sinh.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, tu hành Bát nhã ba la mật, làm bậc thượng thủ tối thắng giữa chúng tất định.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nên tu hành tâm muốn pháp, mừng pháp, vui pháp. Thế nào là pháp? Đó là không phá thật tướng các tướng các pháp, ấy gọi là pháp.

Thế nào gọi là muốn pháp, mừng pháp? Là tin pháp, nhẫn chịu pháp, lãnh thọ pháp; ấy gọi là muốn pháp, mừng pháp.

Thế nào là vui pháp? Là thường tu hành pháp ấy, ấy gọi là vui pháp.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, có thể làm bậc thượng thủ đối với chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đác vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, trú ở nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, trú ở bốn niệm xứ cho đến trú ở mười tám pháp không chung, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, trú ở trong Tam muội như Kim cang, cho đến trú ở trong Tam muội lìa đắm hư không không nhiễm, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát trú ở trong các pháp ấy, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì nhân duyên ấy nên gọi là Ma ha tát.

Luận: Tu bồ đề đã theo Phật nghe nghĩa Bồ tát, nay hỏi nghĩa Ma ha tát.

“Ma ha”, Trung Hoa dịch là “lớn”; “Tát đỏa” Trung Hoa dịch là “tâm” hoặc “chúng sinh”. Chúng sinh này tối thượng đệ nhất giữa các chúng sinh thế gian, nên gọi là lớn. Lại, lấy tâm lớn biết hết thảy pháp, muốn độ hết thảy chúng sinh, ấy gọi là lớn.

Lại nữa, Bồ tát nên gọi là Ma ha tát, Ma ha tát nên gọi là Bồ tát, vì phát tâm cầu đạo Vô thượng vậy.

Lại nữa, như đã nói rộng trong phẩm Tán thán nghĩa Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói nghĩa Ma ha tát.

Chúng sinh có ba phần: 1. Chánh định, chắc chắn vào Niết bàn. 2. Tà định, chắc chắn vào ác đạo. 3. Bất định. Rất lớn ở giữa chúng sinh chánh định, nên gọi là Ma ha tát.

Đại chúng là chỉ hết thạy thánh hiền, trừ Phật.

Tánh địa nhân là sinh trong tánh Thánh nhân, nên gọi là tánh, như tiểu nhi sinh trong nhà sang quí, tuy nhỏ chưa có thể làm gì, sau chắc chắn hy vọng thành việc lớn. Địa vị này kể từ noãn pháp cho đến thế đệ nhất pháp.

Bất nhân địa là tu hành trong mười lăm tâm thuộc kiến đế đạo.

Hỏi: Trong mười lăm tâm ấy cớ sao gọi là bát nhân?

Đáp: Trong tư duy đạo dùng trí nhiều, trong kiến đế đạo dùng kiến và nhẫn nhiều, trí đi theo nhẫn, vì cớ sao? Vì công nhẫn lớn.

Lại nữa, nhẫn và trí, hai việc ấy có thể đoạn, có thể chứng. Trú ở trong tám nhẫn nên gọi là bát nhẫn.

Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, như trước đã nói.

Bồ tát sơ phát tâm là, có người nói: Người mới phát tâm, được vô sinh pháp nhẫn, theo tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà phát tâm, ấy gọi là mới phát tâm, là chơn phát tâm. Rõ biết thật tướng các pháp, cũng biết tướng của tâm, phá các phiền não, theo tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không điên đảo; tâm ấy gọi là sơ phát tâm.

Có người nói: Người phàm phu tuy trú ở các kiết sử, nghe nói công đức Phật, phát tâm đại bi, thương xót chúng sinh, nguyện ta sẽ thành Phật. Tâm ấy tuy ở trong phiền não, vì tâm tôn quí, được trời người cung kính, như Thái tử của Chuyển luân Thánh vương khi mới thụ thai đã hơn các đứa con khác, trời quỉ, thần đều tôn quí. Tâm Bồ tát cũng như vậy, tuy ở trong kiết sử, đã hơn chư thiên, thánh nhân, có thần thông.

Lại nữa, Bồ tát từ khi mới phát tâm cho đến khi chưa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có người được thọ ký vào pháp vị, được vô sinh pháp nhẫn, gọi là bất thối chuyển. Tướng bất thối chuyển, sau sẽ nói rộng.

Đối với đại chúng như vậy sẽ làm bậc thượng thủ, nên gọi là Ma ha tát. Bồ tát ấy muốn làm chủ hết thảy Thánh nhân, nên phát tâm lớn, chịu hết thảy khổ, tâm kiên cố như Kim cang bất động.

Tâm Kim cang là không bị hết thảy kiết sử phiền não làm lay động, thí như núi Kim cang không bị gió làm lay động. Các chúng sinh ác, người ma đi đến, không làm theo ý nó, không tin thọ lời nó; bị sân mắng, hủy báng,

đánh đập, giam trói, chặt đâm, cắt chẻ, tâm không đổi khác. Có người đến xin đầu mắt, tủy não, tay chân, da thịt, gân, xương, đều có thể cho hết. Người xin không biết chán còn sân giận mắng nhiếc, bấy giờ tâm Bồ tát nhẫn chịu không động, thí như núi Kim cang kiên cố, người đến đục khoét hủy hoại, trùng thú cắn xé, không một chút tổn giảm; ấy gọi là tâm Kim cang.

Lại nữa, Phật tự nói tướng của tâm Kim cang, là Bồ tát nên nghĩ rằng: Ta không phải một tháng, một năm, một đời, hai đời, cho đến ngàn vạn kiếp mà thề lớn trang nghiêm, ta phải nên trải qua vô lượng, vô số, vô biên đời sống chết làm lợi ích độ thoát chúng sinh. Hai là ta nên bỏ hết thảy vật quí trọng trong ngoài. Ba là tâm bình đẳng không thương ghét đối với chúng sinh. Bốn là ta sẽ lấy ba thừa mà tùy căn cơ độ thoát hết thảy chúng sinh. Năm là độ chúng sinh như vậy rồi, mà thật không độ ai, không có công ấy, trong tâm ấy cũng không hối hận không chìm đắm. Sáu là ta sẽ nên biết tướng các pháp là chẳng sinh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng nhơ chẳng sạch. Bảy là ta sẽ nên lấy tâm thanh tịnh vô nhiễm tu hành sáu Ba la mật, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng. Tám là ta sẽ nên khéo biết hết thảy việc của thế gian làm và việc nên biết của xuất thế gian, thông đạt rõ ràng hết thảy. Chín là ta sẽ nên hiểu rõ môn nhất tướng trí của các pháp, đó là hết thảy các pháp rốt ráo không, quán hết thảy pháp như tướng Vô dư Niết bàn, lìa các ức tưởng phân biệt. Mười là ta sẽ nên biết các pháp hai tướng ba môn (bản Đại tạng Tích sa và Đại Chánh đều ghi ba tướng) cho đến vô lượng tướng môn, thông đạt rõ ràng.

Hai tướng là hết thảy pháp có hai thứ là hoặc có, hoặc không, hoặc sinh, hoặc diệt, hoặc làm hoặc không làm, hoặc sắc hoặc vô sắc v.v...

Ba môn là hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều, từ ba trở lên đều gọi là nhiều. Hoặc có, hoặc không, hoặc chẳng phải có chẳng phải không; hoặc trên hoặc giữa, hoặc dưới; hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; ba cõi; ba pháp thiện, bất thiện, vô ký; ba môn, bốn môn, năm môn, như vậy vô lượng pháp môn, đều thông suốt vô ngại, trong đó tâm không hối, không khiếp, không nghi, tín thọ thông đạt vô ngại, thường tu không dứt, diệt các phiền não, quả báo nó và các việc chướng ngại, đều làm cho bại hoại; như Kim cang có thể xô các núi. Trú trong tâm Kim cang ấy, sẽ làm bậc thượng thủ của đại chúng, vì bất khả đắc không.

Bất khả đắc không là nếu Bồ tát sinh đại tâm như Kim cang như vậy mà sinh lòng kiêu mạn thời tội nặng hơn phàm phu. Vì vậy nói dùng vô sở đắc, các pháp không có định tướng, như huyễn như hóa.

Lại nữa, tâm như Kim cang là có những chúng sinh bị đọa vào ba đường ác, ta sẽ thay thế chịu siêng khổ, vì mỗi mỗi chúng sinh chịu thế khổ địa ngục cho đến khi chúng sinh ấy từ địa ngục ra khỏi, nhóm các căn lành, đến khi chứng Vô dư Niết bàn rồi. Lại cứu hết thảy chúng sinh, triển chuyển như vậy độ hết thảy chúng sinh, sau mới tự mình nhóm các công đức, trải qua vô lượng A tăng kỳ kiếp, mới thành Phật, trong ấy tâm không hối không thu hẹp lại. Thay thế chúng sinh chịu siêng khổ như vậy, tự tạo các công đức, ở lâu trong sinh tử, tâm không hối không chìm đắm, như đất Kim cang giữ gìn ba ngàn đại thiên thế giới, khiến không lay động, tâm ấy bền chắc nên gọi là như Kim cang.

Tâm khoái thích lớn là tuy có tâm bền chắc, chưa phải khoái thích lớn; như ngựa tuy có sức lớn mà chưa có khoái thích lớn. Đối với chúng sinh được hai tâm bình đẳng nên không sinh dục nhiễm, nếu có thiên ái thời là giặc; phá tâm chấp ngã v.v... là gốc của Phật đạo. Thường thực hành tâm từ bi nên không có sân giận, thường quán các pháp nhân duyên hòa hợp sinh không có tự tánh, nên không ngu si; ái niệm chúng sinh quá hơn con đỏ nên không có tâm não hại; không bỏ chúng sinh, quí Phật đạo, nên không sinh tâm Thanh văn, Bích chi Phật.

Hỏi: Nếu tâm kiên cố như Kim cang tức là bất động, sao nay còn nói tâm bất động?

Đáp: Hoặc có khi tuy kiên cố mà tâm còn có tăng giảm, như cây tuy kiên cố mà còn có thể lay động. Động có hai: 1. Ngoại duyên làm động, như trước nói. 2. Nộiduyên làm động, như tà kiến, nghi v.v... Nếu thường nhớ nghĩ Phật đạo và hết thảy trí tuệ, rằng ta sẽ được quả báo ấy, nên tâm không động.

Lại nữa, Bồ tát nên dùng các nhân duyên làm lợi ích chúng sinh, từ việc uống ăn cho đến Phật kỹ nhạc làm lợi chúng sinh, thường không bỏ chúng sinh, muốn khiến cho lìa khổ, ấy gọi là tâm an lạc và cũng không nghĩ có tâm ấy.

Lại nữa, Bồ tát vui pháp, gọi là thượng thủ. Pháp là không phá hoại các pháp tướng. Không phá các tướng là không có pháp có thể chấp trước,

không có pháp có thể lãnh thọ, nghĩa là bất khả đắc. Tánh bất khả đắc không ấy chính là Niết bàn; thường tin thọ nhẫn chịu pháp ấy, gọi là dục pháp; thường tu hành ba môn giải thoát gọi là vui pháp.

Lại nữa, Bồ tát an trú trong mười tám không, vì không rơi vào mười tám ý hành, nên không khởi tội nghiệp. Trú bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, diệt các phiền não, nhóm các thiện pháp, có thể làm thượng thủ.

Lại nữa, Bồ tát vào tâm Kim cang Tam muội v.v... hưởng thọ khoái lạc, chán cái vui thế gian, tăng trưởng thiện căn và trí tuệ phương tiện nên làm thượng thủ giữa chúng hội đại thánh. Nếu đối với người lớn mà làm thượng thủ được, thì huống gì đối với người nhỏ! Thế nên gọi là Ma ha tát.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM ĐOẠN KIẾN THỨ 14

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Đoạn Chư Kiến thứ 12)

Kinh: Bấy giờ Tuệ mạng Xá lợi phất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con muốn nói vì sao gọi là Ma ha tát.

Phật dạy: Ông hãy nói.

Xá lợi phất thưa: Chấp ngã, chấp chúng sinh, chấp thọ, chấp mạng, chấp sinh, chấp dưỡng dục, chấp chúng sổ, chấp người, chấp làm, chấp khiến làm, chấp khởi lên, chấp khiến khởi lên, chấp thọ, chấp khiến thọ, chấp có kẻ biết, chấp có kẻ thấy, chấp đoạn, chấp thường, chấp có, chấp không, chấp năm ấm, chấp mười hai nhập, chấp mười tám giới, chấp bốn đế, chấp mười hai nhân duyên, chấp bốn niệm xứ cho đến chấp mười tám pháp không chung, chấp Phật đạo, chấp thành tựu chúng sinh, chấp tịnh quốc độ Phật, chấp Phật, chấp chuyển pháp luân. Vì dứt các kiến chấp như vậy mà thuyết pháp, ấy gọi là Ma ha tát.

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất rằng: Vì nhân duyên gì nên chấp sắc gọi là khiến chấp? Vì nhân duyên gì nên chấp thọ, tưởng, hành, thức cho đến chấp chuyển Pháp luân gọi là kiến chấp?

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, không có phương tiện thiện xảo nên đối với sắc sinh ra kiến chấp, vì dùng hữu sở đắc; đối với thọ, tưởng, hành, thức cho đến chuyển Pháp luân sinh ra kiến chấp, vì dùng hữu sở đắc. Ở đây, Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, lấy sức phương tiện thiện xảo, dứt các lưới kiến chấp mà thuyết pháp, vì dùng vô sở đắc.

Luận. Hỏi: Phật dẫn 500 đại A la hán đến ao rồng A na bà đạt đa thọ sự dục lạc xa lìa, nói về nhân duyên nghiệp trước của tự thân và đệ tử mà Xá lợi phất không có ở đó. Phật bảo Mục liên đi gọi đến. Khi ấy Mục liên dùng sức thần thông đi đến Kỳ hoàn gặp Xá lợi phất đang may y. Xá lợi phất nói với Mục liên đợi chút, chờ may y xong sẽ đến. Mục liên thúc dục đi mau. Bấy giờ Mục liên lấy tay xoa y, y liền hoàn thành. Xá lợi phất thấy Mục liên quí thần thông ấy, liền lấy eo dải áo ném xuống đất và nói rằng: Ông hãy cất dãi áo ấy lên. Mục liên lấy hai tay cất dãi lên, nhưng không làm sao cất lìa khỏi đất, liền vào định sâu xa để cất lên, quả đất bị rung động mạnh,

dãi aó vẫn dính sát đất. Lúc ấy, Kiều trần như hỏi Phật: Vì nhân duyên gì mà quả đất rung động mạnh?

Phật dạy: Vì Mục liên vào định sâu xa, dùng sức thần thông lớn cất dãi áo của Xá lợi phất lên mà không được.

Phật bảo các Tỳ kheo: Thiền định của Xá lợi phất vào hoặc ra, cho đến Mục liên còn không biết rõ tên; thiền định của Phật vào và ra, cho đến Xá lợi phất còn không biết rõ tên.

Hỏi: Như vậy, trí tuệ Xá lợi phất còn cách xa Phật, cớ sao nói con cũng vui nói?

Đáp: Xá lợi phất chẳng phải muốn phơi bầy trí tuệ của mình trước đại chúng, cao tâm cố nói. Xá lợi phất chỉ là người theo Phật chuyển pháp luân, rộng làm lợi ích chúng sinh. Nghĩa chữ Ma ha tát ích lợi rất lớn, thế nên Phật dạy xong, Xá lợi phất tiếp nói theo.

Lại nữa, nhiều người tin vui Xá lợi phất nói, vì cớ sao? Vì nhân duyên đời trước nghe Xá lợi phất nói, nhiều người phát tâm Bồ tát. Phật do các nhân duyên vì tâm đại từ bi, tâm tôi, ta và căn bản tập khí đã nhổ sạch, pháp ái đã dứt, nên cho phép Xá lợi phất nói.

Xá lợi phất nói: Chấp ngã, chấp kẻ biết, kẻ thấy, chấp Phật, chấp Bồ tát, chấp chúng sinh và các tà kiến chấp hữu, vô, đoạn, thường, năm uẩn cho đến các kiến chấp về chư Phật chuyển pháp luân. Bồ tát ấy dứt được ba thứ kiến chấp ấy nên sẽ thuyết pháp giữa đại chúng. Ba thứ kiến chấp này, từ vô thỉ lại, đã dính quen vào xương tủy. Tu bồ đề nghĩ rằng: Phật dạy năm uẩn cho đến các Phật pháp là chỗ hành của Bồ tát, cớ sao vì dứt các kiến chấp nên thuyết pháp? Nghĩ như vậy rồi liền hỏi Xá lợi phất. Xá lợi phất đáp: Bồ tát không có phương tiện thiện xảo mà muốn tu hành Bát nhã ba la mật, quán sắc tìm định tướng, thủ lấy sắc định tướng nên sinh ra chấp kiến sắc; trái với đây, gọi là có phương tiện thiện xảo. Bồ tát này tuy quán sắc, không sinh vọng kiến mà dứt được các tà kiến.

Kinh: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói vì sao gọi là Ma ha tát!

Phật dạy: ông hãy nói.

Tu bồ đề nói: Bạch đức Thế Tôn! Tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm vô đẳng đẳng ấy không chung với tâm Thanh văn, Bích chi Phật, vì cớ sao? Vì tâm Nhất thiết trí là vô lậu, chẳng rằng buộc; đối với tâm vô lậu, chẳng ràng buộc cũng không chấp trước; vì nhân duyên ấy nên gọi là Ma ha tát.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Thế nào là tâm vô đẳng đẳng của Bồ tát ma ha tát không chung với tâm Thanh văn, Bích chi Phật?

Tu bồ đề nói: Bồ tát ma ha tát từ khi mới phát tâm đến nay không thấy pháp có sinh có diệt, có thêm có bớt, có nhơ có sạch. Xá lợi phất! Nếu pháp không sinh không diệt, cho đến không nhơ không sạch, trong đó không có tâm Thanh văn, Bích chi Phật, không có tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có tâm Phật. Xá lợi phất! Ấy gọi là tâm vô đẳng đẳng của Bồ tát ma ha tát, không chung với tâm Thanh văn, Bích chi Phật.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Như Tu bồ đề nói, tâm Nhất thiết trí, tâm vô lậu, tâm không ràng buộc, không dính mắc.Tu bồ đề! Sắc cũng không dính mắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng không dính mắc; bốn niệm xứ cũng không dính mắc, cho đến mười tám pháp không chung cũng không dính mắc, cớ sao chỉ nói tâm ấy không dính mắc?

Tu bồ đề nói: Như vậy, như vậy! Sắc cũng không dính mắc, cho đến mười tám pháp không chung cũng không dính mắc.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đế: Tâm người phàm phu cũng vô lậu không ràng buộc, vì tánh không; tâm Thanh văn, Bích chi Phật, tâm chư Phật cũng vô lậu chẳng rằng buộc, vì tánh không.

Tu bồ đề nói: Đúng vậy, Xá lợi phất!

Xá lợi phất nói: Tu bồ đề! Nếu sắc cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không; thọ,tưởng, hành, thức cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không; cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng vô lậu,chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Tu bồ đề nói: Đúng như vậy!

Xá lợi phất nói: Bốn niệm xứ cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không, cho đến mười tám pháp không chung cũng vô lậu chẳng rằng buộc, vì tánh không.

Tu bồ đề nói: Đúng vậy! Như điều Xá lợi phất nói, tâm người phàm phu cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không; cho đến mười tám pháp không chung cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Như chỗ Tu bồ đề nói không, vì không có tâm nên không chấp trước tâm ấy. Tu bồ đề! Vì sắc không có nên không chấp trước sắc; vì thọ, tưởng, hành, thức cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không có nên không chấp trước thọ; vì bốn niệm xứ không có nên không chấp trước bốn niệm xứ, cho đến vì mười tám pháp không chung không có nên không chấp trước mười tám pháp không chung.

Tu bồ đề nói: Đúng như vậy, Xá lợi phất! Vì sắc không có nên đối với sắc không chấp trước, cho đến vì mười tám pháp không chung không có nên đối với mười tám pháp không chung không chấp trước. Như vậy, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật dùng tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng tâm vô đẳng đẳng, không chung với tâm Thanh văn, Bích chi Phật, không nghĩ có tâm ấy, cũng không chấp trước tâm ấy, vì hết thảy pháp vô sở đắc, vì thế nên gọi là Ma ha tát.

Luận. Tu bồ đề nói tâm vô đẳng đẳng của Ma ha tát, đối với tâm ấy cũng không chấp trước. Không chấp trước là Bồ tát từ khi phát tâm lại đây không thấy có pháp, có tướng nhất định hoặc sinh hoặc diệt, hoặc thêm hoặc bớt, hoặc nhơ hoặc sạch. Tâm ấy rốt ráo không, trong đó không có tâm tướng phi tâm tướng, vì các tướng rốt ráo thanh tịnh, vì thế nên không có tâm Thanh văn, tâm Bích chi Phật, tâm Bồ tát, tâm Phật.

Tu bồ đề xưng quí tâm như vậy cũng tốt, Bồ tát không chấp trước tâm ấy cũng là tôn quí. Xá lợi phất muốn hỏi Tu bồ đề nên nói rằng: Chẳng phải chỉ có tâm Nhất thiết trí là vô lậu chẳng rằng buộc, Bồ tát không nên tự cao, vì cớ sao? Vì tâm người phàm phu cũng vô lậu chẳng rằng buộc, vì tánh thường không. Như tâm Thanh văn, Bích chi Phật, tâm Phật vô lậu, chẳng rằng buộc, thật tướng của tâm người phàm phu tánh không. Thật tướng tánh không, thanh tịnh không dính mắc, như trước nói: Mây tối che mặt trời mặt trăng, chứ không thể ô uế mặt trời mặt trăng. Lại, thật tướng của các phiền não với tâm tướng thường tánh không không khác nhau, chỉ ở nơi địa vị phàm phu thì là nhơ là sạch, còn ở nơi địa vị Thánh, vì tu trí tuệ vô tướng, không có phân biệt, chỉ vì thương xót chúng sinh nên tuy còn có nói năng mà tâm không chấp trước. Chẳng phải riêng tâm phàm

phu là vô lậu chẳng ràng buộc, mà năm uẩn cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tu bồ đề nói: Phải!

Xá lợi phất lại nói: Tâm ấy không có tâm, vì tâm tướng không, nên không chấp trước. Nơi sắc, sắc tướng không có nên cũng không chấp trước, cho đến các Phật pháp cũng như vậy.

Tu bồ đề nói: Đúng như vậy! Vì thế nên Bồ tát có thể quán các pháp tánh thường không, bất khả đắc không rốt ráo thanh tịnh, vì vậy nên nói tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm vô đẳng đẳng, không chung với tâm Thanh văn, tâm Bích chi Phật, không nghĩ có tâm ấy, cũng không chấp trước tâm ấy, có thể mau đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM PHÚ LÂU NA THỨ 15

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thừa Đại Thừa 14)

Kinh: Bấy giờ Phú lâu na Di đa la ni tử (Mãn Từ tử) bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói lý do gọi là Ma ha tát.

Phật dạy: Ông hãy nói.

Phú lâu na Di đa la ni tử nói: Bồ tát đại trang nghiêm là Bồ tát phát tâm thú hướng Đại thừa, Bồ tát ấy cưỡi xe lớn (Đại thừa) nên Bồ tát ấy gọi là Ma ha tát.

Xá lợi phất nói với Phú lâu na: Thế nào gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm?

Phú lâu na nói với Xá lợi phất: Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm không phân biệt vì bấy nhiêu người nên trú Thí ba la mật, thực hành Thí ba la mật, mà vì hết thảy chúng sinh nên trú Thí ba la mật, thực hành Thí ba la mật; không vì bấy nhiêu người nên trú Giới ba la mật, thực hành Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật,Thiến ba la mật, Bát nhã ba la mật, mà vì hết thảy chúng sinh nên trú Bát nhã ba la mật, thực hành Bát nhã ba la mật.

Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm không giới hạn chúng sinh rằng Ta sẽ độ ngần ấy người chứ không độ các người khác; không nói rằng Ta chỉ làm cho ngần ấy người đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn các người khác không đến. Bồ tát ma ha tát ấy khắp vì hết thảy chúng sinh nên đại trang nghiêm. Lại nghĩ rằng: Ta sẽ tự đầy đủ Thí ba la mật, cũng làm cho hết thảy chúng sinh tu hành Thí ba la mật; tự đầy đủ Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền ba la mật, tự đầy đủ Bát nhã ba la mật, cũng làm cho chúng sinh tu hành Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Thí ba la mật, có bố thí gì tâm đều tương ưng với Trí nhất thiết chủng, cùng hết thảy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Xá lợi phất! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, có Thí ba la mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, không hướng đến địa vị Thanh văn, Bích

chi Phật. Xá lợi phất! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, có Giới ba la mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, tin, nhẫn, muốn đối với pháp bố thí ấy, ấy gọi là khi tu Thí ba la mật, có Nhẫn ba la mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, siêng tu không nghỉ; ấy gọi là khi tu Thí ba la mật có Tinh tấn ba la mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, nhiếp tâm, không khởi lên tâm Thanh văn, Bích chi Phật; ấy gọi là khi tu Thí ba la mật có Thiền ba la mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, quán các pháp như huyễn, không có người thí, không có vật thí, không có người thọ; ấy gọi là khi tu Thí ba la mật có Bát nhã ba la mật đại trang nghiêm.

Như vậy, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, không thủ đắc các tướng Ba la mật, nên biết ấy là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, cùng hết thảy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật có Thí ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật có tâm tin, nhẫn, muốn đối với giới pháp ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật có Nhẫn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật, siêng tu không nghỉ; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật có tinh tấn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật, không thọ nhận tâm Thanh văn, Bích chi Phật; ấy gọi là Bố tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật có Thiền ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật, quán hết thảy pháp như huyễn, cũng không nghĩ có giới ấy, vì dùng vô sở đắc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật có Bát nhã ba la mật.

Như vậy Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật; thu nhiếp các Ba la mật khác, vì vậy nên gọi là đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, cùng hết thảy chúng sinh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật có Thí ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật, không thọ nhận tâm Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ thọ nhận tâm Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật có Giới ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, thân tâm tinh tấn, không ngừng không nghỉ; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật có Tinh tấn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật, nhiếp tâm ở một chỗ, tuy gặp việc khổ, tâm không tán loạn; ấy gọi là Bố tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật có Thiền ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán các pháp không, không có người làm, không có người thọ, không có người trách mắng, cắt xẻ, tâm như huyễn như mộng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật có Bát nhã ba la mật.

Như vậy Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật, thu nhiếp các Ba la mật khác.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Tấn ba la mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, không để cho thân tâm biếng nhác; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Tấn ba la mật có Thí ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, trước sau đầy đủ trì giới thanh tịnh; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật có Giới ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật, tu hành nhẫn nhục với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật có Nhẫn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, nhiếp tâm, lìa dục, vào các thiền định; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật có Thiền ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không chấp thủ tướng hết thảy các pháp, đối với không chấp thủ tướng cũng không chấp trước; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật có Bát nhã ba la mật.

Như vậy Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật, thu nhiếp các Ba la mật khác.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, định tâm bố thí, không để tâm loạn; ầy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật có Thí ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật, trì giới với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, do định lực nên việc phá giới không thể xen vào; ầy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật có Giới ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, do định từ bi nên nhẫn các não hại; ấy gọi là Bồ tát ma há tát khi tu Thiền ba la mật có Nhẫn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật, tâm tương ưng với trí nhất thiết chủng, đối với thiền không hứng thú, không nhiễm trước, thường cầu tăng tiến từ một thiền đến một thiền; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật có Tinh tấn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không nương dựa hết thảy pháp, cũng không theo thiền sinh; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật có Bát nhã ba la mật.

Như vậy, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật, thu nhiếp các Ba la mật khác.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, bố thí vật sở hữu trong ngoài, không chút luyến tiếc, không thấy người cho, người nhận và vật thí; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật có Thí ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không thấy hai việc giữ giới phá giới; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật có Giới ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không thấy người trách, người mắng, người đánh, người giết, cũng không thấy dùng cái không ấy mà nhẫn nhục được; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật có Nhẫn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán các pháp rốt ráo không, lấy tâm đại bi, tu các thiện pháp; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật có Tinh tấn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, vào các thiền định, quán các tướng lìa, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác của các thiền; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật có Thiền ba la mật.

Như vậy Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, thu nhiếp các Ba la mật khác.

Xá lợi phất! như vậy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Đại trang nghiêm Bồ tát ấy, mười phương chư Phật hoan hỷ, xưng danh tán thán ở giữa đại chúng rằng, ở thế giới ấy có Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm ấy, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh Phật độ.

Luận: Phú lâu na nghe hai đại đệ tử trên nói nghĩa Ma ha tát, được Phật hứa khả nói lành thay. Và Phú lâu na được Phật ở giữa đại chúng tán thán là vị pháp sư trên hết, lại muốn nói nghĩa Ma ha tát nên bạch Phật rằng: Con cũng muốn nói, Phật liền cho phép nói.

Hỏi: Tu bồ đề là vị chủ nói Bát nhã ba la mật, thì Xá lợi phất nên hỏi Tu bồ đề, cớ sao nay hỏi Phú lâu na?

Đáp: Hai người ấy đồng là Bà la môn, chỉ lấy tên mẹ làm tên, hai người ấy đều là bậc lớn ở trong Phật pháp. Xá lợi phất lớn trong hàng trí tuệ. Phú lâu na thuyết pháp nhiều cách trang nghiêm, dắt dẫn chúng hữu tình, bậc lớn trong hàng thuyết pháp, cho nên hai người ấy ngang nhau, ngang nhau nên cùng nhau nghị luận ở trước Phật.

Lại, Phú lâu na trước đã cùng Xá lợi phất luận nghị, khéo đáp lại nhau. Như trong kinh Thí dụ bảy xe nói, họ đã cùng làm người thân hậu, lại ưa cùng luận lý, còn Tu bồ đề không có nhân duyên như vậy.

Lại, Phú lâu na nói nghĩa Ma ha tát, cho nên nên hỏi, chứ cớ sao lại hỏi Tu bồ đề!

Nghĩa Ma ha tát được nói đó là người đại trang nghiêm, như người đi xa, có nhiều tư lương, lại như phá giặc nên chuẩn bị khí giới. Bồ tát ấy cũng như vậy, muốn phá giặc phiền não ma quân, nên tu hành sáu Ba la mật để tự trang nghiêm. Người này trải vô lượng kiếp ở lâu trong sinh tử, nhóm các phước đức trí tuệ để làm tư lương; trong ba thừa, vì xu hướng Đại thừa nên phát tâm tu sáu Ba la mật, cưỡi xe lớn.

Xá lợi phất hỏi Phú lâu na: Thanh văn, Bích chi Phật cũng xu hướng đạo. Sao không gọi là đại trang nghiêm, mà chỉ nói Bồ tát đại trang nghiêm?

Phú lâu na đáp rằng: Thanh văn, Bích chi Phật tuy thực hành sáu việc bố thí v.v... nhưng có hạn lượng, vì tự độ mình và độ những chúng sinh đáng được độ; vì thế không gọi là đại trang nghiêm. Bồ tát độ không phân biệt, không giới hạn vì ngần ấy chúng sinh nên tu bố thí cho đến trí tuệ. Không nghĩ rằng: Ta độ ngần ấy người được tam thừa, không thể độ ngần ấy người, khiến ngần ấy người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn ngần ấy người không thể độ. Bồ tát thực hành đại trang nghiêm khiến hết thảy chúng sinh đều vào Đại thừa làm Phật. Bồ tát thực hành đại trang nghiêm, tự thực hành Thí ba la mật cũng khiến chúng sinh thật thành Thí ba la mật, cho đến thực hành Bát nhã ba la mật, cũng như vậy.

Hỏi: Sao gọi là đại trang nghiêm?

Đáp: Vì độ chúng sinh, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên thực hành các công đức phước thiện, lược nói là thực hành sáu Ba la mật, như Phú lâu na thứ lớp nói.

Nếu Bồ tát vì hết thảy trí tuệ nên thực hành Thí ba la mật, phước đức ấy chung cho hết thảy chúng sinh.

Chung nghĩa là phước đức bố thí ta và chúng sinh chung hưởng, ta lấy đó hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hồi hướng là với công đức ấy không cầu làm vua người, vua trời, cái vui thiền định thế gian, chỉ vì chúng sinh nên cho đến cái vui Niết bàn cũng không cầu. Đem quả báo ấy, vì độ chúng sinh nên cầu Phật pháp. Các tướng như vậy gọi là Thí ba la mật đại trang nghiêm.

Bồ tát ấy khi thực hành bố thí, nếu thấy các Bích chi Phật, A la hán hiện đại thần thông, được sạch lậu hoặc, vào Niết bàn, cũng không tham trước việc ấy, chỉ nhất tâm tu Phật đạo; ấy gọi là Thí ba la mật phát sinh Giới ba la mật. Lúc bố thí, nếu có người ác khẩu mắng nhiếc, dao gậy hủy hại, cưỡng xin những cái không đáng xin, tâm không sân không hối, vào trong thật tướng các pháp là rốt ráo không; ấy gọi là Thí ba la mật phát sinh Nhẫn ba la mật.

Lúc thực hành bố thí, hòa hợp tài vật, thủ hộ để bố thí cho kẻ kia, thân tâm không biếng nhác không ngừng nghỉ; ấy gọi là Thí ba la mật phát sinh Tinh tấn ba la mật.

Lúc bố thí, nhất tâm niệm Phật, niệm Phật pháp, không để tâm Thanh văn, Bích chi Phật xen vào; nhân bố thí ấy liền vào thiền đụnh; ấy gọi là Thí ba la mật phát sinh Thiền ba la mật.

Lúc bố thí, Bồ tát nghĩ rằng người thí, người nhận, tài vật do nhân duyên hòa hợp sinh nên không có tự tánh. Vì không có tự tánh nên không, như huyễn, như mộng. Vì chúng sinh không nên không có người nhận, không có người thí; vì pháp không nên không có tài vật; ấy gọi là Thí ba la mật phát sinh Bát nhã ba la mật.

Nếu Bồ tát vì Nhất thiết trí nên không chấp thủ các tướng Ba la mật, mà có thể thực hành các Ba la mật, ấy gọi là Bồ tát đại trang nghiêm. Trong ấy một Ba la mật sinh đủ các Ba la mật, trong kinh này tự phân biệt nghĩa ấy. Xưa nay nói khác, nghĩa chẳng rốt ráo, nên giúp phân biệt nói, mở cửa luận nghĩa. Năm Ba la mật kia, cũng nên tùy nghĩa để nói như vậy.

Hỏi: Sao chỉ nói trong Thí ba la mật phát sinh sáu Ba la mật, còn trong năm Ba la mật kia chỉ nói phát sinh năm?

Đáp: Nếu năm Ba la mật sau, mỗi mỗi đều phát sinh sáu Ba la mật, cũng không có lỗi. Sáu Ba la mật chẳng phải là pháp tu trong một lúc, trong một niệm mà trong vô lượng kiếp nhóm hợp sáu thứ công đức gọi là sáu Ba la mật. Trước phát sinh nhỏ, sau phát sinh vừa, lớn, có lỗi gì! Hết thảy các pháp đều lúc đầu nhỏ sau lớn, vì vậy các Ba la mật khác mỗi mỗi có thể phát sinh sáu Ba la mật.

Lại nữa, lúc hết thảy chư Phật thuyết pháp đều dạy Thí ba la mật là cửa ban đầu, như trong Kinh nói, Phật thường bắt đầu dạy cho chúng sinh bố thí, trì giới, sinh cõi trời, nói mùi vị năm dục, trước nói sự khổ não thế gian, lợi ích của đạo đức, sau mới nói bốn đế, vì thế nên đầu tiên nói bố thí.

Hỏi: Sao Phật nói bố thí là cửa ban đầu?

Đáp: Cách thu nhiếp chúng sinh không có gì hơn bố thí. Lớn nhỏ, sang hèn cho đến súc sinh, bố thí thu nhiếp được cả, cho đến người oan gia được thí cho liền trở thành người không oán không thân, người không oán không thân được thí cho thời trở thành người thân thiện. Chư Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình đầy đủ các công đức, sở nguyện được như ý, đều do bố thí mà được. Như Bổ tát Bảo Chưởng v.v... bảy báu từ trong tay xuất ra, đem cấp thí cho chúng sinh, lại làm cho chúng sinh hoan hỷ nhu nhuyến, có thể chứng được Niết bàn. Có các nghĩa như vậy nên bố thí đứng đầu.

Hỏi: Cớ sao Phú lâu na nói trong một Ba la mật phát sinh các Ba la mật phát sinh các Ba la mật làm đại trang nghiêm?

Đáp: Mỗi Ba la mật ấy riêng nhau thì hành lực yếu kém; như lính chưa tập luyện thời không đủ sức đánh giặc, nếu đại quân cùng họp trang nghiêm, cầm binh khí thời đủ sức phá giặc. Bồ tát cũng như vậy, sáu Ba la mật trang nghiêm một lúc thời có thể phá các giặc phiền não ma quân, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên nói trong một Ba la mật có đủ các Ba la mật.

Mười phương chư Phật xưng danh tán thán, thành tựu chúng sinh, tịnh Phật quốc độ, như trước nói.

Kinh: Tuệ mạng Xá lợi phất hỏi Phú lâu na Di đa la ni tử rằng:Vì sao Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa?

Phú lâu na nói với Xá lợi phất rằng: Bồ tát ma ha tát khi thực hành Bát nhã ba la mật, lìa các dục, lìa các pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc vào Sơ thiền, cho đến vào đệ Tứ thiền, lấy tâm từ rộng lớn, thực hành tâm không hai, không lượng, không oán, không hận, không não hại rãi khắp một phương, hai, ba, bốn phương, bốn góc, trên dưới; rãi khắp tất cả thế gian; tâm bi, hỷ xả cũng như vậy. Bồ tát ấy lúc vào thiền lúc ra thiền, các thiền, vô lượng tâm và cành ngọn, cùng tất cả chúng sinh hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu Thiền ba la mật phát tâm thú hướng Đại thừa.

Bồ tát ma ha tát ấy trú ở thiền tâm vô lượng, khởi niệm rằng: Ta sẽ được Trí nhất thiết chủng, sẽ thuyết pháp để dứt phiền não cho chúng sinh; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi hành Thiền ba la mật có Thí ba la mật.

Nếu Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng tu Sơ thiền, trú Sơ thiền; nhị Tam, Tứ thiền cũng như vậy, không thọ nhận các tâm Thanh văn, Bích chi Phật; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi hành Thiền ba la mật có Giới ba la mật.

Nếu Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng vào các thiền, nghĩ rằng: Ta sẽ thuyết pháp để dứt phiền não cho chúng sinh có các tâm muốn, vui, nhẫn ấy; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi hành Thiền ba la mật có Nhẫn ba la mật.

Nếu Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng vào các thiền, nhóm các thiện căn, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, siêng tu không nghỉ; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi hành Thiền ba la mật có Tinh tấn ba la mật.

Nếu Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu bốn thiền và cành ngọn, quán tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, cùng với hết thảy chúng sinh hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi hành Thiền ba la mật có Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phất! Ấy là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát thực hành từ tâm, nghĩ rằng: Ta sẽ đem an lạc cho tất cả chúng sinh; vào bi tâm ta sẽ cứu vớt tất cả chúng sinh; vào hỷ tâm ta sẽ độ tất cả chúng sinh; vào xả tâm ta sẽ làm cho tất cả chúng sinh

sạch hết lậu hoặc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu vô lượng tâm có Thí ba la mật.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát tu các thiền vô lượng tâm ấy, không hướng đến địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu vô lượng tâm có Giới ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát tu bốn vô lượng tâm, không tham địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ nhẫn, vui, muốn Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu vô lượng tâm, có Nhẫn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Nếu Bồ tát ma ha tát tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu bốn vô lượng tâm, hành hạnh thanh tịnh; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu bốn vô lượng tâm có Tinh tấn ba la mật.

Lại nữa, nếu Bồ tát ma ha tát khi vào thiền, vào vô lượng tâm cũng chẳng tùy theo thiền vô lượng tâm phát sinh; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu vô lượng tâm có phương tiện Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phất! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa, hết thảy cách tu bốn niệm xứ, cho đến hết thảy cách tu tám Thánh đạo phần, hết thảy cách tu ba môn giải thoát, cho đến mười tám pháp không chung; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát có trí tuệ đối với nội không vì vô sở đắc, cho đến có trí tuệ đối với vô pháp hữu pháp không, vì vô sở đắc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát đối với hết thảy pháp, trí tuệ không loạn không định; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Xá lợi phất Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng đại thừa, trí tuệ phi thường, phi vô thường; trí tuệ phi lạc, phi khổ, phi thật, phi không, phi ngã, phi vô ngã; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa, vì vô sở đắc.

Lại nữa, Xá lợi phất! Trí Bồ tát ma ha tát không đi trong đời quá khứ, không di trong đời vị lai, không đi trong đời hiện tại, cũng chẳng phải không biết ba đời, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa, vì vô sở đắc.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa trí không đi trong cõi Dục, không đi trong cõi Sắc, không đi trong cõi Vô sắc, cũng chẳng phải không biết cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, vì vô sở đắc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa trí không đi trong pháp thế gian, không đi trong pháp xuất thế gian, không đi trong pháp hữu vi, không đi trong pháp vô vi, không đi trong pháp hữu lậu, không đi trong pháp vô lậu, cũng chẳng phải không biệt pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu vi, pháp vô vi, hữu lậu, vô lậu, vì vô sở đắc.

Xá lợi phất! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Luận. Hỏi: Sáu Ba la mật, nếu nói nghịch thời nên nói Bát nhã ba la mật trước, rồi tiếp nói thiền... nếu nói thuận thời nên nói Thí ba la mật trước, sao nay nói Thiền ba la mật trước?

Đáp: Phát sinh đại trang nghiêm không có chúng sinh nào phá hoại được. Nếu nói Bồ tát không có thiền định, tâm chưa lìa dục, tuy có tu hành các Ba la mật khác, thời dễ bị hoại. Tu Thiền ba la mật, có thể vào tâm từ vô lượng, bấy giờ không bị phá; như nói người tu Từ Tam muội, dao không làm tổn thương, nước lửa không làm hại, cũng có sức thần thông, biến hóa các thứ, có thể phát sinh đại trang nghiêm; như Phật dạy, chim không có hai cánh, không thể bay liệng. Bồ tát không có lực thần thông, không thể phát sinh đại trang nghiêm. Vào trong Thiền ba la mật, có thể làm phát sinh tâm từ vô lương. Vì có năm thần thông nên ngoại vật không làm tổn thương được; vì vậy nên nói Thiền ba la mật trước hết.

Hỏi: Trong bốn thiền có các thứ công đức, đều có thể hành sáu Ba la mật, sao nay chỉ nói trong bốn tâm vô lượng hành sáu Ba la mật?

Đáp: Bốn tâm vô lượng, thủ tướng chúng sinh, duyên chúng sinh, Bồ tát thường vì chúng sinh nên hành đạo, trong bốn tâm vô lượng ấy có tâm từ bi, có thể làm lợi ích chúng sinh; còn tám bội xả, định chín thứ lớp v.v... không có lợi ích như vậy.

Hỏi: Bồ tát trú ở năm thần thông có thể rộng làm lợi ích chúng sinh, cớ sao không nói?

Đáp: Đại bi là căn bản của Bồ tát. Lại. năm thần thông trước đã nói, sau sẽ nói bốn tâm vô lượng, vì đã nói nên nay không nói, nếu Bồ tát chỉ hành

bốn tâm vô lượng, thì không gọi là phát tâm thú hướng Đại thừa. Vì có sáu Ba la mật hòa hợp nên gọi là phát tâm thú hướng Đại thừa. Bốn tâm vô lượng phát sinh sáu Ba la mật, trong đây Phú lâu na tự nói nhân duyên ấy.

Hỏi: Làm thế nào tu hết thảy bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung?

Đáp: Có hai thứ là tín hành tánh và pháp hành tánh. Tín hành tánh thì quán vô thường, khổ; hoặc chỉ quán vô thường, hoặc chỉ quán khổ. Pháp hành tánh thì quán không, vô ngã, hoặc chỉ quán không, hoặc chỉ quán vô ngã. Bồ tát vì độ chúng sinh nên hết thảy pháp môn đều tu đều học..

Lại nữa, người phát tâm Đại thừa lấy mười tám không phá mười tám thứ pháp, cũng bỏ luôn trí tuệ về mười tám thứ không ấy.

Lại nữa, Bồ tát quán các pháp thường định, cũng không chấp thủ định tướng, ấy gọi là trí tuệ không định không loạn.

Lại nữa, vì sợ đọa vào điên đảo chấp thường chấp lạc, nên không quán các pháp thường, lạc, vì sợ đọa vào điên đảo chấp đoạn diệt nên không quán vô thường.

Lại nữa, nếu Bồ tát trí tuệ đối với ba cõi, ba đời không quán, không hành, không thủ tướng, biết nó đều hư vọng mà không rơi vào vô minh.

Lại nữa, đối với thế gian, xuất thế gian cũng chẳng phải trí. Chẳng phải trí là vì không, không có định tướng, rốt ráo thanh tịnh. Chẳng phải bất trí là vì quán vô thường, khổ, không v.v... Vào Bát nhã ba la mật không, chẳng phải không hành trí. Không hành là vì ngăn kiến, phá pháp ái, lìa nương tựa. Không phi trí là vì không ngu si, khác với phàm phu. Lại, hành là giữ giới, tu thiền định, tập các pháp quán. Sao gọi là phi trí? Như trong kinh Phật Lợi Chúng Sinh nói.

“Hành giả bỏ các pháp.

Cũng không nương tựa tuệ,

Cũng không phân biệt gì,

Ấy là trí quyết định”

(Hết cuốn 45 theo bản Hán)